

SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN THANH CHƯƠNG



Ban hành : T10/2021
Cập nhật lần thứ 3: T8/2024

Thanh Chương, T8/2024

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
1.1. Tên gọi, biểu tượng.....	1
1.2. Tôn chỉ, mục đích	1
1.3. Căn cứ pháp lý.....	1
1.4. Cơ cấu tổ chức nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương	2
1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động	4
1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động	4
II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM	5
2.1. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm chứng chỉ rừng (chủ rừng)	5
2.3. Quyền và trách nhiệm của trưởng nhóm cấp xã/BQL RPH.....	6
2.4. Quyền và trách nhiệm của Quản lý nhóm (Chủ thể nhóm).....	6
2.5. Ban Đại diện nhóm Chứng chỉ rừng FSC huyện Thanh Chương	7
III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM	8
IV. DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC	9
V. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	12
PHỤ LỤC A: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÓM	14
QTQLN – 01: QUY TRÌNH MỞ RỘNG, KẾT NẠP THÀNH VIÊN VÀO NHÓM	14
QTQLN - 02: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM.....	25
QTQLN - 03: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI.....	29
QTQLN – 04: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT NỘI BỘ	36
QTQLN – 05: QUY TRÌNH LẬP, CẬP NHẬT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG	57
QTQLN - 06: QUY TRÌNH THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN.....	58
QTQLN - 07: QUY TRÌNH KÊ KHAI HỒ SƠ LÂM SẢN VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM COC	63
QTQLN – 08: QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ THẦU.....	76
QTQLN – 09: QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHẤN MÁC FSC.....	79
QTQLN – 10: KIỂM SOÁT, LƯU TRỮ VÀ CẬP NHẬT HỒ SƠ, VĂN BẢN.....	83
QTQLN 11. QUY TRÌNH, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG; BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG, NGHỆ NGHIỆP	86
PHỤ LỤC B: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG	91
QTQLR - 01. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG.....	91
QTQLR - 02. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG	94
QTQLR - 03. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG	95
QTQLR – 04: QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN.....	96
QTQLR - 05. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG	98
QTQLR- 06. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV AN TOÀN HIỆU QUẢ.....	100
QTQLR -07. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG.....	103
QTQLR - 08. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG.....	104
QTQLR - 10. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI.....	108
QTQLR -11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI	110
QTQLR- 12. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP	112
QTQLR -13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG.....	116
QTQLR – 14. QUY TRÌNH BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI	121

QTQLR -15. QUY TRÌNH BẢO VỆ CÁC ĐỊA ĐIỂM CÓ Ý NGHĨA VỀ MẶT TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG, LĂNG MỘ	124
QTQLR -16. QUY TRÌNH KIỂM SOÁT LOÀI THỰC VẬT NGOẠI LAI, XÂM LẤN	125
TQLR -17. QUY TRÌNH SỬ DỤNG MÁY CẮT CỎ.....	132
QUY TRÌNH 18: XỬ LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁI PHÉP HOẶC BẤT HỢP PHÁP TRÊN LÔ RỪNG	

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Phải đáp ứng yêu cầu quản lý rừng theo “Danh mục kiểm tra sự tuân thủ FSC” và phù hợp với kế hoạch quản lý rừng của nhóm ít nhất là 5 năm;

- Các thành viên đồng ý để Quản lý nhóm (Công ty Cổ phần BVN Thanh Chương) là đơn vị đại diện xin cấp chứng chỉ FSC, chịu sự kiểm tra giám sát hàng năm của đơn vị cấp chứng chỉ.

1.1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Nhóm chứng chỉ rừng Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
- Tên tiếng nước ngoài: Thanh Chuong Forest Certification Groups
- Tên viết tắt: TC-FCG
- Biểu tượng:



1.2. Tôn chỉ, mục đích

Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương (sau đây gọi tắt là Nhóm) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người trồng rừng và những người hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Thành viên Nhóm không phân biệt tuổi tác, dân tộc, tôn giáo, nam, nữ, tự nguyện tham gia vì mục đích trồng rừng có chứng chỉ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC.

1.3. Căn cứ pháp lý

Ban đại diện cấp chứng chỉ rừng FSC/FM cho các nhóm hộ trên địa bàn huyện Thanh Chương được thành lập theo Quyết định số 1905/QĐ-UBND của UBND huyện Thanh Chương. Và quyết định thành lập nhóm CCR cấp xã của các xã trên địa bàn huyện Thanh Chương. Ban đại diện Chứng chỉ rừng FSC huyện Thanh Chương là đầu mối hỗ trợ nhóm chứng chỉ rừng. Công ty CP BVN Thanh Chương (BVN Thanh Chương) là đại diện tư cách pháp nhân xin cấp chứng chỉ FSC/FM cho nhóm.

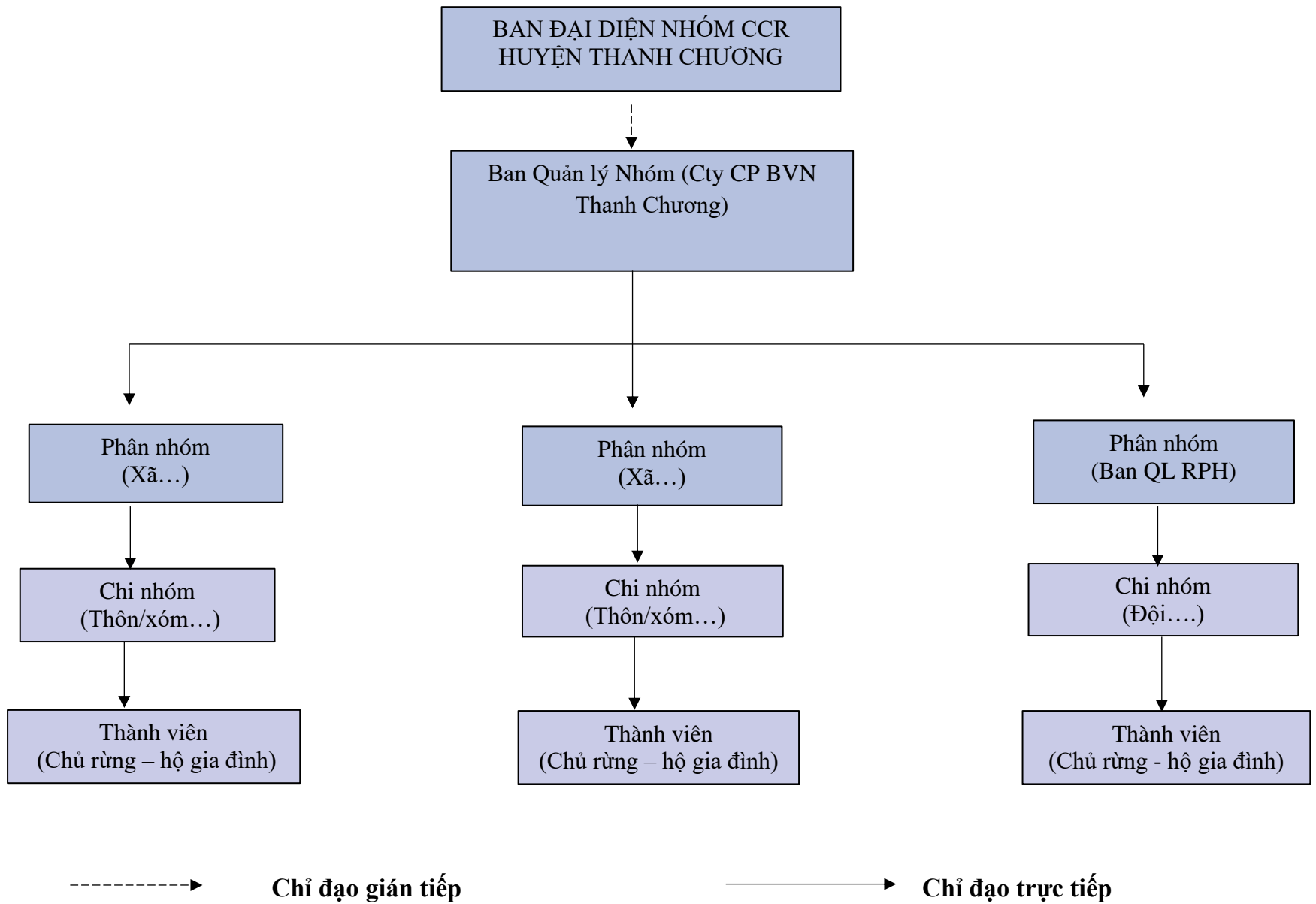
Công ty CP BVN Thanh Chương đại diện cho các thành viên trong nhóm giữ chứng chỉ và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng.

Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương thực hiện việc duy trì chứng chỉ và hàng năm mở rộng chứng chỉ trên địa bàn các xã/BQL RPH của huyện Thanh Chương. Dự kiến, trong giai đoạn 2021-2026, nhóm sẽ tăng thêm số lượng thành viên đến khoảng 5.000 hộ gia đình và diện tích rừng khoảng 17.000 ha trên địa bàn huyện Thanh Chương.

1.4. Cơ cấu tổ chức nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

Để phù hợp trong công tác tổ chức quản lý nhóm và triển khai các hoạt động trong quản lý rừng, Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý nhóm bao gồm các cấp:

- Cấp huyện = Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương
- Cấp xã/BQL RPH = Các xóm tham gia trong một xã (Trưởng nhóm xã)
- Cấp xóm = Các hộ dân trong thôn liên kết với nhau (Trưởng nhóm xóm)
- Chủ rừng = Thành viên nhóm cấp xóm (hộ gia đình)



- **Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương**

1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

a. Nhóm hoạt động trên phạm vi huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trong lĩnh vực lâm nghiệp.

b. Nhóm chịu sự quản lý nhà nước của UBND huyện Thanh Chương và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Nhóm theo quy định của pháp luật.

1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

Nguyên tắc 1: Tự nguyện, tự quản.

Nguyên tắc 2: Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

Nguyên tắc 3. Kinh phí hoạt động do Công ty CP BVN Thanh Chương chi trả.

Nguyên tắc 4: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ nhóm.

II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM

2.1. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm chứng chỉ rừng (chủ rừng)

Tham gia nhóm chứng chỉ rừng là sự tự nguyện của các chủ rừng, để đảm bảo công tác tổ chức nhóm được ổn định và chặt chẽ, tất cả thành viên nhóm chứng chỉ rừng đều phải có trách nhiệm đối với sự tồn tại và phát triển của nhóm.

a. Quyền của thành viên:

- Được lựa chọn mục tiêu kinh doanh rừng, tham gia đàm phán giá cả khi bán gỗ;
- Được hưởng lợi toàn bộ sản phẩm từ rừng, sau khi đã hoàn thành đóng góp các khoản phí theo thỏa thuận giữa thành viên với nhóm (nếu có);
- Được tham gia chia sẻ thông tin trong xây dựng kế hoạch giám sát, giám sát chéo các thành viên khác trong công tác quản lý rừng;
- Được bầu và bãi nhiệm Trưởng nhóm cấp thôn.

b. Trách nhiệm của thành viên:

- Tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quản lý rừng hiện hành và điều lệ thành viên nhóm;
- Cam kết các diện tích rừng của thành viên được đưa vào nhóm, sẽ không được đưa vào một chứng chỉ FSC nào khác;
- Đồng ý cho phép Quản lý nhóm, cơ quan cấp chứng chỉ FSC và ASI được thực hiện công việc kiểm tra và trách nhiệm của họ;
- Đồng ý rằng Quản lý nhóm sẽ thay mặt làm người liên hệ với cơ quan cấp chứng chỉ;
- Thực hiện đúng, đủ các hoạt động trong kế hoạch quản lý rừng;

c. Lưu trữ hồ sơ: Sổ đỏ hoặc hợp đồng thuê đất lâm nghiệp.

2.2. Quyền và trách nhiệm của Trưởng nhóm cấp xóm/trạm

Trưởng nhóm cấp xóm/trạm là các trưởng nhóm đã được bầu bởi UBND xã và BQL RPH (trạm). Trưởng nhóm cấp xóm/trạm sẽ đại diện cho Quản lý nhóm (QLN) thực hiện quản lý và giám sát các hoạt động quản lý rừng của thành viên tại các xóm/trạm.

a. Quyền của Trưởng nhóm cấp xóm/trạm:

- Lựa chọn nông dân chủ chốt để tham mưu, giúp việc trong quá trình hoạt động;
- Điều phối các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp xóm/trạm;
- Giám sát và yêu cầu các hành động khắc phục lỗi khi phát hiện;

b. Trách nhiệm Trưởng nhóm cấp xóm/trạm:

- Hướng dẫn cách điền đơn gia nhập nhóm (**Biểu 1A**) và kế hoạch quản lý rừng theo lô (**Biểu 2B**);
- Thực hiện kiểm tra điều kiện ban đầu khi chủ rừng gia nhập nhóm chứng chỉ và mô tả hành lang -vùng đệm, điền vào biểu (**Biểu 2C**);
- Làm công tác truyền thông trong cộng đồng và giải thích các vấn đề thắc mắc cho thành viên nhóm về QLRBV - FSC;
- Thực hiện giám sát hàng năm (**Biểu 8B**);
- Ghi chép và báo cáo kết quả các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và giám sát quản lý rừng lên Trưởng Ban đại diện cấp xã (1 lần/ quý);

- Cùng Trưởng nhóm xã, thành viên đàm phán giá bán gỗ với khách hàng và ký hợp đồng bán gỗ khi được thành viên ủy quyền;
- c. Lưu trữ hồ sơ: các tài liệu, hồ sơ liên quan đến thành viên và nhóm xóm/trạm, bao gồm: danh sách thành viên; kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp xóm/trạm theo năm; báo cáo kết quả các đợt giám sát trong năm; bản photo hồ sơ của thành viên nhóm (sổ đỏ, các chứng từ mua cây giống, phân bón, ...).

2.3. Quyền và trách nhiệm của trưởng nhóm cấp xã/BQL RPH

Trưởng nhóm cấp xã/BQL RPH lần lượt được UBND xã/BQL RPH cử làm đại diện cấp chính quyền/đơn vị để tổ chức quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động của nhóm chứng chỉ rừng cấp xã/BQL RPH, đồng thời tham mưu cho Lãnh đạo UBND xã/BQL RPH ra các quyết định liên quan đến quá trình hoạt động của nhóm chứng chỉ rừng xã/BQL RPH.

a. Quyền của Trưởng nhóm xã/BQL RPH

- Phối hợp cùng với các thành viên cấp huyện để điều tiết kế hoạch quản lý rừng cấp xã để đảm bảo tính ổn định và bền vững trong sản xuất kinh doanh rừng chứng chỉ.
- Giám sát các hoạt động quản lý rừng của nhóm cấp thôn và yêu cầu hành động khắc phục lỗi khi phát hiện.

b. Trách nhiệm của Trưởng nhóm xã/BQL RPH

- Cập nhật danh sách thành viên, kế hoạch quản lý rừng cấp xã dựa trên kế hoạch quản lý rừng cấp thôn cùng các bên liên quan;
- Thực hiện *Giám sát công tác quản lý rừng với biểu theo công thức chọn biểu là $X = 0,6 * \sqrt{y}$ của thành viên trong xã/BQL RPH đối với các lô rừng có diễn ra hoạt động (trồng rừng, khai thác...)* và $X=0,1*\sqrt{y}$ đối với các lô rừng không diễn ra các hoạt động (chăm sóc, lập ô đo đếm trừ lượng...)
- Phổ biến thông tin về thị trường giá cả lâm sản, khách hàng cho các nhóm thôn. Phối hợp cùng Trưởng nhóm thôn, chủ rừng đàm phán giá bán gỗ;
- Theo dõi, giải quyết các khiếu nại đối với thành viên nhóm xóm/trạm;
- Thu thập các tài liệu: Quy hoạch sử dụng đất cấp xã/huyện, giao đất cho trồng rừng, điều lệ an toàn lao động;
- Thu thập số liệu về tình hình kinh tế - xã hội hàng năm từ các nhóm xóm/trạm trong các cuộc họp thường niên của nhóm và từ báo cáo tổng kết các hoạt động của xã/BQL RPH trong năm;
- Báo cáo kết quả các hoạt động của nhóm cấp xã theo định kỳ 6 tháng/ 1 lần cho QLN, có thể có các báo cáo bất thường lên cấp Quản lý nhóm để xử lý khi ngoài tầm kiểm soát theo trách nhiệm của mình;
- c. Lưu trữ hồ sơ: danh sách thành viên nhóm xã; kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH; bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng cấp xã; lịch giám sát và kết quả các đợt giám sát; yêu cầu hành động khắc phục lỗi.

2.4. Quyền và trách nhiệm của Quản lý nhóm (Chủ thể nhóm)

Quản lý nhóm (QLN) là người đại diện của một đơn vị, tổ chức có tư cách pháp nhân. QLN được các thành viên Ban đại diện CCR và các thành viên trong nhóm tin cậy, ủy quyền đứng ra xin cấp chứng chỉ rừng cho nhóm. Hiện tại, BVN là đại diện QLN của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương, thuộc thành viên Ban Đại diện Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương.

a. Quyền của Quản lý nhóm:

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cấp chứng chỉ rừng và ký hợp đồng đánh giá cấp chứng chỉ rừng;

- Giữ bản gốc chứng chỉ rừng của nhóm;
- Kết nạp thành viên mới, mở rộng nhóm và khai trừ thành viên ra khỏi nhóm.

b. Trách nhiệm Quản lý nhóm:

- Cung cấp các thông tin về nhóm cho đơn vị cấp chứng chỉ tiến hành các thủ tục để đánh giá chính cấp chứng chỉ rừng và đánh giá định kỳ;
- Cập nhật danh sách thành viên, bản đồ nhóm chứng chỉ theo năm và thảo luận để điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng của nhóm phù hợp, ổn định và bền vững;
- Chính thức chấp nhận thành viên mới vào nhóm chứng chỉ hoặc ủy quyền cho Trưởng nhóm cấp xã ký xác nhận vào **Biểu IB**;
- Thông báo kế hoạch giám sát nội bộ, kế hoạch đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ rừng đến các nhóm cấp xã/BQL RPH và thông báo kế hoạch khắc phục lỗi sau đánh giá nội bộ và đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ đến các nhóm cấp xã/BQL RPH;
- Tổ chức giám sát nội bộ hàng năm với biểu theo công thức chọn biểu là $X = 0,6 * \sqrt{y}$ của thành viên trong nhóm và $X=0,1*\sqrt{y}$ đối với các lô rừng không diễn ra các hoạt động (chăm sóc, lập ô đo đếm trữ lượng...);
- Lưu trữ ngân hàng dữ liệu: tài liệu, số liệu của nhóm trên hệ thống máy tính, bản cứng nếu cần;

Trong trường hợp cần phát sinh để sửa đổi Sổ tay hoặc Điều lệ nhóm, Ban đại diện nhóm sẽ tổ chức một quá trình sửa đổi một cách minh bạch. Các sửa đổi cần được đồng thuận của ít nhất 2/3 số các thành viên của nhóm.

c. Lưu trữ hồ sơ: Quản lý nhóm lưu giữ hồ sơ cập nhật về tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn này và Tiêu chuẩn quản lý rừng hiện hành, bao gồm:

- Danh sách tất cả thành viên của nhóm, chi tiết cho từng thành viên:
 - Họ tên và thông tin liên lạc;
 - Ngày tham gia nhóm và ngày rời khỏi nhóm (nếu có) và lý do rời nhóm;
 - Số lượng và diện tích các lô rừng tham gia trong nhóm;
 - Vị trí của từng lô rừng trong nhóm, được hỗ trợ với bản đồ hoặc dữ liệu;
 - Loại hình sở hữu (tư nhân, đơn vị nhà nước quản lý; cộng đồng quản lý...);
 - Lâm sản khai thác chính;
- Tất cả hồ sơ đào tạo cho cán bộ quản lý nhóm và các thành viên nhóm
- Cam kết đồng ý tuân thủ chứng chỉ của tất cả các thành viên, thể hiện trong Đơn đăng ký tham gia nhóm CCR huyện Thanh Chương
- Tài liệu và hồ sơ hướng dẫn về thực hành quản lý rừng
- Hồ sơ giám sát nội bộ nhóm, các lỗi không tuân thủ và các hành động khắc phục để đóng các lỗi không tuân thủ đã phát hiện
- Hồ sơ về điều tra trữ lượng hoặc ước tính hàng năm của nhóm và sản lượng bán có khai báo FSC thực tế hàng năm của nhóm.

2.5. Ban Đại diện nhóm Chứng chỉ rừng FSC huyện Thanh Chương

Ban đại diện chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ về chủ trương và chính sách liên quan đến việc thành lập, duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ rừng trên địa bàn huyện Thanh Chương. Trong trường hợp, nhóm chứng chỉ rừng này phát triển

quy mô toàn tỉnh thì chức năng này có thể được điều chỉnh cho một đơn vị hoặc tổ chức khác phù hợp. Chính vì vậy, trong Sổ tay này chỉ đề cập đến vai trò của Ban đại diện nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương đang trong tầm kiểm soát nhóm chứng chỉ trong địa bàn huyện:

- Chỉ đạo các xã, BQL RPH tham gia cấp chứng chỉ rừng thực hiện vai trò quản lý nhà nước hỗ trợ hoạt động nhóm chứng chỉ rừng;
- Hỗ trợ, phê duyệt các đề xuất, báo cáo của nhóm chứng chỉ rừng;
- Phối hợp, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác quản lý đất lâm nghiệp, quản lý rừng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm hoạt động;

III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM

3.1. Các quy định chung

Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương phải xây dựng, thực hiện và cập nhật các quy định để quản lý nhóm bằng văn bản, bao gồm các yêu cầu của Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC, theo quy mô và sự phức tạp của nhóm:

- Quy định về điều kiện để trở thành thành viên của nhóm (**Mục 3.2**)
- Quy định về kết nạp các thành viên mới vào nhóm (**QTQLN – 01, mục 1**)
- Các quy định về khai trừ hoặc đình chỉ thành viên ra khỏi nhóm (**QTQLN-02**);
- Hệ thống giám sát nội bộ của nhóm (**QTQLN -04**);
- Quy trình khắc phục lỗi không tuân thủ được phát hiện trong đánh giá nội bộ và đánh giá bởi tổ chức cấp chứng chỉ, bao gồm thời hạn khắc phục và hậu quả nếu lỗi không được khắc phục (**QTQLN – 04, Mục 4.5**);
- Quy trình giải quyết khiếu nại từ các bên liên quan đến các thành viên trong nhóm (**QTQLN - 03**);
- Hệ thống theo dõi và truy xuất các lâm sản có chứng chỉ FSC do thành viên nhóm khai thác và vận chuyển (**CoC**) (**QTQLN – 07**);
- Các quy định về sử dụng các nhãn hiệu FSC và mã số FSC.

3.2. Quy định và điều kiện tham gia nhóm CCR huyện Thanh Chương

Điều 1: Điều kiện tham gia nhóm

Để đảm bảo tính thống nhất khi kết nạp thành viên vào nhóm chứng chỉ rừng Huyện Thanh Chương, tất cả chủ rừng có nhu cầu tham gia nhóm phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chủ rừng trồng phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
- Tự nguyện tham gia và có tinh thần đoàn kết, tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau;
- Tất cả các lô rừng đăng ký tham gia nhóm phải được kiểm tra điều kiện ban đầu và hoàn thành khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo yêu cầu của nhóm;
quản lý nhóm các cấp;
- Khi có những mâu thuẫn, các thành viên cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp giải quyết mang tính xây dựng đối với những người có liên quan;

- Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp đầy đủ các khoản phí (nếu có) theo quy định của nhóm.

Điều 2: Kết nạp thành viên mới vào nhóm (*Xem QTQLN – 01: Mở rộng, kết nạp thành viên vào nhóm*)

Điều 3: Xin ra khỏi nhóm

Những thành viên đã cam kết tham gia nhóm lâu dài nên chỉ có thể xin ra khỏi nhóm với những trường hợp ngoại lệ sau:

- Khi tham gia vào nhóm chứng chỉ khác hoặc làm chứng chỉ riêng;
- Khi rừng trồng thay đổi chủ sở hữu;
- Khi rừng trồng bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ diện tích.
- Thành viên xin ra khỏi nhóm phải thông báo và nêu lý do bằng văn bản cho Trưởng nhóm xóm/trạm và không được hoàn lại bất kỳ khoản đóng góp từ trước nếu có (trừ trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ rừng trồng).

Điều 4: Khai trừ thành viên ra khỏi nhóm

Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương bởi lý do:

- Không chấp hành Điều lệ nhóm;
- Không cho Quản lý nhóm, đại diện tổ chức cấp chứng chỉ hoặc tổ chức FSC vào rừng trồng để giám sát và đánh giá;
- Không khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo Nguyên tắc và tiêu chí FSC trong thời hạn được thỏa thuận;
- Các thành viên khiếu kiện sai, sử dụng sai tên hoặc biểu tượng FSC của nhóm;
- Làm thiệt hại đến quyền lợi chung của nhóm hoặc của một thành viên trong nhóm mà không bồi thường đầy đủ thiệt hại sẽ bị khai trừ và bị truy tố theo pháp luật;
- Không tham gia họp nhóm định kỳ và đóng góp các khoản phí hội viên hoặc những khoản khác mà đã thống nhất trong nhóm.
- Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm không được hoàn lại bất kỳ các khoản đóng góp.

IV. DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC

4.1. Điều kiện tiên quyết để chủ rừng xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng

- Có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc đất sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
- Rừng trồng được thành lập trên đất trống hoặc không phải là rừng được chuyển đổi từ rừng tự nhiên trước năm 1994;
- Kế hoạch trồng rừng của chủ rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đất được các cơ quan chức năng phê duyệt;

4.2. Tuân thủ thực hiện đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC)

Cộng đồng địa phương được hướng dẫn, cung cấp thông tin về các quyền của mình trước khi tham gia nhóm, được thông báo về nội quy của nhóm và tự nguyện đăng ký tham gia, gắn kết. Khi đạt chứng chỉ rừng, chủ rừng (thành viên) có quyền thỏa thuận trước với người mua tại địa phương về giá trị lâm sản trước khi bán. Việc mua bán là hoàn toàn tự nguyện. Họ có toàn quyền quyết định mua, bán hoặc thực hiện các hoạt động quản lý trên các lô rừng mà họ đăng ký tham gia nhóm.

Cộng đồng địa phương, chủ rừng (thành viên nhóm) có quyền được thông báo và tham gia đóng góp ý kiến về các giá trị kinh tế, môi trường, xã hội, các nguồn tài nguyên mà họ xem xét trao quyền kiểm soát; được quyền từ chối hoặc điều chỉnh các hoạt động quản lý dự kiến ở mức cần thiết để bảo vệ quyền và tài nguyên của họ. Và các kế hoạch quản lý của Nhóm được công khai, các thành viên nhóm, cộng đồng địa phương dễ dàng tiếp cận.

*** Các định nghĩa trong FPIC**

- Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) có thể tổng quát là việc thừa nhận quyền tự quyết. FPIC đem đến quy trình cụ thể cụ thể về văn hóa nhằm đảm bảo quyền của người dân địa phương¹. Quá trình FPIC dựa trên cơ sở thực tế rằng người dân địa phương có quyền thương thảo điều kiện đối với bất kỳ dự án nào có ảnh hưởng trực tiếp tới lối sống hay sinh kế của người dân, trong đó có cả quyền sử dụng đất và tài nguyên đất.

- “Tự nguyện” trong FPIC nghĩa là các quyết định được đưa ra trong quá trình FPIC không bị ép buộc. Một quyết định tự nguyện tùy thuộc vào sự lựa chọn của các cá nhân liên quan cũng như vào tình huống cụ thể họ cần ra quyết định.

- “Trước” trong FPIC đề cập đến một tình huống trong đó sự đồng thuận được tìm kiếm một cách đầy đủ trước khi phê duyệt dự án và trước khi các nguồn tài chính, trang thiết bị và nhân lực được phân bổ cho dự án đó. “Trước” cũng đề cập đến sự cần thiết phải xem xét thời gian cần cho việc tìm kiếm một thỏa thuận. Người dân địa phương cần có đủ thời gian để nghiên cứu, xử lý thông tin và trải qua quá trình ra quyết định đã được thống nhất. Điều quan trọng là cần cho người dân đủ thời gian để phân tích và tìm kiếm thêm thông tin. Việc thống nhất về thời gian cho quá trình ra quyết định cũng rất cần thiết.

- “Được thông tin đầy đủ” có nghĩa là người dân địa phương được cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng và đầy đủ bằng ngôn ngữ họ sử dụng. Những thông tin liên quan có thể bao gồm phạm vi, mục tiêu, thời gian, nguồn lực tài chính và con người của dự án, diện tích đất bị ảnh hưởng và quá trình FPIC sẽ thực hiện. Trước khi đưa ra một quyết định, người dân địa phương cần phải hiểu được các tác động của dự án lên môi trường, kinh tế và xã hội, lợi ích và thách thức đối với các nhóm người khác nhau của cộng đồng. Tác động lên quyền sở hữu đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên và sinh kế, bao gồm biện pháp giảm thiểu/bồi thường, là những nhân tố quan trọng nhất cần cân nhắc trong quy trình chia sẻ thông tin. Ngoài ra, thông tin cung cấp cho người dân địa phương cần mang tính không thiên vị, có nghĩa là thông tin cần phải trung lập, rõ ràng và đầy đủ.

- Người dân địa phương có quyền chấp nhận hay từ chối một dự án được đề xuất. Theo quy trình ra quyết định mà người dân lựa chọn, họ có quyền tham gia vào các thỏa thuận cho phép

triển khai dự án cũng như từ chối dự án ở bất kỳ giai đoạn nào. Nói cách khác, họ có thể chấp thuận hoặc từ chối đồng thuận.

4.3. Các điều bắt buộc đối với quản lý rừng:

- Ranh giới giữa đất rừng trồng sản xuất với đất lâm nghiệp sử dụng mục đích khác phải được thể hiện rõ trên hiện trường bằng các dấu mốc cây tự nhiên hoặc trụ bê tông. Và được khoanh vẽ trên bản đồ hiện trạng;

- Nguồn gốc của cây giống trồng rừng cần tài liệu hóa cho tất cả các lô rừng được trồng sau khi tham gia nhóm (cây giống trồng rừng phải có phiếu xuất vườn, hoặc hóa đơn/ chứng từ mua cây giống để chứng minh nguồn gốc);

- Không sử dụng các chất hóa học và phân bón đã bị cấm bởi FSC;

- Các hoạt động trồng, chăm sóc, tía thưa nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và khai thác rừng phải được xây dựng trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;

- Toàn bộ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã phải được lập từ việc tổng hợp kế hoạch kinh doanh rừng theo lô của các thành viên nhóm và được sự đồng ý Quản lý nhóm;

- Trong trường hợp đất bị xói mòn, các hoạt động phục hồi đất cần được chú trọng;

- Động, thực vật nguy cấp và có nguy cơ, không phân biệt là ở trong hay ngoài diện tích rừng quản lý, không được phép săn bắt và sưu tầm bởi các thành viên trong nhóm;

- Thu gom rác thải phải được thực hiện thường xuyên qui định bảo vệ môi trường của địa phương và của nhóm Chứng chỉ rừng;

- Việc đổ dầu, nhớt cần phải được ngăn chặn, đặc biệt nơi gần vùng nước. Theo đó, máy cưa và máy cắt cỏ phải được thay/đổ dầu bên ngoài vùng đệm;

- Một vùng đệm dọc theo hai bên dòng sông, suối hoặc nguồn nước cố định cần phải được quản lý như sau:

- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;

- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;

- Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;

- Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.

- Độ rộng hành lang ven suối tại các khu vực có thể thay đổi tùy theo hiện trạng khu vực cũng như phù hợp với văn hoá, thực trạng canh tác tại địa phương, mà vẫn đảm bảo sự ổn định của dòng chảy sông, suối và độ đa dạng loài của khu vực này.

4.4. Công nhân (người lao động) và điều lệ an toàn lao động

- Phải đảm bảo đúng quy trình về an toàn trong lao động và sử dụng thiết bị an toàn lao động, đặc biệt trong trường hợp sử dụng cưa máy, người khai thác phải mặc bảo hộ lao động và mang theo đồ sơ cứu;

- Không sử dụng lao động đang bị quản thúc hay ở dạng khác của tổ chức bán lao động;

- Không sử dụng trẻ em dưới 15 tuổi trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng;

- Chủ rừng phải hướng dẫn cho người làm thuê những yêu cầu liên quan đến FSC;
- Nam, nữ phải có bình đẳng giới về việc làm và thu nhập.

4.5. Qui định về tài liệu và lưu trữ

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm của thành viên nhóm, trong danh mục kiểm tra chủ rừng cần tuân thủ yêu cầu về tài liệu và lưu trữ như sau:

- Tất cả hợp đồng bán gỗ, mua cây giống, phân bón cần phải được photo chuyển cho Trưởng nhóm xóm lưu trữ;
- Trong trường hợp sử dụng thuốc BVTV cần được báo cáo cho Trưởng nhóm xóm/trạm cụ thể về tên thuốc, liều lượng và ngày được sử dụng;
- Các vụ tai nạn trong sản xuất lâm nghiệp cần được thông báo cho Trưởng nhóm xóm/trạm;
- Khai thác rừng phải báo trước cho Trưởng nhóm thôn ít nhất 10 ngày. Sau khai thác, kế hoạch trồng lại rừng được báo cho nhóm Trưởng nhóm xóm/trạm chậm nhất 30 ngày;
- Khai thác trắng liền kề lớn hơn 20 ha phải được thống nhất bằng văn bản với Quản lý nhóm (liên quan đến các điều luật bảo vệ môi trường).

V. CÁC ĐỊNH NGHĨA

5.1. Lỗi không tuân thủ lớn (Major car)

Lỗi không tuân thủ lớn có thể là lỗi riêng biệt hay kết hợp với các lỗi không tuân thủ thuộc các chỉ số khác mà nó dẫn đến kết quả một thất bại cơ bản để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC tại một (hoặc nhiều) đơn vị quản lý rừng trong phạm vi nhóm. Lỗi không tuân thủ lớn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

Không ban hành các tài liệu hướng dẫn hoặc không có hồ sơ chứng minh theo đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn FSC;

Có ban hành tài liệu hướng dẫn theo đúng quy định, nhưng thực tế hầu hết các chủ rừng không thực hiện theo (Tức văn bản này không có hiệu lực tại chủ rừng);

Vi phạm các yêu cầu luật định (Liên quan đến phạm vi chứng nhận);

Lỗi nhỏ không được khắc phục của lần đánh giá trước sẽ tự động nâng lên lỗi lớn.

5.2. Lỗi không tuân thủ nhỏ (Minor car)

Lỗi không tuân thủ nhỏ xảy ra trong các trường hợp sau:

- Là các điểm không thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hồ sơ nhưng mang tính không hệ thống, tính liên kết có thể bị phá vỡ và chỉ xảy ra tại một hoạt động hoặc một số nơi;

- Lỗi quan sát không có giải pháp ngăn ngừa sẽ tự động lên lỗi nhỏ.

5.3. Lỗi quan sát (Observer)

Là các điểm không vi phạm bất cứ yêu cầu nào như luật định, hệ thống tài liệu hoặc hồ sơ hoặc các yêu cầu khách hàng nhưng nó cần thiết cho hoạt động quản lý rừng được cải thiện tốt hơn nhằm gia tăng hiệu quả áp dụng hệ thống.

5.4. Đa dạng sinh học

Sự đa dạng của tất cả các loài sinh vật thuộc về các hệ sinh thái trên mặt đất, biển và các hệ sinh thái dưới nước khác và các tổ hợp sinh thái mà các sinh vật là một thành phần; bao gồm sự đa dạng về loài và hệ sinh thái (Công ước Đa dạng sinh học).

5.5. Rừng có giá trị bảo tồn cao

Rừng có giá trị bảo tồn cao là rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

- Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú);
- Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những biểu chuẩn tự nhiên;
- Rừng thuộc về những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp;
- Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn);
- Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ sinh kế, sức khỏe);
- Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó)/.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÓM

QTQLN – 01: Mở rộng, kết nạp thành viên vào nhóm

QTQLN – 02: Quy trình xin ra khỏi nhóm và khai trừ nhóm

- QTQLN - 03: Quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại
- QTQLN – 04: Quy trình giám sát, đánh giá nội bộ
- QTQLN – 05: Quy trình lập kế hoạch, cập nhật kế hoạch quản lý rừng
- QTQLN - 06: Tham vấn các bên liên quan
- QTQLN – 07: Quy trình kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm CoC
- QTQLN – 08: Quy trình quản lý nhà thầu
- QTQLN – 09: Quy trình sử dụng nhãn mác FSC
- QTQLN – 10: Quy trình kiểm soát, lưu trữ và cập nhật hồ sơ, văn bản
- QTQLN – 11: Quy trình giải quyết tranh chấp lao động, bồi thường tai nạn lao động, nghề nghiệp

PHỤ LỤC B: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG

- QTQLR – 01: Quy trình xử lý thực bì và trồng rừng
- QTQLR – 02: Quy trình chăm sóc và bảo vệ rừng trồng
- QTQLR – 03: Quy trình phòng chống cháy rừng/quản lý lửa rừng
- QTQLR – 04: Quy trình quản lý và sử dụng phân bón
- QTQLR – 05: Quy trình quản lý sâu bệnh hại rừng trồng
- QTQLR – 06: Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thuốc bvtv an toàn hiệu quả
- QTQLR – 07: Quy trình điều tra tăng trưởng rừng
- QTQLR – 08: Quy trình khai thác gỗ rừng trồng
- QTQLR – 09: Quy trình yêu cầu về lán trại, chỗ ở và vệ sinh an toàn thực phẩm
- QTQLR – 10: Quy trình quản lý và xử lý rác thải
- QTQLR – 11: Đánh giá tác động môi trường, xã hội
- QTQLR – 12: Quy trình an toàn lao động trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp
- QTQLR – 13: Sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động
- QTQLR – 14: Quản lý hành lang ven sông suối
- QTQLR – 15: Quy trình bảo vệ lăng mộ
- QTQLR – 16: Quy trình kiểm soát loài thực vật ngoại lai, xâm lấn
- QTQLR – 17: Quy trình sử dụng máy cắt cỏ
- QTQLR – 18: Quy trình xử lý các hoạt động trái phép, bất hợp pháp

PHỤ LỤC A: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÓM

- QTQLN – 01: QUY TRÌNH MỞ RỘNG, KẾT NẠP THÀNH VIÊN VÀO NHÓM**

Căn cứ vào nhu cầu của thị trường và quy mô của nhà máy, hiện tại nhóm CCR huyện Thanh Chương xác định quy mô mở rộng nhóm đến 2026 là 6.000 ha và ước tính khoảng 1.800 hộ gia đình.

Năm 2021: Nhóm CCR Thanh Chương bước đầu thành lập với các hộ dân trồng rừng tại các xã Thanh Hương, Thanh Thủy và BQL RPH huyện Thanh Chương tham gia.

Năm 2022: Nhóm CCR Thanh Chương mở rộng thêm diện tích nhóm Chứng chỉ tại 04 xã thuộc huyện Thanh Chương là Thanh Tùng, Thanh Lâm, Thanh Hà, Thanh Mai và một số hộ gia đình tại các xóm/trạm thuộc xã Thanh Hương, Thanh Thủy và BQL RPH Thanh Chương.

Tổng diện tích của Nhóm CCR huyện Thanh Chương năm 2024 là: 5.555.37 ha, 1.586 hộ thành viên.

Năm 2024 – 2026 kết nạp thêm các thành viên mới trong các xã nêu trên, đưa diện tích lên khoảng 6.000 ha, 1.800 hộ thành viên

1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới của từng phân nhóm đã có chứng chỉ

Ban đại diện nhóm sẽ xem xét/ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt các đơn xin gia nhập nhóm của các hộ dân trong các nhóm xóm/trạm đã tồn tại cho các lô rừng mới vào nhóm, tập trung mỗi năm một lần (Có thể thực hiện các trường hợp ngoại lệ, ví dụ cho một diện tích lớn). Cần tuân thủ qui trình sau đây:

- Các hộ dân nhận biểu đơn, điền thông tin và nộp đơn (**Biểu 1A**) đến Trưởng nhóm xóm/trạm. Trưởng nhóm xã/BQL RPH hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền sẽ hỗ trợ người nộp đơn điền thông tin vào Kế hoạch quản lý kinh doanh rừng theo lô (**Biểu 2B**) và thực hiện một cuộc kiểm tra các điều kiện ban đầu gia nhập nhóm theo biểu (**Biểu 3**). Nếu trong quá trình kiểm tra, phát hiện các lỗi chưa tuân thủ theo Tiêu chuẩn QLRBV FSC thì người kiểm tra thông báo cho người nộp đơn biết các lỗi, giải thích các biện pháp khắc phục và thông nhất thời hạn để thực hiện các hành động khắc phục;

- Hàng năm, Ban đại diện nhóm phúc kiểm 10% biểu kiểm tra điều kiện ban đầu của tổng số các lô rừng nộp đơn xin gia nhập nhóm. Trong trường hợp lo ngại về chất lượng của việc kiểm tra điều kiện ban đầu, Ban đại diện nhóm cần kiểm tra toàn bộ các lô rừng mới gia nhập vào nhóm xóm/trạm và yêu cầu Trưởng nhóm xã/BQL RPH phải cải thiện chất lượng. Trường hợp vẫn còn lo ngại về chất lượng, Ban đại diện cần có các hành động phù hợp (ví dụ như tổ chức tập huấn nâng cao, hoặc cách chức Trưởng nhóm xóm/trạm);

- Sau khi các chủ rừng hoàn thành hành động khắc phục lỗi và được Trưởng nhóm xóm/trạm kiểm tra, Trưởng nhóm cấp xóm/trạm sẽ đưa vào danh sách thành viên và cập nhật các lô rừng đó vào kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH. Kế hoạch này sẽ được gửi lên Ban đại diện cấp xã, BQL RPH và Ban đại diện nhóm để nắm kế hoạch quản lý chung. Các thành viên mới này sẽ được tiếp tục hướng dẫn hoàn thành các công việc tiếp theo.

- Trưởng nhóm xóm/trạm sẽ gửi một danh sách các hộ xin gia nhập cùng hiện trạng đánh giá các điều kiện ban đầu, kết quả hành động khắc phục đã được hoàn thành và đơn xin gia nhập bản chính của các hộ đăng ký tham gia cho Trưởng nhóm xã/BQL RPH và Ban Đại diện để xin phê duyệt;

- Trước khi có phê duyệt cuối cùng cho các thành viên mới, Quản lý nhóm cần thông báo cho tổ chức cấp chứng chỉ danh sách thành viên mới được cập nhật, bao gồm cả những thành viên mới kết nạp và bị khai trừ. Những thành viên mới cần phải được đánh giá và công nhận “đạt yêu cầu” từ tổ chức cấp chứng chỉ;

- Quản lý nhóm sẽ ký hoặc ủy quyền ký toàn bộ các biểu đơn gia nhập, lưu tại hồ sơ quản lý nhóm 1 bản và gửi lại Trưởng nhóm xã/BQL RPH giữ một bản. Sau đó các chủ rừng xin gia nhập nhóm sẽ được Ban đại diện thông báo chính thức là thành viên nhóm;
- Ban đại diện nhóm cần cập nhật hàng năm toàn bộ danh sách nhóm bao gồm: gia nhập mới và rời bỏ nhóm của các thành viên.

Trưởng nhóm xóm/trạm hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền cần phát các tài liệu liên quan đến QLRBV FSC và tổ chức tập huấn cho các thành viên mới.

2. Kết nạp xóm và xã mới

2.1. Xóm/ xã mới đã được đánh giá tiềm năng về cấp chứng chỉ rừng

Nếu các xóm trong xã mới hoặc xã mới có nhu cầu tham gia Nhóm chứng chỉ đã được đánh giá tiềm năng thì QLN cần có các hoạt động hỗ trợ về công tác tổ chức và hướng dẫn kỹ thuật QLRBV FSC thông qua các hoạt động theo Quy trình sau:

a. *Tổ chức Hội nghị Giới thiệu về Chứng chỉ rừng triển khai kế hoạch cấp chứng chỉ rừng cho xã, thành phần bao gồm:*

- Lãnh đạo UBND xã, cán bộ nông lâm, kiểm lâm địa bàn;
- Đại diện Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên,...
- Các Trưởng xóm, nhóm trưởng;
- Toàn bộ các chủ rừng trong xã có nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ.

Sau thời gian hội nghị, có thể 2 tuần hoặc 4 tuần Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương xã sẽ tổng hợp đơn xin gia nhập nhóm chứng chỉ rừng của các chủ rừng. Ban đại diện nhóm sẽ phối hợp cùng các Trưởng nhóm xóm, xã đã có chứng chỉ mới tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về Công tác tổ chức quản lý nhóm và hướng dẫn kỹ thuật quản lý rừng.

b. *Các lớp tập huấn về Tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng, bao gồm:*

- Chứng chỉ rừng và Cơ cấu tổ chức nhóm;
- Kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng chứng chỉ;
- Điều tra rừng, đánh giá tác động môi trường và xã hội;
- Phòng trừ sâu bệnh hại và phòng chống cháy rừng;
- Khai thác tác động thấp và Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm;
- Xây dựng kế hoạch quản lý rừng cấp xóm, cấp xã;
- Giám sát đánh giá nội bộ công tác quản lý nhóm và quản lý rừng.

c. *Hoàn thiện hồ sơ thành viên, hồ sơ nhóm cấp xóm, cấp xã*

- Hồ sơ thành viên bao gồm: sổ đỏ (hoặc lâm bạ, hợp đồng thuê đất); đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ (**Biểu 1A**); kế hoạch quản lý rừng theo lô (**Biểu 2B**); kiểm tra điều kiện ban đầu (**Biểu 3**); các chứng từ mua cây giống, phân bón, thuốc BVTV (nếu có);
- Hồ sơ nhóm cấp xóm bao gồm: danh sách thành viên nhóm của xóm; giám sát hàng năm (**Biểu 8B**); phiếu đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) nếu có, kế hoạch quản lý rừng cấp thôn; các năm tiếp theo sẽ cập nhật bổ sung các loại biểu biểu liên quan đến giám sát khai thác, vận chuyển phiếu CoC,...

- Hồ sơ nhóm cấp xã bao gồm: danh sách thành viên nhóm xã; báo cáo chuyên đề về đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng HCVF (nếu có); kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH; bản đồ hiện trạng rừng chứng chỉ;

Ngoài ra, thành viên - nhóm cấp xóm - nhóm cấp xã phải lưu toàn bộ các tài liệu hướng dẫn quản lý nhóm, quản lý rừng và các tài liệu tập huấn kỹ thuật liên quan khác.

2.2. Đối với các xã chưa được đánh giá tiềm năng cấp chứng chỉ rừng

Đánh giá tiềm năng cho cấp chứng chỉ rừng là hoạt động rà soát tất cả các lĩnh vực về tình hình kinh tế - xã hội - môi trường dựa trên Bộ tiêu chuẩn QLRBV FSC để lựa chọn. Từ kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng sẽ được lập kế hoạch sát với thực tế và hiệu quả.

Sau khi có kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ sẽ được thực hiện tương tự như phần trên. Có thể dựa vào thực tế, các hoạt động được chi tiết hơn hoặc đơn giản hơn.

Biểu 1A. Đơn đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 202...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CCR FSC**

Kính gửi: Ban đại diện Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

Tôi tên là:..... Sinh ngày:Dân tộc :

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD: Ngày cấp :

Số điện thoại:

Diện tích đăng ký tham gia CCR FSC:

Tôi tự nguyện đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC và cam kết như sau:

1. Tôi đã có sổ đỏ (hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương về quyền sử dụng đất) cho rừng trồng và cam kết quản lý rừng trồng của tôi lâu dài phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC.

2. Tôi đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC ít nhất một chu kỳ kinh doanh rừng trồng.

3. Tôi đồng ý để người thuộc Ban đại diện Nhóm CCR huyện Thanh Chương, tổ chức chứng nhận FSC, ASI hoặc bất kỳ người nào quan tâm mà đã được BDD Nhóm CCR cho phép vào rừng trồng của tôi và tham khảo kế hoạch quản lý rừng bất kỳ lúc nào với mục đích giám sát và kiểm tra.

4. Tôi sẵn sàng trình bày tóm tắt kế hoạch quản lý và kết quả giám sát rừng của tôi cho bất kỳ người nào được đơn vị quản lý chứng chỉ cho phép.

5. Tôi đồng ý để Ban đại diện Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương đại diện xin cấp chứng chỉ QLRBV FSC.

6. Tôi đã nắm vững và nhất trí tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số mà FSC quy định.

7. Tôi cam kết tham gia Nhóm chứng chỉ rừng FSC này và không đăng ký tham gia bất kỳ một nhóm chứng chỉ rừng FSC nào khác.

Trân trọng./.

BDD CCR huyện Thanh Chương
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH

Tổng số diện tích hiện có (ha)	
Diện tích đăng ký vào CCR/FSC (ha)	

TT	Lô/Thửa	Khoảnh/Tờ bản đồ	Tiểu khu	Loài cây	Diện tích đk (ha)	Năm trồng	Mật độ trồng (cây/ha)	Xử lý thực bì: 1=đốt, 2=không đốt/bấm	Lâm sinh: 1=tỉa cành, 2=tỉa thưa, 3=làm cỏ/phân 4= Chăm sóc	Tình trạng sổ đỏ 0=chưa, 1=có, 2=giấy khác. (Ghi rõ chủ rừng)	Lô Liên kê (Chủ rừng)	Giáp khe suối 1=có, 0=không
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
Tổng												

Mẫu 2b: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG THEO LÔ

<u>1. Số liệu lô rừng</u>						
Thôn/Xã/Huyện						
Tên chủ rừng		Tên lô:	Năm trồng:			
Diện tích lô (ha):			Diện tích vùng đệm (m ²):			
<u>2. Các hoạt động lâm sinh</u>						
Các hoạt động quản lý	Tháng/Năm					
	Kế hoạch			Dự kiến hoàn thành		
2.1/ Trồng rừng:						
- Xử lý thực bì						
- Làm đất						
- Trồng cây						
2.2/ Chăm sóc:						
- Phát dây leo, cây bụi lẩn át, bón phân, vun gốc						
- Tỉa thưa, tỉa cành, tỉa thân						
- PCCCR và phòng trừ sâu bệnh hại						
2.3/ Điều tra trữ lượng						
2.4/ Khai thác						
<u>3. Kết quả điều tra rừng</u>						
Năm điều tra	Số OTC điều tra	Số cây đo đếm	Tiết diện ngang bình quân	Chiều cao bình quân	Trữ lượng/ha	Các quan sát khác

Ngày lập phiếu:

Chủ rừng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 2c: MÔ TẢ HÀNH LANG – VÙNG ĐỆM (Nếu có)

1. Họ và tên chủ rừng	
2. Địa chỉ	
3. Vị trí Lô rừng/Khoảnh	
4. Mô tả đặc điểm:	
<p>- Lô rừng có gần ao hồ, sông suối, khe nước hay không?</p> <p>- Ao hồ/sông suối, khe nước có diện tích (m², ao hồ), chiều rộng (m, sông suối) là bao nhiêu?</p> <p>- Ao hồ/sông suối này cung cấp nước cho mục đích: tưới tiêu, nước uống, sinh hoạt?</p> <p>- Ao hồ/sông suối có thường xuyên có nước chảy hay chỉ có nước theo mùa (khô: cạn/ mưa: đầy)?</p> <p>- Ven hồ có các loài cây tự nhiên/hoang dại mọc hay không? Rộng hay hẹp? Là những loài cây gì? Đường kính cây lớn nhất?</p> <p>- Khu vực này có dấu hiệu bị xói mòn, sạt lở, trâu bò dẫm đạp, bị chặt phá lấy củi/gỗ hay không?</p>	
5. Đề xuất bảo vệ/ phục hồi/ tăng cường:	
<p>- Hiện trạng đang bị suy thoái → Cần làm gì để phục hồi/ tăng cường vùng đệm này?</p> <p>- Hiện trạng đang tốt → Cần làm gì để duy trì/bảo vệ vùng đệm này?</p>	

Ngày lập phiếu:

Tên cán bộ kiểm tra

.....

Kí tên

Chủ rừng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 3: KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU

1. Tên chủ rừng				
2. Địa chỉ				
3. Số sổ đỏ/Lâm bạ/QĐ...				
4. Điện thoại số				
5. Cán bộ kiểm tra/giám sát				
6. Nội dung kiểm tra				
STT	Nội dung chi tiết	Hiện trạng		Diễn giải/Bằng chứng
		Có	Không	
1	Tên người nộp đơn tham gia có cùng tên trong sổ đỏ hay trong giấy xác nhận của chính quyền địa phương về lô rừng xin tham gia đó không?			
2	Rừng trồng được thiết lập trên đất trống (Diện tích đất không phải thuộc rừng tự nhiên từ sau năm 1994)			
3	Kế hoạch trồng rừng có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất ở địa phương?			
4	Diện tích rừng trồng có phát sinh mâu thuẫn với các hộ dân xung quanh?			
5	Ranh giới giữa các lô rừng: Rõ ràng và dễ nhận biết?			
6	Cây giống trồng rừng có nguồn gốc rõ ràng (nơi bán/ngày mua)			
7	Có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật? Liều lượng từng loại?			
8	Có lưu trữ thông tin về các loại thuốc bảo vệ thực vật?			
9	Có kế hoạch quản lý kinh doanh rừng dài hạn không?			
10	Có áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh? (Chăm sóc, tỉa thưa, tỉa cành...)			
11	Có các biện pháp lâm sinh gì nhằm cải tạo đất thoái hóa, bạc màu?			
12	Diện tích rừng trồng có liền kề với khe suối? Vùng đai xanh? Vùng đệm?			
13	Phải có bình đẳng về thu nhập giữa Nam và Nữ hay không? (bao gồm cả giá cả thuê mướn lao động)			

14	Chủ hộ cần giải thích cho những người lao động có liên quan đến diện tích rừng đang thực hiện FSC?			
15	Có xảy ra tai nạn lao động? (Mức độ thế nào? Có tài liệu ghi chép nào không?)			
16	Đã có diện tích khai thác trắng nào lớn hơn 15 ha chưa? (diện tích liền vùng, liền khoảnh)			

7. Hoạt động khắc phục (nếu có)

TT	Những điểm cần khắc phục và Giải pháp	Ngày hoàn thiện

Một số giải pháp đề xuất:

Cán bộ kiểm soát
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...
Chủ rừng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 1B: THƯ THÔNG BÁO CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ THÔNG BÁO
CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC

Kính gửi: Quý Ông/Bà nhóm Chứng chỉ rừng xã.....

(kèm theo danh sách thành viên)

Tôi rất vui mừng được thông báo với Quý Ông/ Bà rằng đơn xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương của Ông /Bà chính thức được chấp nhận là thành viên của Nhóm, ông/ bà sẽ được hưởng các quyền lợi từ chứng chỉ rừng của nhóm. Tôi xin lưu ý với ông/ bà rằng thực hiện đúng những cam kết trách nhiệm của một thành viên như đã nêu trong đơn. Ngoài ra, kính mong ông/ bà phối hợp cùng thực hiện các nội dung sau để duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ rừng ngày càng lớn mạnh:

1. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau;
2. Tham gia công tác quản lý, giám sát rừng và sinh hoạt nhóm theo đúng kế hoạch;
3. Sẵn sàng chia sẻ các thông tin liên quan đến quản lý rừng bền vững FSC® cho các chủ rừng trong địa bàn thôn, xã nhằm mở rộng nhóm;

Trong quá trình hoạt động nhóm, mọi thắc mắc của ông/ bà liên quan đến chứng chỉ rừng FSC® cần được giải đáp xin liên hệ với tôi.

Trân trọng

Ban đại diện chứng chỉ rừng Huyện Thanh Chương

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Ban Đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương

(Ký, ghi rõ họ tên)

QTQLN - 02: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM

1. Xin ra khỏi nhóm

Một thành viên có thể rời khỏi nhóm nếu người đó không còn nhu cầu tiếp tục tham gia nhóm. Thành viên này phải thông báo cho nhóm Trưởng cấp xóm/trạm bằng văn bản về quyết định xin ra khỏi nhóm và nêu rõ lý do cho việc đó (Biểu 1C). Trưởng nhóm cấp xóm/trạm chuyển thông tin này cho Trưởng nhóm cấp xã/BQL RPH và Ban đại diện nhóm.

Ban đại diện nhóm phải trả lời bằng thư cho thành viên đó về ngày chấm dứt tư cách thành viên của họ. Thời gian không quá 1 tháng kể từ ngày nhận được đơn xin ra khỏi nhóm.

Khi thành viên đã thông báo cho nhóm cấp xóm/trạm về ý định xin ra khỏi nhóm thì thành viên này không được tiếp thị sản phẩm đã được chứng chỉ hoặc có các đòi hỏi liên quan đến chứng chỉ. Ngày Ban đại diện nhóm thông báo cho thành viên ra khỏi nhóm thì Trưởng nhóm cấp xã đưa thành viên đó ra khỏi danh sách hội viên.

Ban đại diện cấp xã, BQL RPH và Ban đại diện nhóm sẽ:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ;
- Cập nhật danh sách thành viên kể cả ngày rời khỏi nhóm;
- Gửi thông tin cập nhật đó cho Tổ chức cấp chứng chỉ và các thành viên còn lại trong nhóm cấp xóm/trạm (Quản lý nhóm sẽ thực hiện việc này);
- Đưa thành viên đó ra khỏi lịch giám sát.

2. Khai trừ khỏi nhóm

Một thành viên có thời gian 3 tháng để hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục lỗi lớn (đã được định nghĩa trong **Mục V: Các định nghĩa**) hoặc trong trường hợp đặc biệt được chấp nhận tới 6 tháng. Trong trường hợp khắc phục lỗi lớn được xác định trong khoảng thời gian ít hơn 3 tháng trước khi đánh giá FSC, Ban đại diện nhóm sẽ gửi văn bản đến Trưởng nhóm xã/BQL RPH để thông báo chi tiết về phương pháp và thời hạn khắc phục cần được hoàn thành. Nếu thành viên không thực hiện các hoạt động yêu cầu khắc phục trong thời hạn đã thỏa thuận trước thì một quy trình khai trừ đối với thành viên đó sẽ phải triển khai.

Trưởng nhóm xã/BQL RPH sẽ gửi cho thành viên này thư khai trừ theo **biểu 1D** và nêu rõ lý do khai trừ và các thủ tục tiếp theo.

Khi thủ tục khai trừ bắt đầu triển khai thì thành viên này không được tiếp thị hoặc bán bất kỳ sản phẩm nào có chứng chỉ hoặc đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào về quản lý rừng trồng được cấp chứng chỉ.

Thành viên này có 30 ngày để phản đối quyết định khai trừ. Nếu Trưởng nhóm xã/BQL RPH không nhận được đơn kháng cáo trong vòng 30 ngày thì thành viên đó bị khai trừ. Nếu thành viên nộp đơn kháng cáo thì qui trình kháng cáo được thực hiện theo quy trình được trình bày trong Thủ tục khiếu nại và kháng cáo.

Khi thành viên bị khai trừ thì Trưởng nhóm cấp xóm phải ghi vào hồ sơ hội viên rằng thành viên đó không còn trong nhóm và ghi ngày hiệu lực cho việc này

Trưởng nhóm xã/BQL RPH và Quản lý nhóm phải:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ và;
- Cập nhật danh sách hội viên và đưa tên của thành viên đó khỏi danh sách các thành viên và bổ sung vào danh sách những thành viên bị khai trừ.

Biểu 1C. Đơn xin ra khỏi nhóm

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐƠN XIN RA KHỎI NHÓM

Kính gửi: - Xóm trưởng
- Ban Quản lý Nhóm CCR huyện Thanh Chương

Tôi tên là:

Diện tích tham gia FSC ha; ký hiệu lô rừng, thuộc xóm, xã, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Tôi viết đơn này để xin ra khỏi Nhóm CCR huyện Thanh Chương

Lý do:

Tôi mong Ban Đại diện Nhóm CCR huyện Thanh Chương giải quyết theo nguyện vọng của cá nhân tôi.

Tôi chân thành cảm ơn và trân trọng.

Thanh Chương, ngày.....tháng.....năm 20...

Người làm đơn

(chữ ký, họ và tên)

Biểu 1D: THƯ THÔNG BÁO KHAI TRỪ NHÓM VIÊN

Kính gửi:

Thay mặt cho Ban đại diện Ban đại diện Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương, sau khi cân nhắc kỹ, tôi rất tiếc phải thông báo rằng Ông/Bà đã bị khai trừ khỏi Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương. Việc khai trừ này là kết quả của việc không tuân thủ các quy định của nhóm, cụ thể:

<nêu lý do >

Việc khai trừ này có hiệu lực ngay lập tức và Ông/Bà không còn quyền lợi như là thành viên Nhóm hoặc được chứng chỉ hoặc có rừng trồng được quản lý phù hợp với yêu cầu của Nhóm và Tiêu chuẩn FSC nữa.

Nếu Ông/Bà muốn kháng nghị quyết định này thì viết đơn khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo này. Đơn khiếu nại của Ông/Bà sẽ gửi trực tiếp cho Ban đại diện. Nếu mà Ông/Bà muốn có bản sao về thủ tục khiếu nại, Nhóm sẽ sẵn sàng cung cấp.

Nếu Ông/Bà có điều gì cần làm rõ, xin vui lòng liên hệ với Ban đại diện Nhóm.

Trân trọng.

Thanh Chương, ngày.....tháng.....năm 20

Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

(Ký, ghi rõ họ tên)

QTQLN - 03: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI

I. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

1. Mục đích

Kịp thời tiếp nhận và xử lý các tranh chấp quyền sử dụng và lấn, chiếm rừng và đất rừng. Từ đó có các phản hồi, phương án giải quyết minh bạch, khách quan.

Hướng dẫn thực hiện các bước công việc, thủ tục cần thiết để giải quyết các vấn đề tranh chấp về quyền sử dụng đất trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích đơn vị được giao quản lý.

Quy trình được xây dựng dựa vào các quy định của Pháp luật Việt Nam, các tiêu chuẩn của FSC. Đảm bảo lợi ích của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 và các bên liên quan (người dân địa phương, các cơ quan, tổ chức khác...) về quyền sử dụng đất không bị xâm hại đúng theo quy định của Pháp luật.

Hướng dẫn đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo cán bộ các Phòng, Trạm, các đơn vị trực thuộc, hộ nhận khoán và người dân có thể đọc hiểu và khai thác sử dụng có hiệu quả.

2. Căn cứ

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ban hành ngày 19/11/2013.
- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;
- Luật bảo vệ môi trường của Nước CHXHCN Việt Nam số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2013/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư: 05/2021/TT-CP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố giác, đơn phản ánh;
- Căn cứ Tiêu chuẩn FSC-STD-VN.01-2018 The FSC National Forest Stewardship Standard of Vietnam.
- Tình hình quản lý sử dụng đất tại huyện Thanh Chương và tập quán canh tác của nhân dân trên địa bàn.

3. Giải thích từ ngữ

- Tranh chấp đất đai: Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong lĩnh vực sử dụng đất đai.

- Lấn đất: Là việc tổ chức hoặc cộng đồng dân cư đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

- Chiếm đất: Là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chủ sử dụng đất cho phép sử dụng hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất nhưng hết thời hạn tạm giao, mượn đất nhưng không trả lại đất.

4. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và lấn chiếm rừng và đất rừng:

a. Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

- Tổ chức và cộng đồng dân cư có đơn thư khiếu nại về quyền sử dụng đất hoặc quá trình kiểm tra, tác nghiệp của một hay nhiều bên phát hiện có việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai thì bên được coi là bị tranh chấp yêu cầu bên được coi là tranh chấp tạm ngừng mọi hoạt động trên diện tích đất tranh chấp.

- Ban đại diện Nhóm CCR phối hợp cùng với chính quyền địa phương và tổ chức hoặc cá nhân tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra ngoài thực địa những diện tích đất tranh chấp. Đồng thời yêu cầu tạm ngừng ngay mọi hoạt động nơi xảy ra tranh chấp nếu nhận thấy mức độ tương đối nghiêm trọng hoặc xảy ra trong thời gian tương đối lâu hoặc có liên quan đến lợi ích của nhiều bên cho đến khi giải quyết xong.

- Sau khi có biên bản kiểm tra, các bên liên quan (bao gồm chính quyền địa phương, đại diện nhóm chứng chỉ, các cá nhân liên quan) họp và giải quyết như sau:

+ Trường hợp thứ nhất: Một trong hai bên tranh chấp đồng thuận về trách nhiệm và sai phạm đã được xác minh: Bên sai phạm thỏa thuận bồi thường cho hộ gia đình bị sai phạm.

+ Trường hợp thứ hai: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì khởi kiện ra tòa án dân sự. Quyết định của tòa án là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp.

Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

b. Lấn, chiếm đất rừng:

1. Đối với tổ chức hoặc cá nhân không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi xảy ra vụ việc: Ban đại diện nhóm lập hồ sơ giải quyết tranh chấp theo mức độ.

- Mức độ vi phạm hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý theo Nghị định 91/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Nghị định 35/2019/NĐ-CP của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

- Mức độ hình sự: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối với cộng đồng dân cư địa phương sống ven rừng các thành viên nhóm Chứng chỉ rừng.

+ Ban đại diện nhóm yêu cầu ngừng ngay mọi hoạt động tại khu vực có xảy ra sự lấn chiếm nếu nhận thấy mức độ tương đối nghiêm trọng hoặc xảy ra trong thời gian tương đối lâu hoặc có liên quan đến lợi ích của nhiều bên cho đến khi giải quyết xong.

+ Ban đại diện Nhóm chứng chỉ, chính quyền địa phương tiến hành điều tra xác minh và lập biên bản trên diện tích đất bị lấn chiếm.

+ Yêu cầu cá nhân, tổ chức làm cam kết không được mở rộng diện tích. Không tiếp tục ảnh hưởng đến tài nguyên rừng của thành viên nhóm chứng chỉ.

+ Ban đại diện Nhóm cùng mời chính quyền địa phương tổ chức đánh giá mức độ thiệt hại, ảnh hưởng kinh tế đến nhóm thành viên, triển khai giải quyết tranh chấp theo luật định. Tổ chức hòa giải giữa các hộ gia đình.

- Nhóm chứng chỉ rừng kết hợp với chính quyền địa phương, thôn/bản tuyên truyền vận động người dân không xâm phạm, lấn chiếm rừng rừng trái phép.

- Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

II. QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp 2013,

- Luật Khiếu nại 02/2011/QH13,

- Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn luật, là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2013/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Thông tư: 05/2021/TT-CP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố giác, đơn phản ánh;

- Căn cứ Tiêu chuẩn FSC-STD-VN.01-2018 The FSC National Forest Stewardship Standard of Vietnam.

2. Tổng quan chung:

* *Khiếu nại* là việc công dân đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* *Giải quyết khiếu nại* là việc thụ lý, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân được pháp luật quy định trong Hiến pháp, Luật khiếu nại, Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn luật, đó là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình, đảm bảo thực thi tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Người dân có quyền khiếu nại về những vấn đề liên quan đến:

- Công tác giao đất: quy trình giao đất, quy trình - thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác quản lý đất đai,...

- Công tác giao và khoán rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao khoán,...

- Công tác quản lý và bảo vệ rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao quản lý bảo vệ,...

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: đối tượng, mục đích, cách thức chi trả,...

- Công tác tăng cường luật pháp và quản lý lâm sản: tuân thủ lâm luật, quản lý tài nguyên rừng,

- Quyền lợi của người dân địa phương, cộng đồng (người dân tộc, bản địa) trong việc sử dụng rừng và khai thác lâm đặc sản phục vụ cho nhu cầu của họ trong quá trình tham gia quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại các công ty lâm nghiệp,...

- Các hoạt động quản lý của thành viên nhóm (khai thác, vận chuyển, làm đường, trồng mới, chăm sóc...) có ảnh hưởng tiêu cực đến người dân địa phương hoặc cộng đồng (người dân tộc, bản địa) sinh sống trong hoặc gần khu vực rừng trồng của nhóm.

- Vấn đề bình đẳng giới trong tham gia thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững.

4. Phạm vi áp dụng

Tất cả các thành viên nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương, các nhà thầu phụ liên quan.

5. Quy trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại

5.1. Trình tự

Ưu tiên giải quyết đơn thư khiếu nại thông qua gặp gỡ thương lượng, tự hòa giải trên tinh thần động viên khuyến khích các bên tự nguyện tuân theo các chuẩn mực đạo đức, phong tục tập quán địa phương hoặc tuân thủ theo những quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp hai bên không tự giải quyết được mâu thuẫn thì cần sự can thiệp của bên thứ ba để giải quyết theo trình tự tăng dần:

+ Ban hòa giải, chính quyền địa phương cấp thôn, xã

+ Tòa án cấp huyện.

+ Nếu tòa án cấp huyện giải quyết chưa thỏa đáng thì một trong hai bên có thể kiện lên tòa án cấp cao hơn.

+ Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân thủ.

+ Cường chế theo phán quyết của tòa án là biện pháp cuối cùng.

5.2 Thời gian giải quyết

Kể từ thời gian tiếp nhận đơn thư khiếu nại, ban đại diện quản lý nhóm sẽ xác minh và giải quyết vấn đề tranh chấp trong thời gian 15 ngày.

5.3 Thực hiện

5.3.1 Tiếp nhận đơn khiếu nại

Thông qua các xóm/đội trưởng phụ trách các xóm/đội.

Đơn được gửi qua dịch vụ bưu chính: địa chỉ Công ty CP BVN Thanh Chương, xóm 6, xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Gọi điện hoặc nhắn tin trực tiếp đến Zalo Trưởng ban giải quyết đơn thư khiếu nại, ông Nguyễn Ngọc Khánh, số điện thoại/zalo: 0868 044 953.

Các thông tin khiếu nại được ghi lại vào sổ theo dõi theo những nội dung sau:

- + Tên người khiếu nại
- + Tên người liên quan
- + Nội dung khiếu nại
- + Ngày nhận đơn
- + Người được giao nhiệm vụ xác minh

5.3.2. Quy trình giải quyết:

Bước 1: Khi nhận được đơn khiếu nại của hộ gia đình. Trưởng Ban ra thông báo cho người khiếu nại và người bị khiếu nại biết về nhân sự được phân công điều tra và giải quyết vụ việc (*trong thời hạn 2 ngày làm việc*)

Về phân cấp giải quyết khiếu nại: Nếu thành viên hộ gia đình khiếu nại một thành viên hộ gia đình khác thì Trưởng xóm/đội hoặc chỉ định người trong BDD giải quyết. Nếu khiếu nại các thành viên đại diện thì Trưởng BDD giải quyết. Nếu khiếu nại cả Ban đại diện Nhóm thì Ban lãnh đạo Công ty CP BVN Thanh Chương giải quyết (*Giám đốc công ty phân công*).

Bước 2: Người được phân công giải quyết sẽ gửi cho người khiếu nại một mẫu thư về khiếu nại. Chi tiết của việc khiếu nại sẽ được người được phân công giải quyết khiếu nại điền vào sổ đăng ký khiếu nại. Nội dung điền vào sổ như sau:

- Họ và tên cùng các chi tiết liên quan đến người hoặc tổ chức khiếu nại (*người khiếu nại*);
- Mô tả vấn đề bao gồm tên của thành viên, tên của lô rừng trồng và vấn đề khiếu nại, bất kỳ những chứng cứ khách quan nào đều phải được ghi rõ;
- Ngày nhận được khiếu nại;
- Tên người được giao việc điều tra khiếu nại.

Thành viên bị khiếu nại cũng phải được thông báo bằng văn bản với những chi tiết của việc khiếu nại và tên của người sẽ thực hiện đi điều tra. Thông thường cũng nên cho Nhóm viên bị khiếu nại biết tên người khiếu nại, trừ khi người khiếu nại yêu cầu giấu tên.

Bước 3: Người được giao điều tra khiếu nại thì phải bắt đầu điều tra ngay gồm 2 giai đoạn:

- Thứ nhất: Xác định những vấn đề khiếu nại có nằm trong Điều lệ nhóm không (*như liên quan đến nhóm*)

- Thứ hai: Thu thập các bằng chứng khách quan có thể ủng hộ khiếu nại hoặc bác đơn khiếu nại.

Quy trình này được thực hiện trong vòng 7 ngày sau khi nhận được đơn khiếu nại và có kết luận trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được khiếu nại trừ khi Nhóm có những ngoại lệ, trong trường hợp này thì phải thông báo cho người khiếu nại bằng văn bản.

Bước 4: Sau khi có Kết quả điều tra phải ghi vào tài liệu và thảo luận với những người có liên quan. Các bên liên quan có thể họp, cùng đại diện chính quyền địa phương, đưa ra các giải pháp để giải quyết khiếu nại.

- Các hành động của bên bị khiếu nại cần phải được giám sát để đảm bảo rằng các hành động đó đang được thực hiện đầy đủ và thích hợp để có thể giải quyết được vấn đề. Nếu nhận được ý kiến phản hồi từ người khiếu nại thì cần phải đưa vào để hỗ trợ cho quá trình giám sát.

- Cần phải điền các thông tin chi tiết về các hành động được tiến hành và ngày kết thúc vụ khiếu nại.

- Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với những hoạt động đã làm họ có thể kháng cáo lại theo quy định dưới đây.

- Trong trường hợp người khiếu nại và bên bị khiếu nại trong một thời gian 2 tháng không tìm được giải pháp chung thì việc này có thể đưa ra tòa án để giải quyết.

- Nếu tranh chấp, khiếu nại xảy ra ở mức nghiêm trọng, trong thời gian lâu và ảnh hưởng đến nhiều bên thì phải ngừng hoạt động đến khi giải quyết xong.

5.4. Giải quyết thắc mắc, khiếu nại từ phía cộng đồng:

5.4.1. Thu nhận ý kiến thắc mắc, khiếu nại:

Ban đại diện tiếp nhận tất cả những thắc mắc, khiếu nại bằng văn bản hoặc bằng lời. Tuy nhiên, cần khuyến khích các bên đưa ra những thắc mắc, khiếu nại ở dạng văn bản. Nếu người thắc mắc, khiếu nại không thể trình bày được ở dạng văn bản, người nhận ý kiến thắc mắc, khiếu nại (của ban đại diện) phải ghi lại những thắc mắc, khiếu nại đó bằng văn bản và chuyển đến hội đồng xử lý đơn thư khiếu nại.

5.4.2. Xử lý đơn thư thắc mắc, khiếu nại và mâu thuẫn:

Cá nhân (hoặc nhóm) chịu trách nhiệm xử lý sẽ thông báo cho tổ chức, cá nhân có thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn. Và luôn dành cơ hội cho tổ chức, cá nhân nêu ra bối cảnh của thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn. Hoặc chính ban đại diện trình bày các nguyên nhân, lập trường của mình về mâu thuẫn, thắc mắc, khiếu nại. Việc này có thể được thực hiện bằng lời trong gặp gỡ các bên hoặc bằng văn bản.

5.5. Giải quyết thắc mắc, khiếu nại từ phía nhóm CCR rừng:

Trường hợp mâu thuẫn do tài sản và quyền lợi của nhóm bị gây thiệt hại, quá trình xử lý cũng qua các bước:

- Cá nhân chịu trách nhiệm xử lý sẽ thông báo đến người gây thiệt hại về những hành vi gây hại và đề nghị họ điều chỉnh hành vi của mình trong một thời hạn nhất định tùy mức độ vi phạm.

- Nếu người vi phạm không điều chỉnh hành vi và tiếp tục gây thiệt hại cho nhóm thì 2 bên cùng sắp xếp gặp nhau và bàn bạc, giải quyết mâu thuẫn theo trình tự giải quyết mâu thuẫn như nêu trên.

5.6. Kháng cáo:

Kháng cáo nộp bởi:

- Người khiếu nại hoặc người bị khiếu nại khi không thỏa mãn với kết quả điều tra khiếu nại.

- Đơn kháng cáo phải được gửi trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo chính thức về kết quả của khiếu nại.

- Đơn cáo phải được xử lý tại cuộc họp của Ban đại diện với ít nhất là 3 thành viên tới dự. Cuộc họp này phải được chủ trì bởi trưởng ban Nhóm CCR

- Cuộc họp về đơn kháng cáo phải được tổ chức trong vòng 30 ngày từ khi trưởng ban nhận được kháng lại bằng văn bản.

- Nếu đơn cáo liên quan đến đơn khiếu nại thì người khiếu nại, người bị khiếu nại và những người chống lại khiếu nại có thể được yêu cầu giải trình các thông tin bằng văn bản hoặc tham gia vào cuộc họp để trả lời một số câu hỏi. Ban đại diện cũng yêu cầu có những bản sao văn bản hoặc những thư từ giao dịch từ bộ phận quản lý hồ sơ.

- Quyết định của Ban đại diện phải được ghi thành văn bản hoàn chỉnh như là phần của cuộc họp và được tất cả những người có mặt ký tên.

6. Lưu hồ sơ

Việc lưu hồ sơ được thực hiện bởi ban quản lý trong thời gian 05 năm, hoặc khi có văn bản thay thế, bổ sung.

QTQLN – 04: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT NỘI BỘ

I. HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT NỘI BỘ

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng hàng năm của nhóm cấp xóm/xã, cấp trạm/BQL RPH và được tổng hợp bởi Quản lý nhóm, kế hoạch giám sát nội bộ được xây dựng cho từng hoạt động, từng cấp quản lý thực hiện. Những nội dung chính trong giám sát nội bộ, bao gồm:

- Giám sát hoạt động trồng rừng (**Biểu 9A**);
- Giám sát hoạt động chăm sóc rừng trồng (**Biểu 9B**);
- Giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ rừng (**Biểu 9C**);
- Giám sát hoạt động khai thác rừng (**Biểu 9D**).

Để đảm bảo việc xây dựng kế hoạch giám sát nội bộ phù hợp cho từng hoạt động, quản lý nhóm các cấp phải tổ chức tham vấn thành viên nhóm, các bên liên quan của địa phương.

- Các lô rừng đang hoạt động (active) là các lô rừng có diễn ra các hoạt động sau:

- Các hoạt động cho khai thác, ví dụ như bài cây, phân định vùng đệm ven sông, xác định các khu vực nhạy cảm về môi trường và văn hoá;
- Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ (tất cả các phương pháp khai thác/ khai thác gỗ thương mại);
- Phát triển cơ sở hạ tầng (xây dựng đường lâm nghiệp);
- Các hoạt động cho trồng rừng: làm đất, trồng, xử lý thực bì theo quy định, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;
- Các biện pháp lâm sinh: tía cành, tía thưa, chăm sóc làm cỏ vun gốc.

- Các lô rừng không hoạt động (inactive) là các lô rừng:

- Các hoạt động giám sát, bảo vệ rừng (tuần tra phòng cháy chữa cháy, giám sát các hoạt động trái phép;
- Thiết lập và giám sát các ô mẫu định vị theo dõi trữ lượng lâu dài;
- Vệ sinh rừng, bảo dưỡng/cắt cỏ các đường ranh lô;
- Phân giới và bảo trì đường ranh giới;
- Xây dựng, cập nhật kế hoạch quản lý rừng;...

1.1. Phương pháp chọn biểu giám sát

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng cấp xã, BQL RPH, kế hoạch giám sát đánh giá được xây dựng cho năm hoạt động. Ban đại diện nhóm phải sử dụng lịch giám sát hàng năm để lập kế hoạch giám sát đánh giá các lô rừng.

Căn cứ kế hoạch kinh doanh rừng theo lô, kế hoạch giám sát lô được quản lý nhóm cấp xóm/trạm tổng hợp theo cấp tuổi để lập cho từng hoạt động (kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp xóm/trạm – **Biểu 8B**)

Trưởng nhóm cấp xã/BQL RPH sẽ thực hiện giám sát các hoạt động quản lý rừng với số biểu theo công thức chọn biểu là $X = 0,6 * \sqrt{y}$ (x = số lượng các ĐVQLR cần đánh giá, y = tổng số ĐVQLR) của xã/trạm đối với các lô rừng đang có các hoạt động đang diễn ra trên hiện trường. Công thức này được áp dụng cho quy mô nhóm hộ nhỏ hơn 1000 ha; đối với quy mô trên 1000 ha thì áp dụng công thức chọn biểu $X = \sqrt{y}$.

Căn cứ tính thời vụ trong kinh doanh rừng của địa phương, Quản lý nhóm hoặc người được ủy quyền của Ban đại diện nhóm sẽ lựa chọn thời điểm cần giám sát các hoạt động trong năm, số biểu giám sát của Quản lý nhóm $X = 0,6 * \sqrt{y}$ (x = số lượng các ĐVQLR cần đánh giá, y = tổng số ĐVQLR) đối với các lô rừng đang hoạt động và $X = 0,1 * \sqrt{y}$ đối với các lô rừng không có hoạt động.

1.2. Giám sát quản lý nhóm

Kiểm tra thủ tục kết nạp/khai trừ thành viên

Kiểm tra sự tuân thủ theo các quy trình của nhóm

Kiểm tra kế hoạch và kết quả giám sát tại các phân nhóm và biện pháp khắc phục.

1.3. Giám sát khai thác

Khi tiến hành khai thác gỗ rừng trồng, các thành viên trong nhóm chứng chỉ đều phải thực hiện giám sát khai thác theo biểu giám sát khai thác (**Biểu 9D**), biểu giám sát thi công bảo dưỡng, làm đường vận xuất (**Biểu 9F**) nội dung giám sát bao gồm:

Tình trạng của lô rừng trước khi khai thác cần phải được ghi nhận, như: xói mòn; đa dạng sinh học của cây tái sinh có giá trị, bảo vệ hành lang ven sông - suối, hoặc khu sinh cảnh dễ bị tổn thương, Trưởng nhóm xóm/trạm sẽ xác định các hoạt động có thể xảy ra sự ảnh hưởng về môi trường do khai thác rừng gây ra để cùng chủ rừng đưa ra các biện pháp ngăn ngừa;

Hiện trường khai thác, căn cứ vào hợp đồng khai thác với nhà thầu/nhóm khai thác để giám sát công nhân khai thác. Nếu phát hiện các lỗi kỹ thuật, hoặc các lỗi gây hại đến môi trường thì đoàn giám sát sẽ tiến hành lập biên bản. Có thể ở các mức khác nhau: nhắc nhở, cảnh cáo, phạt tiền hoặc chấm dứt hợp đồng đơn phương;

Nhân công lao động đảm bảo theo các quy định về an toàn lao động, sơ cấp cứu tại hiện trường và các điều kiện theo ILO quy định;

Tác động môi trường: Trưởng nhóm xóm/trạm cùng các thành viên và chủ rừng sẽ giám sát việc tuân thủ các yêu cầu của FSC, phát hiện những lỗi không tuân thủ như tác động đến xói mòn, hạn chế dòng chảy, môi trường rác thải thì Trưởng nhóm xóm/trạm yêu cầu các hoạt động khắc phục.

1.4. Họp nhóm thường niên

Các cuộc họp nhóm thường niên là nơi để các thành viên nhóm trao đổi thông tin, thảo luận và đưa ra quyết định. Trưởng nhóm xóm tổ chức các cuộc họp ở xóm hoặc xã và có sự tham gia của Ban đại diện nhóm hoặc người đại diện. Mọi quyết định đều cần có sự đồng thuận. Trong trường hợp không đạt được sự đồng thuận thì sẽ có một cuộc bỏ phiếu, yêu cầu có ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của những Thành viên có mặt trong cuộc họp.

Ngoài ra, các cuộc họp thường niên đáp ứng chức năng giám sát ở cấp cảnh quan:

Giám sát tác động môi trường: giám sát các vấn đề xung quanh tác động môi trường của quản lý rừng trong năm, các biện pháp đã sử dụng cần được thảo luận hàng năm và tài liệu hóa bằng biên bản, báo cáo họp định kỳ hàng năm. Các kết quả sẽ được đưa lên bảng thông tin nhóm xóm/xã, trạm/BQLRPH và lưu trong hồ sơ;

Giám sát tác động xã hội: Ban đại diện nhóm xã/BQL RPH lập một đánh giá tình hình kinh tế xã hội của các thành viên và những người nộp đơn. Nội dung đánh giá cần so sánh các chỉ số của năm trước với năm đánh giá, nắm bắt được những thay đổi theo thời gian trong khoảng 5 năm, phân tích những yếu tố tích cực và tiêu cực để có những giải pháp thực hiện.

Một bản dự thảo chương trình họp thường niên đính kèm trong cuốn sổ tay quản lý nhóm sẽ được sử dụng như một bản hướng dẫn danh mục kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả các khía cạnh quan trọng đều được thảo luận.

1.5. Yêu cầu cho các hành động khắc phục

Những người có trách nhiệm cần giám sát kỹ lưỡng việc thực hiện các yêu cầu cho hành động khắc phục đã được đưa ra trong thời gian giám sát nội bộ tại các lô rừng ở cấp xóm/trạm và xã/BQL RPH (**Yêu cầu hành động khắc phục nội bộ**) cho đến trước lần giám sát nội bộ kỳ sau. Điều này sẽ được thực hiện qua các biểu giám sát, báo cáo và các cuộc họp thường niên.

Các yêu cầu hành động khắc phục lỗi do các đánh giá viên của tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra trong các cuộc đánh giá định kỳ hoặc đánh giá lại cần được quan tâm đặc biệt:

Ban đại diện nhóm ghi lại tất cả các yêu cầu hành động khắc phục cần đưa vào danh mục các yêu cầu hành động khắc phục;

Ban đại diện nhóm cung cấp một biểu yêu cầu hành động khắc phục (**Biểu 12**) đến những người có trách nhiệm (ví dụ chủ rừng hay Trưởng nhóm xóm/xã, trạm/BQL RPH) với mô tả rõ ràng về lỗi và thời hạn thực hiện hành động khắc phục;

Trong trường hợp chủ rừng đã nhiều lần thất bại trong việc hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục nội bộ, hay các yêu cầu hành động khắc phục do tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra. Trưởng nhóm xã/BQL RPH và Ban đại diện phải xem xét lại tư cách tham gia nhóm của chủ rừng, để ra quyết định khai trừ thành viên ra khỏi nhóm chứng chỉ.

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

2.1. Khái niệm:

Đánh giá nội bộ: là quá trình nhóm hộ FSC tự tổ chức họp và đánh giá kết quả vận hành của nhóm sau một thời gian nhất định. Đánh giá nội bộ căn cứ trên kết quả của hoạt động giám sát nội bộ.

Đánh giá nội bộ có thể theo 2 hình thức:

a. Nhóm tự tổ chức

- Ưu điểm: ít tốn kém, chủ động về nhân sự và thời gian, ít phải hội họp tham khảo ý kiến,

- Nhược điểm: dễ bỏ sót khiếm khuyết hoặc nặng về nhận xét chủ quan.

b. Nhóm thuê chuyên gia bên ngoài tới đánh giá nhóm (không phải đánh giá của tổ chức cấp chứng chỉ).

Khi nhóm tự tổ chức đánh giá nội bộ, thì cần thành lập 1 tổ đánh giá. Tổ đánh giá cần có Tổ trưởng chịu trách nhiệm chung và có ít nhất 3 người khác phân chia trách nhiệm đánh giá các nguyên tắc FSC và kiểm tra hiện trường.

Đánh giá bằng cách so sánh trực diện những nội dung trong các văn bản liên quan QLR của đơn vị và việc thực hiện những nội dung đó ngoài hiện trường với Bộ nguyên tắc QLRBV.

Các phương pháp đánh giá:

+ *Đánh giá trong phòng;*

Khi thực hiện đánh giá trong phòng làm việc, tổ đánh giá mời những người có liên quan đến quản lý rừng cung cấp thêm thông tin và trả lời những câu hỏi liên quan đến công việc do họ phụ trách hay thực hiện.

Nhiệm vụ của đánh giá trong phòng làm việc là khảo sát các văn bản, tài liệu, sổ sách liên quan đến quản lý rừng như kế hoạch sản xuất kinh doanh, các bản hướng dẫn, quy trình, các bản báo cáo định kỳ và hàng năm, các báo cáo về kết quả giám sát đánh giá, các hợp đồng khai thác, tài chính v.v, ...

So sánh nội dung các văn bản tài liệu đó với yêu cầu của bộ tiêu chuẩn của Việt Nam để có thể thấy những văn bản nào phù hợp hoặc chưa phù hợp, những tiêu chuẩn tiêu chí nào đã được thực hiện tốt hoặc chưa tốt và ở mức độ nào.

Cách làm tốt nhất là đối chiếu từng tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số với các tài liệu liên quan và phỏng vấn trực tiếp cán bộ phụ trách việc thực hiện các tiêu chuẩn - tiêu chí đó.

+ *Đánh giá ngoài hiện trường;*

Hoạt động này là để đoàn đánh giá kiểm tra xem những việc làm ngoài hiện trường có đúng như trong kế hoạch, quy trình, hướng dẫn và các báo cáo đã công bố hay không.

Thông thường thì tổ đánh giá sẽ chọn ngẫu nhiên một số địa điểm để khảo sát sao cho có thể nắm được đầy đủ nhất về các hoạt động quản lý rừng ngoài hiện trường như bài cây khai thác, làm đường vận chuyển gỗ, chăm sóc rừng sau khai thác, cắm mốc các khu bảo tồn, các biện pháp phòng chống tác động xấu đối với môi trường v.v.

Cần có cán bộ chuyên môn phụ trách công việc được đánh giá đi theo để giải thích hoặc trả lời các câu hỏi của tổ đánh giá.

Một phần quan trọng của đánh giá ngoài hiện trường là phỏng vấn những người có liên quan đến quản lý rừng như cán bộ công nhân của chủ rừng làm việc tại hiện trường, chính quyền địa phương, các tổ chức có các hoạt động trong vùng, và người dân sở tại. Nhiều khi những người được hỏi có thể cảm thấy khó nói ra sự thật hay suy nghĩ của mình do những lý do tế nhị nào đó, vì vậy tổ đánh giá cần lựa chọn thời gian và địa điểm phù hợp để tiến hành phỏng vấn sao cho người được phỏng vấn cảm thấy tự nhiên và thoải mái nhất.

2.2. Thời gian thực hiện đánh giá nội bộ: Mỗi năm 1 lần (tối thiểu)

2.3. Xác định lỗi không tuân thủ và phân loại lỗi

Sau khi đã thực hiện đánh giá trong phòng và đánh giá ngoài hiện trường, Tổ đánh giá sẽ họp để các nhóm trình bày kết quả đánh giá những tiêu chuẩn được phân công, thảo luận chung và đi đến kết luận có những nội dung nào của tiêu chuẩn chưa được chủ rừng thực hiện, tức là những lỗi không tuân thủ (LKTT), và đưa ra các hành động khắc phục (HĐKP) những lỗi đó.

Việc này được thực hiện trên cơ sở tổ đánh giá so sánh những thông tin tư liệu đã thu nhận được trong quá trình đánh giá với bộ tiêu chuẩn của Việt Nam.

Những LKTT được chia làm 2 loại là LKTT lớn, LKTT nhỏ và lỗi quan sát

a. Lỗi không tuân thủ lớn (Major car)

Lỗi không tuân thủ lớn có thể là lỗi riêng biệt hay kết hợp với các lỗi không tuân thủ thuộc các chỉ số khác mà nó dẫn đến kết quả một thất bại cơ bản để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC tại một (hoặc nhiều) đơn vị quản lý rừng trong phạm vi nhóm. Lỗi không tuân thủ lớn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

Không ban hành các tài liệu hướng dẫn hoặc không có hồ sơ chứng minh theo đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn FSC;

Có ban hành tài liệu hướng dẫn theo đúng quy định, nhưng thực tế hầu hết các chủ rừng không thực hiện theo (Tức văn bản này không có hiệu lực tại chủ rừng);

Vi phạm các yêu cầu luật định (Liên quan đến phạm vi chứng nhận);

Lỗi nhỏ không được khắc phục của lần đánh giá trước sẽ tự động nâng lên lỗi lớn.

b. Lỗi không tuân thủ nhỏ (Minor car)

Lỗi không tuân thủ nhỏ xảy ra trong các trường hợp sau:

- Là các điểm không thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hồ sơ nhưng mang tính không hệ thống, tính liên kết có thể bị phá vỡ và chỉ xảy ra tại một hoạt động hoặc một số nơi;

- Lỗi quan sát không có giải pháp ngăn ngừa sẽ tự động lên lỗi nhỏ.

c. Lỗi quan sát (Observer)

Là các điểm không vi phạm bất cứ yêu cầu nào như luật định, hệ thống tài liệu hoặc hồ sơ hoặc các yêu cầu khách hàng nhưng nó cần thiết cho hoạt động quản lý rừng được cải thiện tốt hơn nhằm gia tăng hiệu quả áp dụng hệ thống.

Đối với kết quả đánh giá xếp loại lỗi sau cuộc họp nội bộ nhóm, ban quản lý nhóm phải đề xuất thời gian khắc phục lỗi phù hợp (thông thường là 3 tháng); trong trường hợp cần thiết cần chỉ định nhân sự phối hợp với chủ rừng để khắc phục lỗi. Đến kỳ hạn phải kiểm tra hành động khắc phục lỗi có được thực hiện đúng cách hay chưa, và đóng lỗi, lưu thông tin vào báo cáo.

2.4. Tổng kết

- Kết quả đánh giá nội bộ sẽ được Tổ đánh giá viết báo cáo sơ bộ sau khi tiến hành họp tổ để thống nhất những nội dung của bản báo cáo.

- Báo cáo sơ bộ trình bày cả những ưu điểm của chủ rừng trong các khâu quản lý (là những điểm đã hoàn toàn đáp ứng các nguyên tắc) và những phát hiện về LKTT và những HĐKP, kèm theo một danh sách những LKTT và HĐKP.

- Báo cáo sơ bộ được gửi cho chủ rừng và các bộ phận liên quan để đọc và chuẩn bị ý kiến nhận xét trước khi tổ chức một cuộc họp kết thúc giữa chủ rừng và Tổ đánh giá.

- Trong cuộc họp nếu chủ rừng thấy có những phát hiện LKTT và HĐKP của Tổ đánh giá không đúng do tổ đã nhận những thông tin sai lệch hoặc chưa tiếp cận được thông tin, thì chủ rừng phải đưa ra bằng chứng và cung cấp thêm thông tin để tổ đánh giá xác minh lại để sửa báo cáo sơ bộ, đồng thời loại bỏ LKTT và HĐKP không đúng đó.

- Sau khi đã xác minh lại những điểm nêu trên, Tổ đánh giá viết báo cáo chính thức về tình hình quản lý của đơn vị và kết thúc nhiệm vụ.

- Báo cáo chính thức của Tổ đánh giá sẽ là cơ sở để chủ rừng lập kế hoạch khắc phục những LKTT nhằm đáp ứng yêu cầu của quản lý rừng bền vững.

2.5. Khắc phục lỗi sau khi đánh giá

- Sau khi nhận được báo cáo chính thức của Tổ đánh giá, nhóm tiến hành họp cán bộ chủ chốt của đơn vị để phổ biến, đồng thời xây dựng kế hoạch khắc phục những LKTT và HĐKP ghi trong báo cáo.

- Yêu cầu về thời gian sửa lỗi:

+ Lỗi không tuân thủ lớn phải được chỉnh sửa trong thời hạn tối đa 3 tháng, bắt đầu từ ngày thực hiện đánh giá, khi lỗi bị phát hiện;

+ Lỗi không tuân thủ nhỏ phải được chỉnh sửa trong thời hạn tối đa 12 tháng.

- Bản kế hoạch phải đầy đủ chi tiết, bao gồm các mục: những việc làm cụ thể, thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện, kinh phí, vật tư cần thiết. Một điểm quan trọng cần đặc biệt lưu ý là mời những người trực tiếp thực hiện kế hoạch tham gia xây dựng kế hoạch khắc phục LKTT để đảm bảo kế hoạch sẽ sát với tình hình thực tế, có tính khả thi cao.

2.6. Giám sát khắc phục lỗi

- Giám sát tình hình khắc phục lỗi rất quan trọng để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đạt được mục tiêu trong khuôn khổ thời gian đã định.

- Trong mọi trường hợp đều cần có một kế hoạch giám sát phù hợp với phạm vi và cường độ hoạt động thực hiện kế hoạch khắc phục những LKTT.

Biểu 8B: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CỦA CÁN BỘ ĐỊA BÀN

Nội dung giám sát	THÁNG TRONG NĂM												Tên cán bộ giám sát (BVN/Xã/Xóm/Trạm)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1. Giám sát công tác trồng rừng														
2. Giám sát công tác chăm sóc rừng														
3. Giám sát công tác bảo vệ rừng														
4. Giám sát tăng trưởng rừng														
5. Giám sát khai thác rừng														
6. Giám sát bảo dưỡng, làm đường lâm nghiệp														
7. Giám sát tác động môi trường														
8. Giám sát tác động xã hội														
9. Giám sát các hoạt động khắc phục lỗi														

Người phê duyệt

Ngày tháng năm

Người lập kế hoạch

Biểu 9A: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

Tên chủ hộ:	Xóm-Trạm/Xã-Ban:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích: Năm trồng:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

I	Hiện trường trồng rừng	
	- Xử lý thực bì (Đốt/Không đốt)	- Loài (Keo lai, Keo TT...)
	- Mật độ (cây/ha)	- Giống cây (mô/hom/hạt)
	- Đào hố (Đạt/ Không đạt)	- Mua giống ở đâu:.....
	- Độ dốc (bao nhiêu Độ)	- Bón phân (Loại, lượng)g/hố.
	- Rác bao bì (Có/ Không)	- Tỷ lệ cây sống (%)%
<i>Nếu có tình trạng có người lấn chiếm đất một cách nghiêm trọng sẽ lập bản báo cáo riêng</i>		
II	Nhân công và cộng đồng (Tác động xã hội)	
	- Số người tham gia trồng + Nam: người, + Nữ: người + Người dân tộc:	- Được tập huấn (Có/ Không)
	- Trồng xen cây nông nghiệp (Có/ Không)	- Có gia súc vào rừng (Có/ Không)
	- Lao động dưới 16 tuổi (Có/ Không)	- Tai nạn lao động (Có/ Không)..... <i>(Nếu có tai nạn cần lập riêng biên bản)</i>
	- Lao động cưỡng bức: (Có/không):.....	
	- Bảo hộ lao động phù hợp (Có/ Không)	
III	Môi trường (Tác động môi trường)	
	- Tình trạng xói mòn đất (Nhiều/ Ít/Không)	- Tình trạng đất (Khô/ẩm/khác)
	- Khe suối có nước (Nhiều/ Ít/ Không)	- Rác thải trên hiện trường (Nhiều/ Ít/Không)
	- Chất lượng nước (Trong/ Đục)	- Thực bì, rác đổ vào suối (Có/ Không)

Đề xuất của người giám sát:

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

BIỂU 9B: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC RỪNG

Tên chủ hộ:	Xóm-Trạm/Xã-Ban:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích: Năm trồng:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Kết quả (tốt/chưa tốt... ghi rõ)
I	Tình trạng hiện trường trồng rừng	
1	Loài cây	
2	Lần chăm sóc (lần ... vào tháng/năm)	
3	Phát chăm sóc	
4	Xói vun gốc	
5	Phân bón, thuốc BVTV (Loại, số lượng)	
6	Số cây chết (cây/ha)/ mật độ ban đầu	
7	Sâu, bệnh hại rừng (tỷ lệ cây bị bệnh/mô tả)	
8	Các loài thực vật ngoại lai xâm lấn gây hại phát hiện trong lô rừng	
9	Công cụ, dụng cụ chăm sóc	
II	Nhân công lao động	
1	- Số người tham gia trồng + Nam: ... người, + Nữ: người + Người dân tộc:	
2	+ lao động trẻ em: + Lao động cưỡng bức:	
3	Tập huấn cho lao động	
4	Trang bị/sử dụng bảo hộ lao động	
5	Hộp cứu thương	
6	Chăn thả gia súc vào Lô	
7	Tai nạn lao động	
III	Môi trường	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Tác động đến đất (xói mòn, sạt lở)	
3	Tác động đến nguồn nước (đục/bẩn)	
4	Tác động đến cộng đồng dân cư	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

Biểu 9C: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ RỪNG

Tên chủ hộ:	Xóm-Trạm/Xã-Ban:/.....	
Tên lô rừng:	Diện tích:	Năm trồng:
Người giám sát:	Ngày giám sát:	

TT	Nội dung giám sát	Mô tả <i>(tốt/xấu... ghi cụ thể)</i>
1	Lấn, chiếm đất đai (diện tích/mức độ)	
2	Cháy rừng (diện tích, mức độ)	
3	Khai thác trái phép (số lượng, diện tích)	
4	Săn bắt động vật trái phép	
5	Sâu, bệnh hại rừng (tỷ lệ cây bị bệnh/mô tả)	
6	Rừng bị gia súc phá hoại (tỷ lệ, mức độ)	
7	Các loại biển nội quy/biển bảo bảo vệ	
8	Dấu hiệu xói mòn đất (nhiều/ít)	
9	Vùng đệm khe suối bị tác động	
10	Có gập gia súc chẵn thả trong lô?	
11	Có người vào rừng lấy lâm sản ngoài gỗ (Có/Không; Số lượng)	
12	Các loài thực vật ngoại lai xâm lấn gây hại phát hiện trong lô rừng	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

Biểu 9D: BIỂU GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC
(Trước, trong và sau khai thác)

TT	Nội dung giám sát	Kết quả/ Tình trạng (tốt/chưa tốt... ghi rõ)
	Phân nhóm:	Loài cây:
	Người giám sát:	Dự kiến sản lượng (Tấn):
	Lô khai thác:	Diện tích (ha):
	Chủ rừng:	Năm trồng:
I	Giám sát trong quá trình khai thác (từ ngày đến ngày.....)	
1	Hoạt động khai thác	
	Khai thác có đúng kế hoạch không? <i>Nếu không? Nguyên nhân?</i>	
	Phát luống thực bì trước khai thác	
	Đường vận xuất, vận chuyển có cắt ngang suối không?	
	Xăng dầu bị đổ ra đất	
	Vùng đệm ven sông suối có được bảo vệ không? <i>Nêu rõ?</i>	
	Khai thác trắng diện tích lớn (ha)	
	Góc chặt, vết cưa đúng kỹ thuật?	
	Công nhân có đứng đúng khoảng cách an toàn khi cưa cây hay không	
2	Nhân công lao động	
	Có thuê nhà thầu khai thác hay không? <i>Nếu có?</i> <i>Có hợp đồng lao động hay không?</i>	
	Bảo hộ lao động (<i>có đầy đủ, phù hợp?</i>)	
	Hộp cứu thương/sơ cứu đầy đủ?	
	Công nhân có ngủ lại qua đêm tại lô rừng hay không? <i>Nếu có? Điều kiện lán trại có đảm bảo không?</i>	
	Công nhân có được tập huấn về an toàn lao động và Sơ cấp cứu hay không?	
	Sử dụng lao động trẻ em(có/không): Sử dụng lao động cưỡng bức(có/không):	
	Trả công/lương phù hợp/kip thời	
	Tai nạn lao động (có/không/nghiêm trọng – ghi biên bản nếu có)	
3	Tác động môi trường	

	Rác thải trên hiện trường (ít/nhiều) có được xử lý không?	
	Hiện trạng vùng đệm ven khe suối (có được bảo vệ không? Nêu rõ?	
	Việc bảo quản và thay dầu nhớt cho các động cơ có tuân thủ theo quy định không? Có đổ ra đất, gây nguy hại cho môi trường không?	
	Xói mòn đất trên lô khai thác không?	
	Các tuyến đường vận chuyển có gây xói mòn hay hư hỏng môi trường đất hay không?	
	Dòng chảy bị tắc do cành nhánh không?	
II	Giám sát sau khai thác (ngày.....)	
	Đai xanh, vùng đệm, hành lang ven sông suối... và các sinh cảnh dễ bị tổn thương khác có được bảo vệ nguyên vẹn không?	
	Dòng sông, suối, khe... có bị tắc nghẽn dòng chảy, ô nhiễm hay không?	
	Tình trạng rác thải trên lô rừng? Có được xử lý hay không?	
	Tình trạng xói mòn từ hoạt động khai thác, vận chuyển?	
	Tình trạng xăng dầu, nhớt động cơ bị đổ lên mặt đất không?	
III	Các hoạt động khác	
	Kế hoạch trồng lại rừng sau khai thác	

Biểu 9E: PHIẾU GIÁM SÁT TĂNG TRƯỞNG VÀ TRỮ LƯỢNG RỪNG TRỒNG

Tên chủ hộ:	Xóm-Trạm/Xã-Ban:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích: Năm trồng:
Tổ đo đếm:	Ngày giám sát:
Ô Tiêu chuẩn:	

STT	C1,3 (cm)	H (m)	V _{cây} (m ³)	STT	C1,3(cm)	H (m)	V _{cây} (m ³)
1				31			
2				32			
3				33			
4				34			
5				35			
6				36			
7				37			
8				38			
9				39			
10				40			
11				41			
12				42			
13				43			
14				44			
15				45			
16				46			
17				47			
18				48			
19				49			
20				50			
21				51			
22				52			
23				53			
24				54			
25				55			
26				56			
27				57			
28				58			
29				59			
30				60			

Tổng thể tích cây đứng của ô tiêu chuẩn (m³/ô):.....
 Tổng thể tích cây đứng quy đổi ra ha (m³/ha):.....

Ghi chú: - $C_{1.3}$ (cm) là vanh/ chu vi của cây ở vị trí cách mặt đất 1,3 m; Hvn (m) là chiều cao vút ngọn của cây; $V_{cây}$ (m^3) là thể tích của cây, được tính theo công thức:

$$V_{cây} = 0.00000398 \times (C_{1.3})^2 \times H.$$

Biểu 9F: BIỂU GIÁM SÁT THI CÔNG BẢO DƯỠNG, LÀM ĐƯỜNG VẬN XUẤT

Tên chủ hộ:	Xóm-Trạm/Xã-Ban:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả: tốt/xấu (ghi rõ)
I	Hiện trạng đường vận xuất, vận chuyển	
1	Chiều dài x rộng đường (m)	
2	Thi công đúng kỹ thuật	
3	Biển báo thi công	
4	Cầu cống, Rãnh thoát nước	
II	Nhân công lao động	
1	Số lượng làm đường	
2	Tập huấn cho lao động	
3	Sử dụng bảo hộ lao động	
4	Hộp cứu thương đầy đủ	
5	Tai nạn lao động	
III	Thiết bị sử dụng tại hiện trường	
1	Mô tả số lượng, tình trạng thiết bị sử dụng như Máy kéo, máy ủi, máy xúc;	
IV	Môi trường	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Hiện trạng vùng đệm ven khe suối	
3	Khu vực chứa dầu mỡ	
4	Xăng, dầu đổ ra đất	
5	Sạt lở đất do thi công	
6	Đất, đá có lấp dòng chảy	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục

Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:
---------------------------	---------------------	--------------

Biểu 11A: BIỂU GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tên chủ hộ:	Xóm-Trạm/Xã-Ban:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

Hoạt động	Tác động tiềm ẩn	Mức độ tác động			Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động
		A	B	C	
Trồng, chăm sóc rừng	Tác động đến đất				
	Tác động đến nguồn nước do sử dụng thuốc diệt cỏ, phun thuốc khi chăm sóc				
	Tác động đến cộng đồng dân cư				
Hoạt động khai thác	Khu vực loài trừ ven khe, suối				
	Ô nhiễm đất do dầu nhớt chảy, rò rỉ ra đường				
	Chất lượng nước				
	Khả năng thoát nước của các dòng chảy				
	Xói mòn đất cho làm đường, vận chuyển ở độ dốc cao				
Bảo dưỡng, làm mới các tuyến đường	Rùa trôi bề mặt và xói mòn đất				
	Nén đất và bùn nhão				
	Thay đổi khả năng thoát nước				
	Chất lượng nước				
	Môi trường sống của động vật dưới nước				
	Xói mòn đất				
Vận xuất, vận chuyển	Bụi, ồn				
	Gây nén đất, xói mòn đất trên các tuyến đường				

Hoạt động	Tác động tiềm ẩn	Mức độ tác động			Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động
		A	B	C	
	Tạo ra bồi lắng ở các lòng suối				
	Tình trạng đường				
	Tình trạng cầu, cống				
	Ảnh hưởng đến cộng đồng (bụi, tiếng ồn)				
	Ảnh hưởng đến môi trường sống của động vật hoang dã				

Ghi chú:

Mức độ tác động: quan sát và đưa ra mức độ ảnh hưởng theo (A – B – C), trong đó:

- A: Rất ảnh hưởng (lỗi cần khắc phục)
- B: Ảnh hưởng (Nhắc nhở)
- C: Ít ảnh hưởng (Giải thích)

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

Biểu 11B: BIỂU GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

1. Mô tả ngắn gọn tình hình kinh doanh của Nhóm CCR trong năm (Các hoạt động lâm nghiệp gì, bao lâu, thời gian, ...)

2. Các tác động tích cực là gì – cần mô tả ngắn gọn các nội dung sau:

- Thông qua các hoạt động trong năm, Nhóm hộ đã tạo ra bao nhiêu việc làm, trong đó có bao nhiêu người dân địa phương.....

- Thu nhập của Thành viên Nhóm hộ tăng/giảm?

- Tỷ lệ tăng/giảm mức ngày công so với năm trước.....%/năm.

- Mức ngày công so với thu nhập trung bình của người dân địa phương?.....

- Các hoạt động tập huấn/đào tạo mà các hộ thành viên đã tham gia?.....

- Các chương trình xã hội mà Ban Đại diện đã cung cấp cho người dân địa phương trong năm.

.....

- Việc xây dựng, sửa chữa đường tạo ra sự dễ dàng về giao thông, đi lại của người dân.

.....

- Trong năm đơn vị có đóng góp các khoản kinh phí để xây dựng trường học, quỹ khuyến học, ủng hộ các quỹ theo quy định hay không? Số tiền ủng hộ là bao nhiêu?.....

3. Các tác động tiêu cực đến các hộ thành viên, cộng đồng từ các hoạt động lâm nghiệp gây ra là gì?

4. Các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực (nếu có) trong năm tới

Người thông qua

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập báo cáo

Biểu 13: BIÊN BẢN HỌP
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT THÁNG/.....

Chi nhóm Xã:

Hôm nay, ngày tháng năm, tại.....

I. Thành phần họp:

II. Nội dung họp:

Tổng hợp kết quả giám sát định kỳ (nêu rõ thời gian) tại.....

Căn cứ các kết quả giám sát, tổng hợp kết quả với những ưu điểm và tồn tại như sau:

1. Giám sát hoạt động trồng rừng

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

2. Giám sát hoạt động chăm sóc rừng trồng

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

3. Giám sát hoạt động bảo vệ rừng

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

4. Giám sát hoạt động khai thác rừng

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

5. Giám sát thi công đường vận xuất vận chuyển

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

8. Giám sát tác động xã hội

a. Ưu điểm:

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

9. Giám sát tác động môi trường

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:.....

10. Giám sát các hoạt động khắc phục

a. Ưu điểm:.....

b. Tồn tại:

c. Đề xuất khắc phục:

III. Kết luận

.....
.....
.....

Thành phần tham gia họp ký tên đầy đủ (như bảng dưới)

Nơi nhận:

- Ban đại diện Nhóm Hộ (B/c)
- Các bên liên quan (tham vấn)
- Lưu VT

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN NHÓM HỘ THAM GIA HỢP TỔNG HỢP
KẾT QUẢ GIÁM SÁT**

Tháng/.....

(Kèm theo Báo cáo.....)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký

QTQLN – 05: QUY TRÌNH LẬP, CẬP NHẬT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG

1. Quy trình lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm xã, BQL RPH

Trên cơ sở tổng hợp các lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ, Trưởng nhóm xã/BQL RPH tổ chức cuộc họp nhóm với mục đích thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng theo lô cho tất cả thành viên trong nhóm, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác trắng với diện tích lớn liền kề không vượt quá 20 ha – đối với địa hình có độ dốc lớn và có hành lang ven suối, đồng thời điều tiết diện tích rừng nhiều cấp tuổi trong nhóm để hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm xã/BQL RPH được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Rà soát, thảo luận với thành viên nhóm để thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng của họ;

Bước 2: Phân loại các lô rừng theo từng cấp tuổi hoặc nhóm cấp tuổi, loài cây để làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng của nhóm;

Bước 3: Lập kế hoạch các hoạt động quản lý rừng của nhóm nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các tiêu chí về kỹ thuật, môi trường và đạt hiệu quả kinh tế, như: trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh hại, phòng chống cháy rừng và khai thác rừng. Kế hoạch sẽ được xác định rõ cho từng hoạt động đối với từng diện tích và thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện.

Bước 4: Mô tả kế hoạch quản lý rừng theo cấp cảnh quan và dự báo về khả năng phát triển mở rộng diện tích rừng/ tiềm năng sẵn có.

Trưởng nhóm xã/BQL RPH tổng hợp kế hoạch kinh doanh các lô rừng các hộ từ các xóm/trạm vào bảng kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH, lập bản đồ hiện trạng rừng của nhóm xã/BQL RPH. Sau khi có kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH, bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng cấp xã/BQL RPH, Ban đại diện nhóm làm Tờ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt (UBND huyện hoặc UBND xã/BQL RPH). Kết quả tóm tắt kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH và bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng của xã/BQL RPH sẽ được công bố trên bảng tin của các nhóm xóm/trạm và nhóm xã/BQL RPH, để tất cả thành viên nhóm và các bên liên quan nắm bắt thông tin về hoạt động chứng chỉ rừng.

Căn cứ vào kế hoạch quản lý rừng cấp nhóm xã/BQL RPH, Ban đại diện nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương lập kế hoạch giám sát hàng năm và thông báo lịch giám sát hàng năm cho các cấp quản lý trong nhóm để thực hiện.

2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng

- Kế hoạch quản lý rừng là kim chỉ nam của mọi hoạt động. Tất cả các lô rừng mới tham gia, các lô được khai thác và trồng lại mới cũng như các lô bị thay đổi hiện trạng mà không được báo trước (dịch bệnh, bão đổ) cần được tổng hợp cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hàng năm. Ban đại diện nhóm sẽ phê duyệt bất kỳ thay đổi quan trọng trong quản lý lô rừng. Lý do cho sự thay đổi này cần được giải thích rõ ràng trong sổ nhật ký quản lý lô rừng và cập nhật trong kế hoạch quản lý rừng cấp xã/BQL RPH.

- Các thay đổi quan trọng cho kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã cần phải được tham vấn với các bên liên quan theo cách phù hợp.

- Ban đại diện nhóm có trách nhiệm thường xuyên tìm hiểu, cập nhật những văn bản Pháp quy về hướng dẫn thực hiện trong công tác QLRBV của Việt Nam và của Hội đồng quản trị rừng quốc tế FSC. Ban đại diện nhóm cần thông báo các văn bản đó, tập huấn cho các thành viên và cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hoặc vào kế hoạch sửa đổi.

QTQLN - 06: QUY TRÌNH THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Mục đích

- Chia sẻ, thông tin và trao đổi về các nội dung cần lấy ý kiến của các bên liên quan
- Ghi nhận phản hồi của các bên liên quan và chỉnh sửa các nội dung

2. Các bên liên quan được mời tham vấn:

- Các Ban ngành cấp tỉnh liên quan : Sở NN&PTNT, Chi cục kiểm lâm, UBND tỉnh vv....
- Các cơ quan cấp huyện, xã: Phòng NN&PTNT, Hạt Kiểm lâm, Phòng TN&MT, UBND huyện, UBND xã, BQL RPH Thanh Chương, vv...
- Các hộ gia đình, trưởng bản sống gần rừng, bị ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của nhóm vv...

3. Nội dung tham vấn các bên liên quan:

- Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững
- Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao
- Bất kỳ thay đổi nào trong quy hoạch sử dụng đất bao gồm cả việc chuyển đổi diện tích rừng của các thành viên thuộc Nhóm CCR huyện Thanh Chương
- Việc xác minh việc tuân thủ Tiêu chuẩn của FSC
- Các vấn đề khác như cơ chế chia sẻ lợi ích, cơ chế hợp tác với người dân, cộng đồng, phương án phòng chống cháy rừng, các hoạt động lâm nghiệp mà có tác động đến một hoặc nhiều bên liên quan cụ thể.

4. Các hình thức tham vấn:

Ban đại diện Nhóm CCR huyện Thanh Chương sẽ chọn một trong các hình thức sau (phù hợp với từng nội dung tham vấn cụ thể) để thực hiện tham vấn các bên liên quan:

- Tổ chức họp, hội thảo: Ban đại diện Nhóm gửi giấy mời tham gia đến các bên liên quan ít nhất 07 ngày trước khi tổ chức họp, hội thảo tham vấn, lấy ý kiến.
- Công văn, thư điện tử: Ban đại diện Nhóm gửi thư điện tử, thư tham vấn đến các bên liên quan về các vấn đề cụ thể và yêu cầu các bên liên quan gửi phản hồi trong khoảng thời gian xác định (02-03 tuần).
- Thông báo tuyên truyền trên loa phát thanh, hoặc giấy mời trực tiếp tới các hộ thành viên nhóm chứng chỉ hoặc gián tiếp qua Ban đại diện các phân nhóm và các bên liên quan tại địa phương. Tổ chức các cuộc họp thảo luận lấy ý kiến góp ý vào những vấn đề cần tham vấn.
- Hàng năm ít nhất một lần Ban đại diện nhóm chứng chỉ rừng tổ chức lấy ý kiến tham vấn gửi cho các bên liên quan đề nghị các bên liên quan góp ý phản hồi và cập nhật những diễn biến, thay đổi về các quy định, tiêu chuẩn trong và ngoài nước về quản lý rừng bền vững. Hoạt động này được thực hiện qua email hoặc qua đường công văn thư tín.

- Khi có những thay đổi bất thường trong hoạt động quản lý rừng, Ban đại diện nhóm cần có sự tham vấn đến các bên liên quan đảm bảo sự thay đổi phù hợp với mục tiêu quản lý rừng và tuân thủ nguyên tắc FSC
- Trên đây là nội dung cơ bản quy trình tham vấn các bên liên quan áp dụng cho nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương.

Biểu 14. MẪU THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nội dung: Tham vấn ý kiến của các bên liên quan về sự phù hợp của

các nội dung trong các báo cáo sau:

I. Thông tin đơn vị tham vấn:

- 1. Đơn vị:
- 2. Địa chỉ:
- 3. Người trả lời tham vấn:
- 4. Người đứng đầu:
- 5. Chức vụ:

II. Nội dung tham vấn

1. Phương án Quản lý Rừng bền vững (QLRBV) của Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương, giai đoạn 2021-2026:

Các nội dung trong Phương án QLRBV của nhóm có phù hợp với thực trạng và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của huyện Thanh Chương hay không?

- Phù hợp:
- Chưa phù hợp:

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:

.....
.....
.....
.....

- Một số đề xuất để hoàn thiện Phương án

.....
.....
.....

2. Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (EIA)

Các nội dung trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhóm có phù hợp với hiện trạng của địa phương không? và các biện pháp giảm thiểu tác động đã đầy đủ để hạn chế các tác động xấu do hoạt động sản xuất lâm nghiệp gây ra với môi trường không?

- Phù hợp:
- Chưa phù hợp:

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:

.....
.....
.....
.....

- Một số đề xuất để hoàn thiện Báo cáo

.....
.....
.....

.....

3. Báo cáo Đánh giá tác động xã hội (SIA)

Các nội dung trong Báo cáo Đánh giá tác động xã hội của nhóm có phù hợp với hiện trạng của địa phương không? Và các biện pháp giảm thiểu tác động đã đầy đủ để hạn chế các tác động xấu do hoạt động sản xuất lâm nghiệp gây ra với các vấn đề xã hội tại địa phương không?

- Phù hợp:
- Chưa phù hợp:

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:
-
-
-

- Một số đề xuất để hoàn thiện Báo cáo
-
-
-

4. Báo cáo Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV)

Các nội dung trong Báo cáo Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV) của nhóm có phản ánh đúng với hiện trạng của địa phương không? và các giải pháp đề xuất nhằm bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH) trên diện tích rừng nhóm quản lý cũng như khu vực xung quanh đã đầy đủ để hạn chế các tác động đến ĐDSH?

- Phù hợp:
- Chưa phù hợp:

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:
-
-
-

- Một số đề xuất để hoàn thiện Báo cáo
-
-
-

Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương trân trọng cảm ơn Quý ông/bà và Đơn vị đã cho ý kiến tham vấn.

Thanh Chương, ngày.....tháng.....năm 2023

Người đứng đầu đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

QTQLN - 07: QUY TRÌNH KÊ KHAI HỒ SƠ LÂM SẢN VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM COC

1. Quy định chung

- Toàn bộ sản phẩm khai thác (gỗ xẻ, gỗ dăm,...) phải được kê khai chi tiết cho từng lô khai thác
- Hồ sơ khai thác bao gồm: Hồ sơ khai thác (Đơn đăng ký khai thác, bảng tổng hợp điều tra trữ lượng, thuyết minh khai thác), hợp đồng mua bán, hợp đồng khai thác, hóa đơn bán hàng phải được lưu lại ở cả bên mua và bên bán để giải trình cho chuỗi hành trình sản phẩm CoC của sản phẩm gỗ có chứng chỉ

2. Quy trình kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm CoC

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Hợp đồng mua bán, khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ rừng làm hồ sơ thiết kế khai thác (Biểu 15, 16, 17) (Ghi chú: Trong trường hợp Sản lượng khai thác thực tế vượt quá lớn hơn sản lượng ước tính, thì sản lượng thực tế kê khai FSC không được vượt quá 10% so với ước tính) - Ký kết hợp đồng mua bán giữa chủ rừng và Cty (Biểu 18) - Hợp đồng khai thác (Biểu 21) - Hợp đồng phải đầy đủ thông tin: Tên chủ rừng, Địa chỉ, Lô khai thác, thời gian khai thác; - Mã số hợp đồng khai thác ghi theo Mã số đăng ký khai thác do Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương cấp khi có đăng ký khai thác của chủ rừng. - Bảng kê lâm sản cho từng chuyến vận xuất theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPT - Phiếu cân hàng tại công ty - Hóa đơn chứng từ thanh toán

Biểu 15: Đơn đăng ký khai thác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC
RỪNG TRỒNG THEO MÔ HÌNH QLRBV & CHỨNG CHỈ RỪNG FSC

Kính gửi: Ban Đại diện nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

- Tên chủ rừng:

Là thành viên nhóm thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA-FM/COC-005793

- Địa chỉ:

Tôi làm đơn này để đăng ký khai thác các lô rừng của gia đình tôi, thuộc phạm vi rừng trồng theo mô hình QLRBV & chứng chỉ rừng FSC. Thông tin cụ thể như sau:

S T T	Tên lô	Tiểu khu	Loại cây (tên thông thường)	DT FSC (ha)	DTHLVS (ha)	DT khai thác (ha)	Năm trồng	Số cây/lô	Tổng trữ lượng điều tra (m ³)	Sản lượng gỗ dự kiến khai thác	
										M ³	Tấn
1											
2											
3											
Tổng cộng											

Nguồn: Biểu COC 01

Kèm theo các thành phần hồ sơ gồm :

- Đơn đăng ký khai thác.
- Thuyết minh khai thác.
- Bản đồ khu vực xin khai thác.

Đề nghị quý cơ quan xem xét, cho ý kiến./.

Nghệ An, ngày tháng năm 20

Chủ rừng

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**Biểu COC 01: BIỂU ĐIỀU TRA TRỮ, SẢN LƯỢNG THIẾT KẾ KHAI THÁC RỪNG TRỒNG THEO MÔ HÌNH
QLRBV & CHỨNG CHỈ RỪNG FSC**

Chủ rừng:

Là thành viên thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA-FM/COC-005793

Địa chỉ:

T T	Theo bản đồ FSC			Địa danh	Lô (mã lô) thiết kế khai thác	Diện tích thiết kế khai thác	Loài cây		Năm trồng	Tổng số cây tính trữ lượn g	D _{1.3} (cm)	H _{vn} (m)	Tổng trữ lượng/ ô (m ³)	Sản lượng gỗ khai thác ước tính (= tổng trữ lượng/lô x 0.85%- 0,9%) 1 m ³ ≈ 0.81 tấn		
	Lô	Khoả nh	Tiểu khu				Tên thông thườn g	Tên khoa hoac						(M ³)	Tấn	
1																
2																
Tổng																

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Phụ trách Phân nhóm

Biểu 17: Thuyết minh khai thác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH
THIẾT KẾ KHAI THÁC CHÍNH RỪNG TRỒNG
THEO MÔ HÌNH QL RBV & CHỨNG CHỈ RỪNG FSC

I. Đặt vấn đề:

- Tên chủ rừng:

Là thành viên thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA – FM/COC - 005793

- Địa chỉ:

- Mục đích khai thác: Khai thác chính gỗ rừng trồng.

I. Tình hình cơ bản khu vực khai thác

1. Vị trí, ranh giới khu vực khai thác:

Stt	Tên lô (mã lô)	Khoảnh	Tiểu khu	Diện tích khai thác (ha)	Ranh giới			
					Phía Bắc	Phía Nam	Phía Tây	Phía Đông
1								
2								
Tổng								

2. Tổng diện tích khai thác: ha. Loài cây: Keo lai. Tên khoa học: Acacia hybrid

3. Loại rừng đưa vào khai thác: Rừng sản xuất.

III. Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:

Căn cứ vào Biểu COC 01:

- Tổng trữ lượng lô khai thác: (m³)

- Tổng sản lượng gỗ ước tính khai thác: + m³
+ tấn

IV. Biện pháp khai thác, thời gian thực hiện.

Thực hiện theo đúng quy trình tại Sổ tay quản lý Nhóm, quy trình khai thác, quy trình giám sát quá trình khai thác (trong và sau khi khai thác) đã được Ban Đại diện Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương phê duyệt.

a. Chặt hạ: bằng cưa xăng, dao phát

b. Vận xuất: Khu khai thác có đường vận xuất thuận lợi.

c. Vận chuyển: chọn nơi đất trồng, bằng phẳng, độ dốc ngang không quá 5⁰ dưới chân lô khai thác gần đường giao thông thuận tiện quá trình vận chuyển.

d. Kỹ thuật khai thác:

- Khai thác đúng lô, khoảnh, và đúng ranh giới lô được thiết kế trong hồ sơ thiết kế khai thác.

- Trước khi chặt hạ phải xác định hướng cây đổ, chiều cao gốc chặt tối đa thấp hơn ½ đường kính gốc chặt. Mở miệng cắt gáy để cây đổ đúng hướng, khi cây gần đổ cần báo cho người xung quanh biết. Nếu cây chống chày phải báo cho cán bộ kỹ thuật đơn vị đến xử lý đảm bảo an toàn.

- Khai thác dứt điểm từng cây, khai thác đến đâu nghiệm thu ngay theo khối lượng thực tế để làm cơ sở xác nhận nguồn gốc gỗ.

- Chặt xong phải được tiến hành ngay việc cắt khúc, cắt cành ngọn, vận xuất, vệ sinh rừng để tiến hành trồng rừng vào mùa vụ tiếp theo.

e. Vệ sinh rừng sau khai thác: Sau khi chặt hạ xong, phải tiến hành vệ sinh rừng, cụ thể là: Phàn cành nhánh còn lại băm nhỏ hoặc gom thành nhiều đống nhỏ trên rừng.

f. Thời gian thực hiện: Từ ngày đến ngày

VI . Kết luận, kiến nghị

Trên đây là kết quả thuyết minh thiết kế khai thác rừng trồng theo mô hình quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC của hộ gia đình thành viên nhóm.

Kính mong Ban Đại diện Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương xem xét, cho phép khai thác và cấp Mã số đăng ký khai thác để tôi hoàn thiện các thủ tục khai thác.

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Chủ rừng

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Phần dành cho Ban Đại diện Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương phê duyệt		
Ban Đại diện Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương đồng ý các nội dung trong Thuyết minh thiết kế khai thác chính rừng trồng của hộ theo môhình QLRBV & CCR FSC		
Mã số đăng ký khai thác:	/FSC-	
<i>Nghệ An, ngày tháng năm</i> Ban đại diện Nhóm CCR huyện Thanh Chương <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

Biểu 18: HỢP ĐỒNG VÀ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG MUA BÁN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: /HĐMB/FSC-2022

“V/v: Mua bán gỗ rừng trồng”

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua năm 2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày tại Văn phòng Công ty, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN BVN THANH CHƯƠNG

- Địa chỉ: xóm 6, xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại : 02383 887799

- Mã số thuế : 2901840079

- Mã chứng chỉ COC : BV-COC-168558

- Đại diện : (Ông) Đặng Trọng Sang Chức vụ: Giám đốc

Bên B (Bên bán): Ông (bà) , là thành viên thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA – FM/COC – 005793.

- Số CMND/CCCD: ; Năm sinh:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Điều 1: Nội dung, quy cách, số lượng, đơn giá

- Tên mặt hàng: Gỗ Keo Lai (Acacia hybrid) FSC 100%

- Mã lô khai thác: . Năm trồng: . Diện tích khai thác: ha. Địa chỉ lô rừng:

- Quy cách, phẩm chất: Gỗ keo tròn, đường kính từ lớn hơn 3 cm trở lên, chiều dài từ 2 m trở lên, cắt phẳng hai đầu, gỗ không bị mục nát hoặc bị cháy.

- Số lượng: tấn ($\pm 10\%$).

- Giá thu mua: theo cơ chế giá thị trường tại thời điểm trên nguyên tắc lấy giá gỗ cùng chủng loại và được công bố công khai minh bạch tại cổng Công ty.

Điều 2: Thời gian, địa điểm giao hàng

- Thời gian giao hàng từ ngày đến hết ngày

- Địa điểm giao hàng: Nhà máy sản xuất viên nén gỗ Thanh Chương - Công ty CP BVN Thanh Chương.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Bên B phải đảm bảo sẽ giao hàng cho bên A trong thời hạn như trên.

Trong trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị gián đoạn bởi những trường hợp khách quan, tình thế cấp thiết, thì thời hạn thực hiện Hợp đồng này được tính theo thỏa thuận riêng giữa hai bên.

Điều 3: Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo số lượng gỗ keo ghi trên các phiếu cân từng chuyến hàng vận chuyển đến địa điểm giao hàng đã nêu ở Điều 2.

Số tiền đã xác định theo nội dung trên sẽ được bên A chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên B. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng trên nếu có sự thay đổi về giá thị trường dẫn tới việc thay đổi/phát sinh các chi phí thì số tiền chênh lệch/phát sinh trên sẽ được hai bên thông qua thỏa thuận khác.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A

Giải phóng gỗ xuống xe kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho bên B.

Chịu chi phí bốc gỗ xuống xe tại nhà máy của bên A.

Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho bên B theo thỏa thuận ghi nhận tại Hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B:

Bàn giao hàng đúng thời gian, địa điểm và quy cách như đã nêu ở điều 1 và điều 2.

Cử người cùng với bên A để giao nhận và xuống hàng tại nhà máy của bên A.

Cung cấp bảng kê lâm sản và các giấy tờ liên quan cho bên A tại thời điểm thanh toán cho tất cả trọng lượng hàng đã giao tại trạm cân bên mua.

Cam kết trung thực, chính xác của thông tin mà bên B đã đưa ra và đảm bảo sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với những sự việc phát sinh từ tính trung thực, chính xác của những thông tin này.

Bồi thường thiệt hại xảy ra cho bên A nếu có thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm của bên B.

Tuân thủ và đảm bảo các điều kiện về an toàn lao động, quyền của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái theo các nguyên tắc của FSC như Phục lục Hợp đồng đính kèm.

Điều 6. Vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng vì bất kỳ lý do gì bên còn lại có các quyền sau:

- Phạt bên vi phạm hợp đồng số tiền: 5.000.000 VNĐ (bằng chữ: Năm triệu đồng).
- Ngoài ra bên bị vi phạm có quyền yêu cầu và được bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh bởi hành vi vi phạm.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên đồng ý ưu tiên giải quyết thông qua trao đổi, thương lượng. Việc trao đổi, thương lượng này phải được thực hiện ít nhất hai lần và phải được lập thành văn bản. Nếu sau hai lần tổ chức trao đổi, thương lượng mà hai bên không thỏa thuận giải quyết được tranh chấp, một bên hoặc cả hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi có một trong các căn cứ sau:

- Hai bên có thỏa thuận chấm dứt thực hiện hợp đồng;
- Hợp đồng không thể thực hiện do có vi phạm pháp luật;
- Hợp đồng không thể thực hiện do Nhà nước cấm thực hiện;
- Một bên có hành vi vi phạm các điều khoản được ghi nhận trong Hợp đồng này và bên còn lại có yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này hết hiệu lực khi các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình, hoặc có thỏa thuận chấm dứt và không thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

- Căn cứ theo Hợp đồng mua bán số
- Căn cứ khối lượng gỗ được giao nhận tại phòng cân Công Ty Cổ Phần BVN Thanh Chương từ ngày đến ngày

Hôm nay, ngày ... tháng năm 2023 tại văn phòng Công Ty Cổ Phần BVN Thanh Chương, chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN BVN THANH CHƯƠNG

- Địa chỉ: xóm 6, xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại : 02383 887799
- Mã số thuế : 2901840079
- Mã chứng chỉ COC : BV-COC-168558
- Đại diện : (Ông) Đặng Trọng Sang Chức vụ: Giám đốc

Bên B (Bên bán): Ông là thành viên thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA – FM/COC – 005793.

- Số CMND/CCCD: Năm sinh:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:

Hai bên cùng tiến hành nghiệm thu khối lượng gỗ được khai thác tại , cụ thể như sau:

TT	Tên hàng	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Gỗ Keo Lai (Acacia hybrid) FSC 100%	Tấn			

(Bằng chữ:)

Sau khi hai bên ký biên bản này đồng nghĩa với việc thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KHAI THÁC KIÊM VẬN CHUYỂN GỖ KEO

Số: /HĐKTVC/FSC-

“V/v: Khai thác kiêm vận chuyển gỗ rừng trồng”

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tại nhà (địa chỉ:), chúng tôi gồm có:

BÊN CHỦ RỪNG (BÊN A): , là thành viên thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA-FM/COC-005793

- Năm sinh:

- Số CMND/CCCD:

- Nơi cấp:

- Địa chỉ:

BÊN KHAI THÁC (BÊN B):

- Năm sinh:

- Số CMND/CCCD: . Ngày cấp:

- Nơi cấp:

- Địa chỉ:

Sau khi bàn bạc cụ thể, hai bên thống nhất ký hợp đồng khai thác kiêm vận chuyển gỗ keo rừng trồng với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung

Bên B đồng ý nhận và bên A đồng ý giao khai thác kiêm vận chuyển gỗ Keo rừng trồng có chứng nhận FSC 100% tại địa chỉ: , diện tích FSC: ha, năm trồng: , diện tích khai thác: ha

Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán

2.1. Đơn giá thanh toán: khoán đ/tấn (bao gồm giá khai thác và vận chuyển)

2.2. Hình thức thanh toán: Căn cứ theo số lượng bán cho nhà máy, hai bên tiến hành thanh toán bằng tiền mặt.

2.3. Thời gian: từ ngày đến hết ngày

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Bàn giao địa điểm/khu vực rừng trồng để bên B khai thác và vận chuyển, đảm bảo lô rừng bàn giao đúng tên, đúng chủ sở hữu.

- Đánh dấu đường biên, khu vực rừng khai thác, chừa lại (đai xanh vùng đệm, khu rừng để lại...) bằng sơn đỏ hoặc ranh giới rõ ràng.

- Phổ biến hoặc nhắc nhở những quy định về an toàn lao động, bảo hộ lao động cũng như yêu cầu về sử dụng lao động cho bên B (đúng tuổi lao động, không sử dụng lao động cưỡng bức, lao động trẻ em, trả lương hợp lý...)

- Thanh toán cho bên B theo đơn giá quy định tại Điều 2 dựa trên khối lượng gỗ đã khai thác và vận chuyển.

- Chịu trách nhiệm mở đường và các chi phí khác để tạo điều kiện cho bên B khai thác gỗ.

- Lập bảng kê lâm sản theo quy định của Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT đưa người vận chuyển mang đi đường

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Cấm các biển báo thông báo hoạt động khai thác đang diễn ra tại lô rừng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo về an toàn lao động cho lao động khai thác.

- Luôn đảm bảo đầy đủ các loại thuốc và phương tiện sơ cấp cứu ban đầu để sẵn sàng cho việc cứu thương.

- Thực hiện đúng kỹ thuật khai thác, quy trình khai thác tác động thấp và đúng tiến độ. Các vùng đệm ven sông, suối, ao, hồ, đập cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Không săn bắt, sử dụng động vật hoang dã làm thức ăn, không có hành vi vi phạm pháp luật.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng và an toàn lao động trong suốt thời gian khai thác.

- Sử dụng lao động hợp pháp đúng theo quy định của Pháp luật. Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.

- Cam kết trả lương cho người lao động (công nhân khai thác) theo giá cả công bằng, hợp lý. Thực hiện chấm công và thanh toán đủ tiền công, đúng thời hạn cho người lao động.

- Khai thác đảm bảo đúng phạm vi khai thác, tránh sự lẫn lộn các nguồn nguyên liệu khác không phù hợp.

- Đảm bảo thời gian khai thác như điều 2 của hợp đồng.

- Chịu mọi trách nhiệm và tất cả chi phí phát sinh cho tổ khai thác.

- Sắp xếp xe vận chuyển theo đúng tiến độ. Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, an toàn cho phương tiện vận chuyển, không quá khổ, quá tải và phải đảm bảo vận chuyển đúng lịch trình, không để thất thoát hàng hóa của bên A.

- Khi vận chuyển phải mang theo giấy tờ vận chuyển gồm bảng kê lâm sản theo Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT do chủ rừng tự khai báo.

- Kiểm soát chặt chẽ gỗ vận chuyển từ rừng về nhà máy, tránh sự lẫn lộn các nguồn nguyên liệu khác không phù hợp trong quá trình vận chuyển.

- Không được kết hợp để chở các loại hàng cấm như: Động vật hoang dã, vật liệu dễ cháy nổ, gỗ rừng tự nhiên không rõ nguồn gốc...
- Đảm bảo thời gian vận chuyển như điều 2 của hợp đồng.
- Chịu mọi trách nhiệm và tất cả các chi phí phát sinh cho các xe vận chuyển.

Điều 4. Hiệu lực hợp đồng

Nếu một trong hai bên, bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho bên kia trước ít nhất 03 ngày.

Điều 5. Điều khoản chung

- Không bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, mất mát đã gây ra cho bên còn lại.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và đúng theo các điều khoản trong hợp đồng này. Mọi thay đổi đối với hợp đồng, hai bên cùng nhau bàn bạc và xác nhận bằng văn bản cụ thể.

- Trường hợp tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trước hết hai bên phải thỏa thuận để dàn xếp. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và ràng buộc 2 bên. Chi phí Tòa án và các khoản chi phí khác liên quan do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN THANH TOÁN TIỀN

Căn cứ theo Hợp đồng khai thác kiêm vận chuyển gỗ Keo số : /HĐKTVC/FSC- ngày
Hôm nay, ngày tại nhà (địa chỉ:), chúng tôi gồm có:

BÊN CHỦ RỪNG (BÊN A): , là thành viên thuộc nhóm chứng chỉ rừng SLIMF
Thanh Chương, Mã số chứng nhận: GFA – FM/COC- 005793

- Năm sinh:
- Số CMND/CCCD:
- Nơi cấp:
- Địa chỉ:

BÊN KHAI THÁC (BÊN B):

- Năm sinh:
- Số CMND/CCCD: . Ngày cấp:
- Nơi cấp:
- Địa chỉ:

Chúng tôi cùng tiến hành xác nhận việc thanh toán tiền khai thác và vận chuyển gỗ
Keo rừng trồng, cụ thể như sau:

Khối lượng:	tấn
Đơn giá khoán:	đ/tấn
Thành Tiền:	đ

(Bằng chữ:).

Sau khi hai bên ký biên bản này đồng nghĩa với việc cùng xác nhận việc thanh toán
tiền khai thác kiêm vận chuyển gỗ Keo rừng trồng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

QTQLN – 08: QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ THẦU

1. Định nghĩa

“Nhà thầu” Là người đại diện đứng ra nhận thực hiện một hoặc nhiều nội dung công việc nhất định (ví dụ: trồng mới; khai thác; vận chuyển...)

“Công nhân” Là những lao động hoạt động theo nhiệm vụ công việc được giao bởi nhà thầu.

“Dịch vụ” có nghĩa là dịch vụ được nhà thầu cung cấp khi thực hiện công việc trong qui định của hợp đồng.

2. Các luật và các qui định tham khảo

Tài liệu tham khảo để về pháp lý bao gồm tài liệu tham khảo về các quyết định và thông tư pháp luật được ban hành.

VD: Bộ Luật Lao Động 2019 - Có hiệu lực 01/01/2021

3. Các yêu cầu cần kiểm tra trước khi đưa nhà thầu vào nhóm FSC

3.1. Ban quản lý nhóm tiến hành kiểm tra hiện trường về hoạt động lâm nghiệp của nhà thầu để đảm bảo nhà thầu có đủ năng lực (vd: nguồn lao động và máy móc) cũng như kiến thức để thực hiện dịch vụ lâm nghiệp nhất định (vd: khai thác, trồng mới...) và hoạt động theo tiêu chuẩn quản lý rừng FSC và các quy trình của nhóm yêu cầu dành cho nhà thầu.

3.2. Mỗi nhà thầu lâm nghiệp muốn tham gia một nhóm sẽ ký một hợp đồng, bao gồm cả cam kết đồng ý. Trong hợp đồng, nhà thầu phải:

a) Cam kết tuân theo Tiêu chuẩn Quản lý Rừng hiện hành và các Quy định của Nhóm, và đảm bảo rằng bất kỳ nhà thầu phụ nào của nhà thầu chính cũng sẽ tuân theo các tiêu chuẩn đó;

b) Đồng ý cho phép quản lý nhóm, cơ quan cấp chứng chỉ, FSC và ASI thực hiện trách nhiệm của họ;

c) Đồng ý rằng quản lý nhóm sẽ là người liên hệ chính với chứng chỉ;

d) Bao gồm các điều khoản đã thỏa thuận giữa nhà thầu lâm nghiệp và quản lý nhóm.

4. Khi một nhà thầu lâm nghiệp muốn chuyển từ một nhóm này sang một nhóm khác được quản lý bởi cùng một quản lý nhóm, quản lý nhóm sẽ thực hiện đánh giá này để cho phép di chuyển.

5. Các yêu cầu cần kiểm tra đối với nhà thầu đã gia nhập nhóm

Các nội dung cần kiểm tra (Biểu 22. Giám sát nhà thầu lâm nghiệp)

Bao gồm các nội dung:

- Hợp đồng công việc
- Chi trả tiền công
- An toàn lao động

Giám sát nhà thầu phải được thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ.

Các thành viên nhóm, nơi có công việc được thực hiện bởi các nhà thầu lâm nghiệp tham gia nhóm, quản lý nhóm sẽ áp dụng công thức dưới đây để tính số mẫu tối thiểu của hộ thành viên được kiểm tra hàng năm để giám sát:

- Các lô rừng có hoạt động: $X = 0.6 * \sqrt{y}$
- Các lô rừng không có hoạt động: $X = 0.1 * \sqrt{y}$

Trong đó: X = số hộ thành viên được lấy mẫu;
y = số hộ thành viên đang có hoạt động rừng hoặc không hoạt động rừng trong mỗi hạng mục.

Quản lý nhóm sẽ thực hiện đánh giá nội bộ đối với tất cả các nhà thầu tham nhóm, ít nhất một lần trong thời gian chúng chỉ còn hiệu lực.

Quản lý nhóm sẽ tăng cường độ đánh giá nội bộ này khi xác định được các rủi ro cao (ví dụ: sự không tuân thủ thường xuyên của nhà thầu, các khiếu nại của các bên liên quan đã được xác thực về hiệu quả hoạt động yếu kém của nhà thầu).

Quản lý nhóm sẽ ban hành các yêu cầu hành động khắc phục lỗi để giải quyết những lỗi không tuân thủ được phát hiện trong quá trình giám sát các nhà thầu lâm nghiệp và theo dõi việc đóng lỗi của họ.

5. Quy trình báo cáo công việc:

Nhà thầu có trách nhiệm báo cáo với quản lý nhóm về công việc của họ.

Các nội dung báo cáo: Địa điểm và kết quả thực hiện công việc

Hình thức báo cáo: Trong suốt quá trình thực hiện có thể báo cáo qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp, nhưng khi hoàn thành quá trình thực hiện phải thực hiện báo cáo bằng văn bản. Trong đó, tổng kết nội dung đã thực hiện, bao gồm: địa điểm (lâm phần rừng của ai?) và kết quả (quả (ví dụ như sản lượng khai thác, số lượng cây trồng mới).

Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và thanh toán tiền lương đúng hạn cho công nhân. Ban quản lý nhóm sẽ tiến hành kiểm tra để xác nhận.

Chuỗi hành trình sản phẩm của nhà thầu phải được tuân thủ, bao gồm

- Hồ sơ về sản lượng khai thác và khối lượng bán gỗ có chứng chỉ FSC hàng năm trong phạm vi chứng chỉ của nhóm phải được lưu giữ
- Quản lý nhóm phải lưu giữ bằng chứng về những hồ sơ này
- Các nhà thầu lâm nghiệp phải đảm bảo rằng tất cả các hóa đơn bán lâm sản có chứng nhận FSC phải bao gồm các thông tin được yêu cầu (theo Tiêu chuẩn Quản lý Rừng hiện hành) và cung cấp một bản sao của những hóa đơn này cho quản lý nhóm.
- Khi bán lâm sản có chứng nhận FSC, nhà thầu phải ghi trong hóa đơn bán gỗ: mã chứng chỉ của nhóm mà lâm sản được khai thác từ đó.

6. Lưu trữ thông tin nhà thầu:

Khi các nhà thầu lâm nghiệp được tham gia nhóm, quản lý nhóm sẽ lưu giữ các hồ sơ cập nhật, bao gồm:

- a) Tên nhà thầu và chi tiết liên lạc;
- b) Ngày gia nhập nhóm và nếu có liên quan, ngày rời nhóm và lý do rời nhóm;
- c) Toàn bộ hồ sơ đào tạo nhà thầu do quản lý nhóm thực hiện;
- d) Kết quả giám sát của nhà thầu thông qua kiểm tra thành viên quản lý rừng được lấy mẫu và đánh giá nội bộ;
- e) Hồ sơ về sản lượng khai thác và bán lâm sản, ít nhất hàng năm, nếu có, là kết quả từ các hoạt động được thực hiện bởi các nhà thầu trong chứng chỉ nhóm.

Biểu 22. BIỂU GIÁM SÁT NHÀ THẦU

Họ và tên nhà thầu.....		
Nội dung công việc.....		
Hợp đồng với HGD.....		
Ngày kiểm tra.....		
STT	Hạng mục	Miêu tả
Tiến độ	Công việc có đang triển khai đúng kế hoạch không?	
	Có hợp đồng cụ thể nội dung công việc không	
	Có vấn đề phát sinh nào không	
	Công nhân có được làm hợp đồng lao động không? Hình thức hợp đồng:	
An toàn lao động	Quy trình lao động có đúng như kỹ thuật (đã ghi trong hợp đồng) không?	
	Có sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức không	
	Công nhân có được trang bị bảo hộ phù hợp theo từng vị trí không	
	Công nhân có được tập huấn phù hợp theo từng vị trí không	
	Công nhân sử dụng xe cơ giới có đủ chứng chỉ vận hành không?	
	Có tai nạn nào xảy ra không?	
	Có túi sơ cấp cứu trên rừng không?	
Chi trả tiền lương	Mức lương trả cho công nhân có phù hợp?	
	Hình thức chi trả có phù hợp	
	Có phàn nàn nào liên quan đến chi trả tiền lương không	
Khác	Có vệ sinh rừng trong và sau khi hoàn thành công việc không (rác thải)	
	Có xung đột nào với người dân xung quanh không?	
Khuyến cáo/đề xuất:		
.....\		
		Người kiểm tra

QTQLN – 09: QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC

(Căn cứ vào Tiêu chuẩn FSC-STD-50-001 V2-1)

1. Các nguyên lý nền về sử dụng thương hiệu FSC

Hội đồng Quản lý rừng A.C (FSC) sở hữu ba thương hiệu đã đăng ký: logo “dấu mark và cây, Chữ đầu “FSC” và tên “Hội đồng Quản lý rừng”

Để sử dụng **thương hiệu FSC**, **tổ chức** phải ký **hợp đồng về giấy cấp phép thương hiệu FSC** và giữ **chứng nhận** có hiệu lực.

Người giữ chứng nhận dự án, đa điểm và nhóm sẽ tham khảo Phụ lục 2 về các yêu cầu cho việc sử dụng thương hiệu FSC.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng liên quan đến bán hàng hoặc quảng cáo gỗ có kiểm soát.

Mã cấp phép thương hiệu FSC được chỉ định bởi FSC phải bao gồm tất cả các ứng dụng mô tả trong tiêu chuẩn này.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng theo cách có thể gây xáo trộn, hiểu sai hoặc gây mất tín nhiệm đối với chương trình chứng nhận FSC.

FSC có quyền ngưng hoặc chấm dứt cho phép sử dụng thương hiệu FSC nếu tổ chức không tuân theo các yêu cầu thương hiệu FSC như đã đưa ra trong tiêu chuẩn này. Giải thích những nguyên tắc này chỉ theo ý duy nhất của FSC.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng theo cách hàm ý rằng FSC xác nhận, tham gia vào hoặc chịu trách nhiệm về các hoạt động do công ty thực hiện, ngoài phạm vi của chứng nhận

Sử dụng thương hiệu FSC sẽ không hàm ý rằng FSC chịu trách nhiệm về sản xuất bất cứ sản phẩm, tài liệu hoặc vật liệu để quảng cáo.

Sản phẩm dự định dán nhãn hoặc quảng cáo được chứng nhận FSC phải bao gồm trong **kế hoạch nhóm sản phẩm** được chứng nhận của tổ chức và sẽ đáp ứng các yêu cầu thích hợp về dán nhãn theo qui định của tiêu chuẩn FSC tương ứng

Chỉ có ảnh và minh họa **nhãn FSC** được cung cấp trên **dịch vụ phát nhãn** hoặc nếu không thì được phát hành hoặc duyệt bởi **cơ quan chứng nhận** hoặc FSC mới được sử dụng

2. Yêu cầu chung

Để thực hiện một tuyên bố trên sản phẩm, tổ chức phải chọn đúng nhãn FSC dựa trên việc tuyên bố FSC mà sản phẩm được cung cấp hoặc được cấp chứng nhận.

Nhãn hiệu phải thể hiện rõ loại sản phẩm được chứng nhận khi sản phẩm cuối cùng hoặc nội dung hoặc đóng gói của nó bao gồm vật liệu được chứng nhận không phải FSC ngoại trừ những chi tiết nhỏ. Loại sản phẩm luôn phải được thể hiện cụ thể trên xuất bản phẩm được in được chứng nhận FSC.

Ví dụ: “Gỗ từ rừng được quản lý tốt” đối với một sản phẩm gỗ có chứng nhận FSC đóng gói trong bao bì chứng nhận không phải FSC (Nhãn 100%) hoặc “Đóng gói bao bì từ nguồn gốc có thể chịu trách nhiệm” trong trường hợp là sản phẩm chứng nhận không phải FSC trong bao bì chứng nhận FSC (nhãn mix) hoặc “Giấy làm từ vật liệu tái chế” đối với xuất bản phẩm (nhãn recycled)

Nhãn FSC phải được nhìn thấy rõ trên sản phẩm, trên bao bì hoặc cả hai.

Nơi đặt nhãn bình thường trên một loại sản phẩm không phải ở mặt bên hông (chẳng hạn như bên hông panel hoặc bên trong cuốn sách) bản sao của logo có thể được sử dụng ở một nơi nổi bật hơn.

Nhãn không được sử dụng để làm tuyên bố một phần của sản phẩm. Nơi các phần thường xuyên của sản phẩm (ngoại trừ vật liệu đóng gói hoặc các vật liệu khác không phải từ sản phẩm rừng) không được chứng nhận FSC, nhãn FSC sẽ không được sử dụng.

Loop Moebius sẽ không được sử dụng mà không tính số phần trăm. Con số này sẽ phản ánh nội dung vật liệu được tuyên bố lại của khách hàng trước và khách hàng sau, có thể là quan trọng thông qua qui trình nội bộ hoặc thông tin từ nhà cung cấp dựa trên qui trình chuỗi hành trình sản phẩm.

Khi thương hiệu FSC được sử dụng làm nhãn hiệu sản phẩm, các điểm khác về kế hoạch chứng nhận rừng sẽ không được sử dụng trên cùng một sản phẩm.

Khi các sản phẩm được sản xuất để bán cho người bán lẻ, người bán lẻ có thể muốn sử dụng thương hiệu FSC để quảng cáo sản phẩm, họ có thể để nhãn FSC trên sản phẩm hoặc trên bao bì để cho khách hàng thấy.

GHI CHÚ: Xem phần IV: Nguyên tắc đồ họa cung cấp đầy đủ thông tin về màu sắc, kích thước, vị trí đặt, v.v...

Loại nhãn FSC

Có ba loại nhãn hiệu FSC mô tả nội dung vật liệu FSC. Nhãn đúng nên được chọn phụ thuộc vào tuyên bố mà sản phẩm hay vật tư được cung cấp. Mỗi loại có hai lựa chọn thiết kế, được chọn theo không gian có sẵn của nhãn.

Loại nhãn FSC

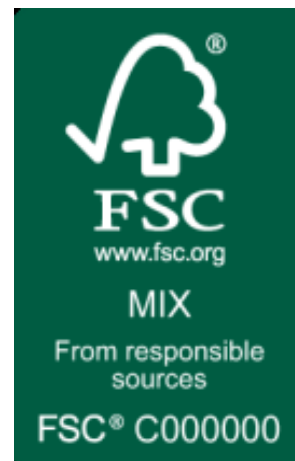
Nhãn FSC là:



Nhãn 100% dành cho sản phẩm bao gồm 100% vật liệu từ rừng được chứng nhận FSC. Nội dung nhãn là “[loại sản phẩm] từ rừng được quản lý tốt”



Nhãn Recycled dành cho các sản phẩm bao gồm duy nhất các sản phẩm tái chế. Nội dung nhãn là “[loại sản phẩm] làm từ vật liệu tái chế”



Nhãn Mix dành cho các sản phẩm có sự kết hợp vật liệu từ rừng được chứng nhận FSC, gỗ được kiểm soát FSC và sợi tái chế thích hợp. Nội dung nhãn là “[loại sản phẩm] từ các nguồn có thể chịu trách nhiệm”

Nhãn nhỏ có thể được sử dụng khi không có đủ không gian trống rõ ràng đối với nhãn tiêu chuẩn ở khu vực nơi nhãn phải được đặt. Chỉ duy nhất cơ quan chứng nhận mới có quyền duyệt việc sử dụng nhãn nhỏ.

Yếu tố yêu cầu cho nhãn nhỏ là:



Logo FSC

Tên nhãn

(Loại sản phẩm, nếu được yêu cầu)

Mã cấp phép thương hiệu FSC

Nếu không có tùy chọn nhãn nào được đưa ra để sử dụng, vì lí do không gian hoặc loại sản phẩm, giải pháp riêng lẻ được đề xuất cho đơn vị Thương hiệu FSC thông qua Tổ chức chứng nhận.

Yêu cầu về các tình huống và cách sử dụng riêng biệt

Sử dụng nhãn FSC trên văn phòng phẩm và trên brochure

Văn phòng phẩm và brochure được in trên giấy chứng nhận FSC sẽ không được dán nhãn hoặc có nhãn ở vị trí nổi bật để xuất hiện tổ chức đại diện trong xuất bản phẩm, hoặc sản phẩm của nó, được xác nhận bởi FSC. Ví dụ, nhãn sẽ không được đặt ở bìa trước của brochure hoặc ở đầu phần đầu giấy viết thư hoặc các mẫu chứng từ khác, hoặc bên cạnh hình ảnh sản phẩm từ rừng mà không có chứng nhận FSC.

Sử dụng nhãn FSC trên danh thiếp

Khi một danh thiếp được in trên giấy FSC, nhãn nhỏ sẽ được sử dụng ở kích nhỏ nhất. Sử dụng nhãn sẽ không hàm ý rằng tổ chức liên kết với FSC.

Logo FSC được sử dụng là nhãn nhiệt

Logo FSC có mã cấp phép có thể là nhãn nhiệt hoặc giấy Stängxin dán trực tiếp lên sản phẩm. Nếu không bao gồm tất cả các yếu tố nhãn được yêu cầu, một nhãn tiêu chuẩn cũng sẽ được sử dụng trên bao bì hoặc nếu không đính kèm như nhãn dán hoặc thẻ treo.

Tình trạng Quảng cáo người giữ chứng nhận FSC

Các yêu cầu trong phần này chỉ áp dụng duy nhất đối với những vật liệu mà sản phẩm được chứng nhận FSC không được đề cập đến.

Tổ chức không được sản xuất, dán nhãn hoặc bán các sản phẩm được chứng nhận FSC do sự kiểm tra giám sát cơ quan chứng nhận hàng năm trước đó không sử dụng thương hiệu FSC cho quảng cáo chung của công ty.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng cùng với các tiêu chuẩn của kế hoạch chứng nhận rừng khác theo cách tương đương hoặc theo cách bất lợi cho thương hiệu FSC về mặt kích cỡ hoặc vị trí đặt.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng để ở đầu các mẫu tài liệu như đầu giấy viết thư, chứng từ bán hàng và email.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng trên danh thiếp để quảng cáo chứng nhận của tổ chức.

Nếu thương hiệu FSC được sử dụng trên các mẫu hóa đơn, phiếu giao hàng và các chứng từ tương tự mà có thể sử dụng cho sản phẩm FSC và không FSC, tuyên bố sau sẽ được bao gồm: “chỉ những sản phẩm được phân biệt rõ trong chứng từ này mới được chứng nhận FSC”.

Lưu trữ hồ sơ: Thời gian lưu trữ cho tất cả các hồ sơ ít nhất là 05 năm.

QTQLN – 10: KIỂM SOÁT, LƯU TRỮ VÀ CẬP NHẬT HỒ SƠ, VĂN BẢN

1. Mục đích

Quy trình này được xây dựng nhằm kiểm soát tất cả các thông tin dạng văn bản của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương:

Kiểm soát việc phê duyệt và ban hành tài liệu.

Kiểm soát tài liệu để đảm bảo sự hiện hành, tài liệu luôn sẵn có ở các nơi làm việc có liên quan.

Kiểm soát được quá trình chỉnh sửa và việc phân phối tài liệu.

Kiểm soát và ngăn ngừa việc sử dụng tài liệu lỗi thời.

Kiểm soát trong quá trình lưu trữ hồ sơ.

2. Phạm vi áp dụng

Đối tượng áp dụng

-Tất cả các thông tin dạng văn bản như: các tài liệu nội bộ, các tài liệu có nguồn gốc bên ngoài, các hồ sơ.

- Không áp dụng cho: Văn bản đến - đi.

Trách nhiệm áp dụng

Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương.

3. Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt

a. Thuật ngữ và định nghĩa

Tài liệu nội bộ có kiểm soát: là những tài liệu do Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương biên soạn sử dụng trong hệ thống quản lý của Nhóm như: sổ tay quản lý, quy trình, hướng dẫn công việc, biểu mẫu,...

Tài liệu có nguồn gốc bên ngoài: là những tài liệu sử dụng từ nguồn gốc bên ngoài được áp dụng vào trong hệ thống quản lý của Nhóm như: Các văn bản quy phạm pháp luật; các quy định, quy trình; các tài liệu của khách hàng; nhà cung cấp,....

Tài liệu lỗi thời: là tài liệu không còn hiệu lực được nhận dạng bởi dấu đóng “Hết hiệu lực” trên dấu đóng có ghi ngày, ngày ghi trên dấu đóng được hiểu là sau ngày đó tài liệu không còn hiệu lực.

Lần đầu ban hành tài liệu: là lần soát xét lại tình trạng khả thi của tài liệu khi có những thay đổi về hoạt động, quy mô của tổ chức hoặc khi có yêu cầu cải tiến, sửa đổi và ban hành lại. Lần ban hành của tài liệu được nâng dần từ 1 đến n (n: số nguyên). Lần ban hành của biểu mẫu độc lập với lần ban hành của thủ tục, quy trình, quy định, hướng dẫn công việc. Kể từ lần ban hành thứ 2, sẽ cập nhật nội dung thay đổi lên trang kiểm soát của tài liệu.

Phân phối phát hành tài liệu: là đưa tài liệu kịp thời đến nơi sử dụng. Việc phân phối chỉ được thực hiện bởi đại diện Nhóm, các thành viên khác trong Nhóm không được tự ý photocopy phân phối mà không thông qua đại diện Nhóm. Các biểu mẫu phải được phát hành đính kèm theo các quy trình hướng dẫn công việc để các bộ phận biết áp dụng. Khi soát xét và ban hành lại biểu mẫu, chỉ cần thay đổi và phân phối trang kiểm soát và biểu mẫu thay đổi đó.

b. Quy trình thực hiện

Bước 1: Xác định nhu cầu và mức độ để kiểm soát thông tin dạng văn bản

Ban đại diện nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương căn cứ vào quy mô và tình hình quản lý thực tế để xác định các thông tin dạng văn bản (gồm tài liệu nội bộ, biểu mẫu soạn thảo mới hay chỉnh sửa bổ sung) để chuẩn hoá thành văn bản áp dụng hay đưa vào áp dụng (tài liệu bên ngoài).

Bước 2: Xem xét yêu cầu

Căn cứ vào yêu cầu, Trưởng ban xem xét phê duyệt soạn thảo/sửa đổi/cung cấp, chỉ định người/bộ phận soạn thảo và thời gian hoàn thành.

Nếu nhận thấy không cần thiết phải soạn thảo hay sửa đổi tài liệu thì chuyển trả cho đơn vị yêu cầu.

Bước 3: Biên soạn/chỉnh sửa tài liệu

Biên soạn tài liệu:

Người được phân công tiến hành biên soạn tài liệu. Trường hợp tài liệu biên soạn liên quan đến nhiều phòng ban, thì phải phối hợp các trưởng phòng liên quan trao đổi thống nhất trước khi thực hiện.

Bố cục trình bày tài liệu:

- Trang thứ 1: Thể hiện tên tài liệu, người xem xét và người phê duyệt, ngày hiệu lực, lần ban hành.

Từ trang thứ 2 trở đi trình bày nội dung gồm:

Mục lục (đối với văn bản trên 10 trang)

Mục đích;

Phạm vi áp dụng;

Đối tượng áp dụng;

Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt;

Nội dung chính.

Định dạng văn bản:

Định dạng văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư.

Cách đánh mã số tài liệu:

Đối với quy trình: QT.QLN-xx. YY; trong đó xx là số thứ tự quy trình trong phòng, YY là tên quy trình;

Đối với tài liệu hướng dẫn hay quy định/tiêu chuẩn thì tương tự như quy trình thay QT bởi HD/QĐ.

Chỉnh sửa tài liệu:

Khi chỉnh sửa tài liệu phải có văn bản thông báo.

Bước 4: Xem xét và phê duyệt

Xem xét: Trưởng ban xem xét tài liệu đã chỉnh sửa trước khi ký duyệt.

Nội dung gồm: Hình thức trình bày, nội dung tài liệu, thể thức tài liệu (gồm: tên tài liệu, người xem xét và người phê duyệt, ngày hiệu lực, lần ban hành, đánh số trang,...)

Phê duyệt tài liệu: Trưởng ban Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

hoặc người được ủy quyền phê duyệt.

Bước 5: Phổ biến áp dụng và kiểm soát

Tài liệu sau khi được phê duyệt. Nhóm xác định các tài liệu cần phân phát cho các thành viên liên quan trong Nhóm, thành viên kiểm soát tài liệu phải tiến hành các bước:

Cập nhật các tài liệu vào Danh mục tài liệu nội bộ;

Photo tài liệu từ bản gốc (sau khi ký duyệt và đóng dấu);

Phân phối các tài liệu photo đến các phòng ban như đã xác định, còn bản gốc của tài liệu lưu tại Nhóm;

Tài liệu phải được phân phối đến các đơn vị trước ngày hiệu lực quy định trên tài liệu, Trưởng ban đại diện cấp xã, trưởng thôn/xóm phải phổ biến tài liệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu đến tất cả các thành viên để đảm bảo cho mọi thành viên thực hiện đúng theo tài liệu.

Bước 6: Kiểm soát và lưu trữ hồ sơ hệ thống quản lý

Lập danh mục hồ sơ:

Trưởng ban đại diện các xã xác định những hồ sơ có liên quan đến công việc của đơn vị mình quản lý và phân công thành viên kiểm soát hồ sơ.

Thành viên kiểm soát hồ sơ, lập danh mục kiểm soát hồ sơ theo mẫu và soát xét lại bổ sung vào danh mục nếu có sự thay đổi.

Phân loại, sắp xếp hồ sơ:

Xem xét và phân loại hồ sơ theo nội dung hoặc theo thời gian.

Người lưu trữ hồ sơ của các đơn vị phải sắp xếp hồ sơ có trật tự, theo từng file hồ sơ riêng, mỗi tập hồ sơ phải ghi tên cụ thể để dễ dàng nhận biết và tra cứu.

Đối với hồ sơ có số lượng nhiều hay hồ sơ có kích thước lớn thì dùng ngăn tủ chứa.

** Lưu giữ, bảo quản hồ sơ:*

Thành viên kiểm soát hồ sơ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo quản và bảo vệ hồ sơ cẩn thận: cất giữ ở nơi khô ráo, sạch sẽ thoáng mát tránh độ ẩm cao và đủ rộng để chứa hồ sơ. Các tủ kệ chứa hồ sơ phải được đặt nơi thuận tiện cho việc tìm và truy xuất hồ sơ, không để những nơi dễ cháy, không để mối mọt, thất lạc.

Đối với các loại hồ sơ được lưu trữ trên máy tính, thành viên kiểm soát hồ sơ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và đảm bảo hồ sơ được lưu theo đúng quy định. Máy vi tính cần cài phần mềm chống virus.

Thành viên kiểm soát hồ sơ chịu trách nhiệm bảo toàn tình trạng hồ sơ đã được lập, không tự ý sửa chữa, tẩy xóa, sao chép, làm mất một phần hoặc toàn bộ nội dung. Nếu cần chỉnh sửa thì dùng thước gạch bỏ nội dung cũ (không dùng bút chì hay bút xóa), điền nội dung mới kế bên và có chữ ký xác nhận của Trưởng ban hoặc người được ủy quyền.

Tất cả các hồ sơ, tài liệu của Nhóm phải được lưu trữ trong vòng 5 năm.

Sử dụng hồ sơ, mượn hồ sơ:

Các đơn vị khác muốn tham khảo, tra cứu hồ sơ của nhóm thì phải được sự đồng ý của Trưởng ban. Khi sử dụng phải bảo quản và chịu trách nhiệm về hồ sơ đang giữ, không được tự ý sửa chữa tẩy xóa. Sau khi sử dụng xong, các đơn vị mượn phải có trách nhiệm trả lại hồ sơ đã cho mượn đúng như hiện trạng ban đầu.

Thành viên kiểm soát hồ sơ phải xuất trình hồ sơ khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền và không được cung cấp cho cá nhân, tổ chức ngoài Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự đồng ý của Trưởng ban.

Quản lý hồ sơ, hủy hồ sơ:

Tất cả các loại hồ sơ được kiểm soát, thành viên quản lý hồ sơ rà soát hồ sơ hết hạn, lập Biên bản hủy hồ sơ (*nếu cần*) và trình Trưởng ban phê duyệt.

Bước 7: Đánh giá và soát xét/cập nhật tài liệu:

Trong quá trình sử dụng tài liệu không được tự ý tẩy xóa, bổ sung tài liệu.

Khi nhận thấy tài liệu không còn phù hợp hay hết hạn thì phải thay đổi, bổ sung,... tiến hành đề xuất lên Trưởng nhóm để biên soạn hay chỉnh sửa.

Các đơn vị, thành viên lưu trữ và quản lý tài liệu theo hệ thống, dễ truy tìm, có sẵn nơi sử dụng.

QTQLN 11. QUY TRÌNH, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG; BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG, NGHỆ NGHIỆP

I. Căn cứ pháp lý:

- [Bộ luật Lao động 2019](#)
- [Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015](#)
- *Thông tư 28/2021/TT-BLĐTBXH*

II. Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động

2.1. Giải quyết tranh chấp lao động là gì?

Căn cứ khoản 1 Điều 179 [Bộ luật Lao động 2019](#) quy định:

“Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.”

Ở đây được xác định là giữa người sử dụng lao động – Cty CP BVN Thanh Chương và người lao động – Cán bộ công nhân viên công ty; giữa các thành viên Ban quản lý nhóm CCR huyện Thanh Chương và Công ty CP BVN Thanh Chương (chủ thể nhóm).

2.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

- Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động.
- Coi trọng giải quyết tranh chấp lao động thông qua hòa giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.
- Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.
- Bảo đảm sự tham gia của đại diện giữa các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.
- Việc giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được các bên tranh chấp đồng ý.

Lưu ý:

“Khi tranh chấp lao động đang được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn theo quy định của Bộ luật này thì không bên nào được hành động đơn phương chống lại bên kia”.

2.3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân

- Hòa giải viên lao động.
- Hội đồng trọng tài lao động.
- Tòa án nhân dân.

2.4. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân của hòa giải viên lao động

- Tranh chấp lao động cá nhân (giữa cán bộ, công nhân viên với Cty CP BVN Thanh Chương hoặc giữa thành viên Ban quản lý nhóm với C.ty CP BVN Thanh Chương) phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu

Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hòa giải viên lao động nhận được yêu cầu từ bên yêu cầu giải quyết tranh chấp hoặc từ cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 181 của Bộ luật này, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải.

- Tại phiên họp hòa giải phải có mặt hai bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên họp hòa giải.

- Hòa giải viên lao động có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các bên thương lượng để giải quyết tranh chấp.

Trường hợp các bên thỏa thuận được, hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được, hòa giải viên lao động đưa ra phương án hòa giải để các bên xem xét. Trường hợp các bên chấp nhận phương án hòa giải thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

Trường hợp phương án hòa giải không được chấp nhận hoặc có bên tranh chấp đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản hòa giải không thành phải có chữ ký của bên tranh chấp có mặt và hòa giải viên lao động.

- Bản sao biên bản hòa giải thành hoặc hòa giải không thành phải được gửi cho các bên tranh chấp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp một trong các bên không thực hiện các thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành thì bên kia có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết.

Trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải hoặc trường hợp hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc trường hợp hòa giải không thành thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn một trong các phương thức sau để giải quyết tranh chấp:

- Yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;

- Yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Giải quyết tranh chấp lao động cá nhân của Hội đồng trọng tài lao động

- Trên cơ sở đồng thuận, các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết tranh chấp trong trường hợp có quyền lựa chọn. Khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết tranh chấp, các bên không được đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp quy định tại mục (4).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp theo, Ban trọng tài lao động phải được thành lập để giải quyết tranh chấp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ban trọng tài lao động được thành lập, Ban trọng tài lao động phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên tranh chấp.

- Trường hợp hết thời hạn quy định ở mục (2) mà Ban trọng tài lao động không được thành lập hoặc hết thời hạn quy định ở mục (3) mà Ban trọng tài lao động không ra quyết định giải quyết tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. (4)

- Trường hợp một trong các bên không thi hành quyết định giải quyết tranh chấp của Ban trọng tài lao động thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải

Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động;

Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với Công ty CP BVN Thanh Chương.

2.7. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền:

Tranh chấp về quyền là tranh chấp giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động phát sinh.

Ở đây được hiểu là tranh chấp giữa tổ chức Công đoàn với Công ty CP BVN Thanh Chương với Công ty CP BVN Thanh Chương.

Thứ nhất: hoà giải tại hoà giải viên lao động.

Thủ tục và nội dung giải quyết của hoà giải viên lao động với tranh chấp lao động tập thể về quyền tương tự như giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. Biên bản hoà giải không thành sẽ được lập trong trường hợp các bên không nhất trí với phương án hoà giải của hoà giải viên hoặc triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà một bên tranh chấp vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đối với các tranh chấp về sự khác nhau trong hiểu và thực hiện quy định pháp luật hoặc người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử, thao túng tổ chức đại diện người lao động (điểm b, c khoản 2 Điều 179 Bộ luật lao động năm 2019) mà xác định có hành vi vi phạm pháp luật thì hoà giải viên lập biên bản và chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

Thứ hai: giải quyết tại hội đồng trọng tài lao động hoặc toà án. Trong trường hợp hai bên tranh chấp lao động tập thể về quyền tiến hành hoà giải tại hoà giải viên lao động không thành hoặc hoà giải thành nhưng một bên không thực thi biên bản hoà giải hoặc hết hạn giải quyết theo quy định mà hoà giải viên lao động không giải quyết vụ việc thì hai bên có thể thoả thuận yêu cầu hội đồng trọng tài lao động giải quyết những tranh chấp, một trong hai bên hoặc cả hai bên được yêu cầu toà án giải quyết tranh chấp.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết, ban trọng tài lao động phải được thành lập để giải quyết tranh chấp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thành lập ban trọng tài phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên tranh chấp. Trường hợp phát hiện ra tranh chấp có hành vi vi phạm pháp luật thì không

ra quyết định giải quyết mà lập biên bản, chuyển hồ sơ, tài liệu tới cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

2.8. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích:

Đây là tranh chấp giữa tổ chức Công đoàn với Công ty CP BVN Thanh Chương: tranh chấp lao động phát sinh trong quá trình thương lượng tập thể hoặc khi một bên từ chối hoặc không tiến hành thương lượng trong thời hạn luật định.

Trình tự thủ tục giải quyết:

Thứ nhất: hoà giải tại hoà giải viên lao động. Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích tại hoà giải viên lao động tương tự như thủ tục giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, tập thể về quyền. Kết quả của bước hoà giải này là biên bản hoà giải thành hoặc biên bản hoà giải không thành. Trường hợp hoà giải thành, biên bản hoà giải thành có giá trị pháp lý như thoả ước lao động tập thể tại doanh nghiệp (Khoản 2 Điều 196 Bộ luật lao động năm 2019). Trong trường hợp hoà giải không thành hoặc hết thời hạn hoà giải mà hoà giải viên không tiến hành hoà giải hoặc một trong hai bên không thực hiện thoả thuận trong biên bản hoà giải thành thì có quyền lựa chọn phương thức yêu cầu hội đồng trọng tài lao động giải quyết hoặc tổ chức đại diện người lao động tiến hành đình công (Khoản 3 Điều 196 Bộ luật lao động năm 2019).

Thứ hai: giải quyết tranh chấp tại hội đồng trọng tài lao động. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích của hội đồng trọng tài lao động được quy định tại Điều 196 và Điều 197 Bộ luật lao động năm 2019. Trên cơ sở đồng thuận, các bên tranh chấp có quyền yêu cầu hội đồng trọng tài giải quyết, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp ban trọng tài lao động phải được thành lập và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập, ban trọng tài phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên. Khi lựa chọn phương thức giải quyết qua hội đồng trọng tài, tổ chức đại diện người lao động không được tiến hành đình công trong thời gian hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp.

Trong trường hợp hết thời hạn quy định mà ban trọng tài lao động không được thành lập hoặc không ra quyết định về vụ việc trong thời hạn luật định hoặc người sử dụng lao động không thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp của ban trọng tài, thì tổ chức đại diện người lao động là bên tranh chấp có quyền tiến hành thủ tục đình công.

III. Bồi thường tai nạn lao động, nghề nghiệp, các thiệt hại khác

3.1. Đối với các trường hợp về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Công ty CP BVN Thanh Chương thực hiện bồi thường các trường hợp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như sau:

- Người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp với mức:

+ Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

+ Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+Người lao động bị tai nạn do lỗi của chính họ hoặc gặp tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn. Khi đó họ sẽ nhận được ít nhất 40% mức bồi thường như trường hợp trên.

+ Nếu người sử dụng lao động đã mua bảo hiểm tai nạn cho người bị tai nạn lao động. Nhưng số tiền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm trả cho người bị tai nạn lao động thấp hơn mức quy định thì người sử dụng lao động phải trả phần còn thiếu để tổng số tiền người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân của người bị tai nạn lao động nhận được ít nhất bằng mức bồi thường, trợ cấp được quy định. Nếu người sử dụng lao động không mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động thì phải chi trả toàn bộ chi phí y tế cũng như các khoản bồi thường theo đúng quy định.

3.2. Đối với các trường hợp giải quyết khiếu nại hoặc các cá nhân bị ảnh hưởng do hoạt động quản lý của nhóm gây ra:

- Mức bồi thường thiệt hại giữa hai bên sẽ tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương sẽ xem xét trên cơ sở có tình có lý mà hai bên có thể chấp nhận được tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể về mức độ thiệt hại, ảnh hưởng mà đưa ra phương án bồi thường hoặc xử lý.

IV. Lưu hồ sơ

Việc lưu hồ sơ được thực hiện bởi ban quản lý trong thời gian 05 năm, hoặc khi có văn bản thay thế, bổ sung.

PHỤ LỤC B: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG

QTQLR - 01. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
-----------------	-------------------------

1. Xử lý thực bì và làm đất	
Xử lý thực bì (Không đốt)	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể sử dụng máy cắt cỏ (nếu độ dốc < 15°), hoặc thủ công bằng dao, rựa. - Phát thực bì toàn diện, hoặc theo băng (nếu độ dốc > 20°) - Chừa lại hành lang ven suối (nếu có) tối thiểu 5 m tính từ mép nước theo quy trình bảo vệ hành lang ven suối. Bảo vệ các loài cây tái sinh tự nhiên nhằm đảm bảo ĐDSH. - Nếu trồng lại sau khai thác: băm nhỏ cành nhánh và rải đều trên rừng
Xử lý thực bì (Đốt có kiểm soát)	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế đốt thực bì và cành nhánh sau khai thác - Nếu phải đốt thực bì, thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro ở các khu vực nhạy cảm: <ul style="list-style-type: none"> + Khoanh vùng khu vực cần đốt: thực bì được gom thành đống hoặc thành hàng, mỗi hàng rộng 2-3 m, hàng cách hàng 2- 3m trước khi đốt, và tránh các khu vực rủi ro cao như những nơi kiểm soát lửa khó khăn, các thảm thực vật dễ cháy lan, rừng vùng đệm, xung quanh hồ nước, nhà ở hoặc rừng tự nhiên; + Kiểm tra cấp dự báo cháy rừng của kiểm lâm; - Thời điểm đốt: Đốt lúc gió nhẹ, vào buổi sáng hoặc buổi chiều tối (Mùa hè đốt vào thời điểm từ 5 - 8 giờ và từ 16 - 18 giờ trong ngày; mùa đông đốt từ 6 - 9 giờ và từ 15 - 17 giờ trong ngày). - Kỹ thuật đốt: <ul style="list-style-type: none"> + Đốt thực bì để trồng rừng: đốt lần lượt từng đám thực bì, thứ tự từ trên đỉnh đồi xuống chân đồi; nơi đất bằng thì đốt lần lượt từ đám vật liệu cuối chiều gió cho đến dải vật liệu cuối cùng. + Đốt thực bì theo đường băng cản lửa: đốt lần lượt từng dải nhỏ, không chế không cho ngọn lửa quá cao hoặc cháy lớn lan sang thực bì hai bên đường băng.
Mật độ trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu trồng rừng gỗ nhỏ: mật độ từ 2.500 cây/ha – 3.500 cây/ha (cây cách cây 2x2 m hoặc cây cách cây 1,8 x 1,6 m) - Nếu trồng rừng gỗ lớn: 2.000 cây/ha (cây cách cây 2x2,5m)
Cuốc hố	<ul style="list-style-type: none"> - Cuốc hố thủ công hoặc bằng máy (nếu độ dốc < 15°), độ dốc lớn hơn phải cuốc hố thủ công - Kích thước hố tối thiểu 30×30×30cm - Cự ly hố tùy thuộc vào mật độ và mục đích kinh doanh đã lựa chọn - Hố cuốc theo đường đồng mức (nhằm hạn chế xói mòn), hàng trên và hàng dưới so le nhau theo hình nanh sấu. - Khi cuốc hố, gạt lớp đất mặt sang bên phải và đất ở tầng sâu hơn sang bên trái miệng hố
Bón lót phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Bón lót: 100 – 200gr phân NPK /hố + (nếu có điều kiện) 500 g phân hữu cơ vi sinh/hố; - Bón phân vào hố, lấp lớp đất mặt dày khoảng 5cm để phủ kín phân. - Tốt nhất nên bón phân khoảng 1 tuần trước khi trồng

2. Kỹ thuật trồng rừng	
Mùa vụ trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nhất là vụ xuân: từ tháng 2 đến tháng 4; - Vụ thu: từ tháng 8 đến tháng 12.
Cây giống	<ul style="list-style-type: none"> - Cây con có bầu - Mua cây từ vườn ươm có nguồn gốc giống rõ ràng; - Cây khỏe mạnh, phát triển tốt, cân đối, không bị sâu bệnh, gãy ngọn - Cây con phải đạt ít nhất 3 tháng, không cong queo, không sâu bệnh - Đường kính cổ rễ từ 2-3mm, cao 25-35 cm. - Không trồng cây có hai thân. - Trước khi bóc cây phải tưới đủ ẩm tại vườn ươm; - Khi bóc xếp phải nhẹ nhàng, tránh làm vỡ bầu, che đậy cẩn thận
Trồng rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Bóc bỏ vỏ bầu của cây con trước khi trồng, tránh làm vỡ bầu - Đặt cây ngay ngắn vào hố, mặt bầu thấp hơn miệng hố 3-4 cm - Lấp đất đầy hố, cao hơn miệng bầu 2-3cm, ưu tiên lấp đất mặt (bên phải miệng hố) trước; - Dùng chân nén chặt hai bên gốc cây, tránh làm vỡ bầu cây và giữ cây không bị nghiêng ngã; - Cây đã mang ra rừng phải trồng hết trong ngày, không để qua ngày - Sau khi trồng phải gom toàn bộ rác thải (túi bầu, túi đựng cây) để xử lý theo quy định.
Trồng dặm	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi trồng 7 – 10 ngày, tiến hành trồng dặm tại các vị trí cây chết, không để quá lâu hạn chế việc các cây trồng dặm không phát triển kịp với cây trồng trước.

QTQLR - 02. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Chăm sóc rừng	
Xới, phát cỏ	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ tiến hành khi rừng chưa khép tán (khoảng 2 năm đầu)- Chăm sóc 2 lần/năm vào trước mùa mưa (tháng 6 và 12)- Xới hoặc phát cỏ quanh gốc khoảng 0,5 m- Cắt bỏ dây leo quấn quanh cây trồng
Bón thúc	<ul style="list-style-type: none">- Bón thúc 100g NPK/cây ở lần chăm sóc đầu mùa mưa của năm thứ 2 (tỷ lệ NPK có thể điều chỉnh theo kinh nghiệm thực tế của người dân địa phương)- Cuốc 4 hố nhỏ với kích thước 20×10 cm, sâu 10 cm quanh gốc, cách gốc cây khoảng 0,8-1,0 m, bón phân xuống rồi lấp đất kín phân.
2. Bảo vệ rừng	
Bảo vệ rừng	<ul style="list-style-type: none">- Thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng- Phối hợp với các bên liên quan để phòng chống cháy rừng, bảo vệ tài sản, phòng ngừa khai thác trộm,...- Cấm chặn thả gia súc trong rừng trồng- Phát hiện sớm sâu bệnh hại rừng để có biện pháp phòng chống kịp thời- Tuyên truyền vận động người dân hạn chế sử dụng lửa trong và xung quanh rừng đặc biệt vào mùa khô

QTQLR - 03. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục tiêu	Quy trình này hướng dẫn việc quản lý lửa rừng trong các hoạt động dọn dẹp thực bì để trồng rừng và các hướng dẫn phòng chống cháy rừng cũng như đối phó với các tình huống xảy ra cháy rừng
Nguyên nhân cháy rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Do con người: Đốt thực bì, đốt ong, thắp hương, đốt vàng mã gần hoặc trong lô rừng, hút thuốc lá trong rừng, sử dụng chất nổ, ... - Do tự nhiên: Sấm sét, nắng nóng, khô hạn, ...
Thời điểm dễ xảy ra cháy	<ul style="list-style-type: none"> - Vào mùa khô hạn (tháng 4 -7 hàng năm) - Mùa thu hoạch lâm sản ngoài gỗ trong rừng trồng hoặc thuỷ sản ven kênh rạch trong rừng trồng. - Mùa khai thác rừng, vật liệu cháy nhiều, người dân đốt thực bì
Địa điểm dễ xảy ra cháy rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực gần khu dân cư, người dân hay đốt rác; - Khu vực gần nghĩa trang, người dân thắp hương, đốt vàng mã - Khu vực sau khai thác rừng, người dân đốt thực bì để trồng lại rừng
Biện pháp phòng cháy chữa cháy	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo băng cản lửa: <ul style="list-style-type: none"> o Lợi dụng các đường vận xuất gỗ để làm băng trắng cản lửa o Có thể dùng những loài cây bản địa có vỏ dày, chịu lửa tốt ở địa phương trồng quanh lô làm băng cản lửa o Tận dụng tối đa hệ thống hành lang sông suối, ao hồ, đường giao thông để làm băng cản lửa - Quản lý vật liệu cháy: <ul style="list-style-type: none"> o Những nơi có nguy cơ cháy cao có thể làm giảm vật liệu cháy bằng cách thu gom bớt cành nhánh để làm củi đun; o Sau khai thác nên chặt nhỏ cành nhánh rải đều trên rừng, không nên để dồn thành đống dễ xảy ra cháy lớn khó kiểm soát. - Phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng: <ul style="list-style-type: none"> o Thường xuyên tuần tra, phát hiện sớm những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để có biện pháp ngăn chặn o Tuyên truyền vận động người dân địa phương không sử dụng lửa trong và gần rừng, đặc biệt vào mùa khô hạn o Cắm mốc, biển cảnh báo nguy cơ cháy rừng ở những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để người dân nâng cao ý thức phòng chống cháy - Đập đám cháy: <ul style="list-style-type: none"> o Khi xảy ra cháy, kêu gọi người dân địa phương tham gia dập lửa, o Sử dụng các phương tiện tại chỗ để dập lửa o Liên lạc với kiểm lâm, chính quyền địa phương, và các cơ quan đoàn thể khác để tăng cường lực lượng tham gia chữa cháy o Đảm bảo an toàn tính mạng con người khi tham gia dập lửa - Sau khi xảy ra cháy rừng: <ul style="list-style-type: none"> o Tìm hiểu nguyên nhân cháy rừng, tiến hành thống kê thiệt hại o Báo cáo cơ quan quản lý để có giải pháp khắc phục o Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến đám cháy để đưa vào báo cáo
Giải pháp thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với kiểm lâm, chính quyền và người dân địa phương cùng tham gia phòng chống cháy rừng; - Thành lập các tổ bảo vệ rừng, tăng cường tuần tra phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng; - Tạo bộ dụng cụ dập lửa tại chỗ để sử dụng khi xảy ra cháy rừng - Xây dựng phương án phòng chống cháy rừng hằng năm cho nhóm - Tập huấn phòng cháy chữa cháy cho chủ rừng và người dân xung quanh

QTQLR – 04: QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN

A. QUY TRÌNH QUẢN LÝ PHÂN BÓN

1. Nguyên tắc sử dụng hóa chất

Tuyệt đối không sử dụng hoá chất trong mục đích bón phân, BVTV, kích thích sinh trưởng thuộc danh mục cấm của FSC, WHO, tuân thủ và sử dụng phân bón được cấp phép lưu hành và sử dụng được quy định theo các văn bản pháp luật còn hiệu lực tại Việt Nam căn cứ thông tư 84/2019/NĐ-CP và thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT Danh mục các thuốc BVTV được sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam.

Hạn chế sử dụng các loại phân bón là hóa chất, cho dù được cho phép bởi các tổ chức nói trên.

Tăng cường sử dụng phân vi sinh, phân hữu cơ, khi hiệu quả và giá thành tương đương.

Hóa chất sử dụng phải được mua hoặc cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, có chứng từ xác minh, có lưu nhãn mác .

Người sử dụng phải qua tập huấn, khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường

2. Quy trình kiểm soát sử dụng phân bón

Đối tượng áp dụng : Các khu rừng non từ 1 đến 3 tuổi, rừng sau khai thác canh tác từ 2 chu kỳ trở lên.

Nội dung : Kiểm tra giám sát, thu thập thông tin, tài liệu hóa về phân bón hóa học được sử dụng tại khu vực đảm bảo nguyên tắc của tiêu chí 10.6 của bộ tiêu chuẩn FSC

Quy trình kiểm soát sử dụng phân bón :

- Nguồn phân bón hóa học và phân vi sinh phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ mua bán tại cơ sở kinh doanh phân bón, cửa hàng phân bón. Loại phân bón phải được cấp phép lưu hành và đăng ký lưu hành theo thông tư 84/2019/NĐ-CP và thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT

- Lưu trữ, trích xuất thông tin phân bón hóa học được sử dụng và cơ sở đánh giá các giá trị môi trường khi sử dụng phân bón hóa học

B. QUY TRÌNH SỬ DỤNG PHÂN BÓN HÓA HỌC

1. Nguyên tắc

1.1 Đúng loại đất

Mỗi loại đất trồng có đặc điểm và các tính chất hoá học, lý học, sinh học khác nhau. Các yếu tố dinh dưỡng trong đất có mỗi tác động qua lại cũng khác nhau, khi thì tương hỗ, lúc lại đối kháng và có mối liên quan rất chặt với độ phì nhiêu tự nhiên/loại đất nên cần lưu ý khi sử dụng các loại phân bón khác nhau.

Đối với đất phèn, đất dốc, chua: cần lưu ý bón cân đối giữa các phân bón đạm và lân. Trên các loại đất này, hiệu lực của đạm chỉ có thể phát huy khi bón trên nền có phân lân thông qua việc giảm đáng kể lượng N tiêu tốn để tạo ra một đơn vị sản phẩm.

Đối với các loại đất nghèo kali: cần lưu ý bón cân đối giữa các phân bón đạm và kali. Trên đất cát biển, đất xám bạc màu thường nghèo kali nên hiệu lực phân đạm có thể tăng lên gấp 2 lần khi có bón kali.

Đối với những loại đất thiếu hụt các nguyên tố dinh dưỡng trung lượng, vi lượng (trung lượng, vi lượng là yếu tố hạn chế) thì cần phải lưu ý bón cân đối giữa các phân bón đa lượng, trung lượng và vi lượng, đặc biệt là các mối quan hệ P-Ca, N-S, N-Mg, và vi lượng.

Ngoài ra, đất chua không bón các loại phân có tính axit. Ngược lại, trên đất kiềm không nên bón các loại phân có tính kiềm.

1.2 Đúng loại cây

Keo lai thuộc họ đậu (Fabaceae) họ phụ trình nữ (Mimosaceae), là cây gỗ nhỏ, lá rộng thường xanh, mọc nhanh, có chu kỳ kinh doanh ngắn. Ngoài tác dụng về cung cấp gỗ, củi, do có nấm cố định đạm cộng sinh ở bộ rễ, bộ tán dày, keo tai tượng còn có tác dụng cải tạo đất và môi trường sinh thái.

Rễ có nhiều nốt sần có khả năng cố định đạm rất tốt, nên Keo tai tượng nói riêng và các loài keo nói chung, ngoài việc sử dụng để trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ, còn được trồng ở những nơi có đất khô cằn, bị thoái hoá để tận dụng khả năng cải tạo đất của chúng.

1.3. Đúng liều lượng

Bón phân tổng hợp (NPK) :

- Bón lót: Loại phân và lượng phân bón cho mỗi cây 100-200 gr/hố + (nếu có điều kiện) 500gr phân bón hữu cơ vi sinh.

- Bón thúc: phân NPK 100 -200 gr/hố

1.4. Đúng thời điểm

- Bón lót: bón trước khi trồng 7-10 ngày

- Bón thúc: bón ở lần chăm sóc đầu mùa mưa của năm thứ 2

1.5 Đúng cách

Kỹ thuật bón phân

Kỹ thuật bón phân tổng hợp NPK:

- Bón lót toàn bộ phân lân và kali dưới đáy hố, sau đó lấp đất dày khoảng 5 cm, phân hữu cơ vi sinh đã được trộn đều với đất được lấp lên trên cho tới khi đầy hố. Sau khi bón phân ít nhất 1 tuần tiến hành trồng cây.

Phân NPK được bón phân xuống một góc ở đáy hố với kích thước hố tối thiểu rộng 30 × 30 cm và sâu 30 cm, sau đó lấp đất dày khoảng 5cm, phân hữu cơ vi sinh đã được trộn đều với đất được lấp lên trên cho tới khi đầy hố. Sau khi bón phân ít nhất 1 tuần tiến hành trồng cây.

- Bón thúc: cuốc sâu 10 cm quanh gốc, cách gốc cây khoảng 0,8-1,0 m, bón phân xuống rồi lấp đất kín phân.

2. An toàn trong bảo quản và sử dụng phân bón

Phân bón phải được bảo quản một cách an toàn trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và sử dụng nhằm chống thất thoát, cháy nổ, suy giảm chất lượng, khối lượng, gây ô nhiễm môi trường và làm ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế và xã hội khác. An toàn trong bảo quản và sử dụng phân bón còn làm tăng hiệu quả kinh tế.

An toàn trong bảo quản phân bón là biện pháp, hoạt động trong quá trình bảo quản phân bón nhằm đạt các tiêu chuẩn qui định về an toàn bảo đảm hàng hóa nói chung và phân

bón nói riêng. Các qui định cụ thể phụ thuộc vào số lượng, chất lượng phân bón, qui cách đóng gói và các biện pháp sử dụng về sau:

- Bao gồm an toàn kho chứa và vận hành
- An toàn khi bốc dỡ
- An toàn trước các nguy cơ cháy nổ
- An toàn trong việc bảo quản và lưu giữ số liệu (xuất, nhập)
- An toàn trong việc bảo đảm chất lượng và số lượng
- An toàn cho con người và môi trường tại nơi bảo quản và khu vực xung quanh

An toàn khi có các nguy cơ, sự cố về môi trường.

QTQLR - 05. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG

I. MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần quản lý vấn đề về dịch hại?

Mục đích của hoạt động này là nhằm ngăn chặn các dịch bệnh hại rừng có thể xảy ra bằng cách thực hiện tốt các hoạt động quản lý rừng và vệ sinh rừng.

Quan trọng hơn nữa là để đạt được mục tiêu về chứng chỉ rừng thì cần quản lý tốt các vấn đề về môi trường do tổ chức cấp chứng chỉ rừng quốc tế và pháp luật hiện hành Nhà nước Việt Nam đặt ra.

II. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

Các biện pháp quản lý sau đây, theo thứ tự ưu tiên, sẽ được thực hiện để ngăn chặn và giảm thiểu các vấn đề dịch hại:

1. Chọn lập địa cùng các loài cây thích hợp cho phương thức trồng rừng bền vững (hỗn giao hay thuần loài)
2. Sử dụng biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp.
3. Điều tra các dịch bệnh có thể/thường xảy ra tại khu vực, đánh giá mức độ tác động của chúng, thường xuyên giám sát các quần thể dịch hại nghiêm trọng.
4. Đưa ra quyết định quản lý dựa trên tất cả các thông tin sẵn có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật lâm sinh và đặc tính của sâu bệnh hại rừng.

Phương pháp kiểm soát bùng phát dịch theo thứ tự ưu tiên là gì?

1. Kỹ thuật về lâm sinh hoặc sinh thái (chặt chọn, chặt làm sạch rừng).
2. Kiểm soát bằng biện pháp sinh học với tác nhân gây bệnh (ký sinh trùng, thiên địch)
3. Kiểm soát bằng cách sử dụng hóa chất cho phép trên cơ sở chọn lọc và tính hiệu quả. Nhóm thuốc trừ sâu 1A và 1B do Tổ chức Y tế Thế giới phân loại, thuốc trừ sâu có chứa hydrocarbon clo, thuốc trừ sâu độc hại hoặc bất kỳ loại thuốc trừ sâu bị hạn chế theo công ước quốc tế, sẽ bị cấm.

➤ *Sử dụng tác nhân kiểm soát sinh học:*

Bất cứ loại tác nhân kiểm soát sinh học nào đều phải được phê duyệt của tổ chức cấp chứng chỉ trước khi sử dụng. Nói chung sinh vật biến đổi gen không được phép sử dụng.

➤ *Sử dụng thuốc trừ sâu:*

Thuốc trừ sâu chỉ được phép được sử dụng nếu điều đó hoàn toàn cần thiết. Mọi hoạt động sử dụng phải được báo cáo cho Quản lý nhóm. Quản lý nhóm phải báo cáo việc sử dụng thuốc trừ sâu cho Cơ quan cấp chứng chỉ trước khi sử dụng chúng.

Lưu trữ báo cáo như thế nào?

Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh hại rừng dù được áp dụng như thế nào và bằng phương pháp nào thì đều phải được lưu trữ để làm bằng chứng sau này:

- Giữ lại một bản báo cáo về đánh giá rủi ro của quá trình sử dụng, chi tiết của qui trình đó cần được tuân thủ khi thao tác sử dụng thuốc trừ sâu, tuân thủ các luật và qui định hiện hành

- Ghi chép lại phương pháp sử dụng, người thực hiện, ở đâu và khi nào, và điều kiện thời tiết lúc đó. Dựa trên thông tin này, trong tương lai, vùng được cấp chứng có thể được hỏi đánh giá cho một bản báo cáo đơn giản tóm tắt việc dùng các phương pháp khác nhau và từng thành phần hoạt chất được sử dụng.
- Ghi lại quá trình quyết định và lý do để chọn phương pháp dùng hóa chất hoặc không có hóa chất.
- Lưu lại các hồ sơ này để có thể tra cứu sau này.

QTQLR- 06. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV AN TOÀN HIỆU QUẢ

Để sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả cần phải tuân thủ một số nguyên tắc sau: tuân theo nguyên tắc 4 đúng, đảm bảo thời gian cách ly, đảm bảo an toàn khi sử dụng, cất giữ

1. Kỹ thuật của 4 đúng trong việc dùng thuốc BVTV:

1.1. Đúng thuốc:

Trước khi chọn mua thuốc, nông dân cần biết loại sâu, bệnh, cỏ dại gây hại mà mình cần phòng trừ. Không nên sử dụng cùng một loại thuốc trong suốt vụ hoặc từ năm này qua năm khác. Nên ưu tiên mua loại thuốc ít độc nhất. ưu tiên chọn mua loại thuốc có thời gian cách ly ngắn nhất.

- Nên ưu tiên mua những loại thuốc có tác động chọn lọc (có hiệu lực trừ sâu bệnh cao nhưng tương đối ít độc đối với sinh vật có ích).

1.2. Đúng liều lượng:

Dùng thuốc với liều cao hơn khuyến cáo càng làm gia tăng nguy cơ bị ngộ độc của người đi phun thuốc, người sống ở gần vùng phun thuốc và người sử dụng nông sản có phun thuốc. Ngoài ra còn có nguy cơ cây trồng bị hại do thuốc liều lượng cao gây ra (nhất là khi dùng thuốc trừ cỏ).

1.3. Đúng lúc:

Đối với dịch hại đúng lúc là phun thuốc vào thời điểm mà dịch hại trên đồng ruộng dễ bị tiêu diệt nhất. Sâu hại thường mẫn cảm nhất đối với thuốc BVTV khi chúng ở giai đoạn sâu non tuổi nhỏ. Đối với thuốc trừ cỏ thì phải tùy theo đặc điểm của từng loại thuốc và sử dụng vào lúc thuốc có tác động mạnh nhất đến cỏ dại và ít có nguy cơ gây hại cho cây trồng. Phun đúng lúc cũng là tránh phun thuốc khi trời sắp mưa to có thể làm rửa trôi hết thuốc trên mặt lá, thân cây. Phun thuốc vào lúc trời mát, không có gió to để thuốc bay vào mặt hoặc bay vào nhà ở gần nơi phun thuốc.

Phun đúng lúc là không phụ thuộc vào quá gần ngày thu hoạch nông sản. Phải tùy loại thuốc mà ngừng sử dụng trước khi thu hoạch một thời gian nhất định.

1.4. Đúng cách:

Dùng thuốc đúng cách thể hiện trước hết ở khâu pha thuốc. Pha thuốc đúng cách là làm thế nào để cho chế phẩm sử dụng được hoà thật đồng đều vào nước, như vậy khi phun thuốc sẽ được trang trải thật đều trên vật phun (lá cây, mặt đất...). Khâu tiếp theo của việc dùng thuốc đúng cách là phun rải thuốc trên rừng cho đúng cách. Phun rải thuốc đúng cách là làm sao cho thuốc BVTV tiếp xúc được với dịch hại nhiều nhất. Có những loại sâu hại chỉ tập trung phá ở gốc (ví dụ rầy nâu), có những loài chuyên sống trên lá, trên ngọn, lại có những loài chỉ sống ở mặt dưới lá, ... Do vậy khi phun thuốc phải hướng sao cho tia tập trung vào nơi quy định phun.

Dùng thuốc đúng cách còn có nghĩa là không tự ý hỗn hợp nhiều loại thuốc BVTV với nhau để phun trên rừng. Khi hỗn hợp 2 hay nhiều loại thuốc BVTV cũng có trường hợp do phản ứng với nhau mà hỗn hợp sẽ giảm hiệu lực trừ dịch hại, hoặc dễ gây cháy lá cây, hoặc dễ gây độc cho người sử dụng. Do vậy chỉ thực hiện việc hỗn hợp nếu như điều đó có hướng dẫn trên nhãn thuốc hoặc trong các tài liệu khoa học kỹ thuật hướng dẫn dùng thuốc BVTV.

2. Đảm bảo thời gian cách ly từng loại thuốc BVTV trên từng loại cây trồng:

2.1. Dự lượng thuốc BVTV trên cây trồng:

Sau khi một loại thuốc BVTV được phun rải lên cây hoặc bón vào đất thì thuốc sẽ để lại trên mặt lá, thân cây và thông thường là cả ở bên trong các mô thực vật một lượng thuốc (hoạt chất) nhất định. Sau phun rải một thời gian (vài ngày, một vài tuần) lượng hoạt chất bám trên cây và tồn tại bên trong cây sẽ giảm dần do tác động của nhiều yếu tố: Do thời tiết (nắng mưa), do hoạt động phân huỷ thuốc của các men thực vật, do sự tăng trưởng của cây được gọi là dư lượng thuốc BVTV trên thân lá, trái, củ của cây trồng. Càng xa ngày phun rải thuốc thì dư lượng của thuốc bên ngoài và bên trong cây càng giảm thấp.

2.2. Mức dư lượng tối đa cho phép:

Một loại thuốc BVTV chỉ gây độc cho cơ thể người và động vật máu nóng, nếu như loại thuốc thâm nhập vào cơ thể với một lượng thấp hơn lượng giới hạn nói trên thì chưa gây hại cho cơ thể. Loại thuốc nào có độc tính càng cao (thuộc nhóm I) thì giới hạn đó càng thấp. Ngược lại loại thuốc nào có độc tính càng thấp (thuộc nhóm III) thì giới hạn đó càng cao. Những lương thực và thực phẩm chứa dư lượng một loại thuốc BVTV ít hơn mức dư lượng tối đa cho phép thì được xem như vô hại đối với sức khoẻ của người tiêu dùng. Ngược lại, những nông sản chứa dư lượng một loại thuốc BVTV vượt quá mức dư lượng tối đa cho phép thì không được dùng làm lương thực, thực phẩm cho người tiêu dùng.

2.3. Thời gian cách ly:

Thời gian của một loại thuốc BVTV đối với một loại nông sản là thời gian kể từ ngày phun loại thuốc đó lần cuối trong vụ đến ngày thu hoạch nông sản đã có phun thuốc. Thời gian cách ly có thể thay đổi từ một vài ngày đến một vài tuần tùy theo đặc tính khoa học, tùy theo độc tính của thuốc và tùy theo loại cây lương thực, thực phẩm được phun thuốc, tùy theo lượng thuốc dùng trên đồng cỏ. Thời gian cách ly dài hay ngắn còn tùy thuộc vào điều kiện thời tiết trong thời kỳ phun thuốc.

3. Đảm bảo an toàn trong khâu cất giữ tại nhà những thuốc BVTV chưa sử dụng hết:

Những thuốc BVTV mua về chưa sử dụng hoặc dùng chưa hết phải được cất giữ trong các phòng riêng biệt, không dột khi bị mưa, có khoá cửa chắc chắn, xa nơi ở và chuồng trại gia súc.

Những dụng cụ đựng thuốc, bình bơm thuốc, quần áo bảo hộ lao động phải được giặt giũ, rửa sạch sẽ sau mỗi đợt phun thuốc và phải cất giữ trong kho riêng (cùng với nơi lưu trữ thuốc BVTV của gia đình). Tuyệt đối không được dùng các đồ dùng trong sinh hoạt (xô chứa nước ăn, chậu rửa rau vo gạo, muống, thìa, chén ăn cơm, ...) để đựng, pha thuốc.

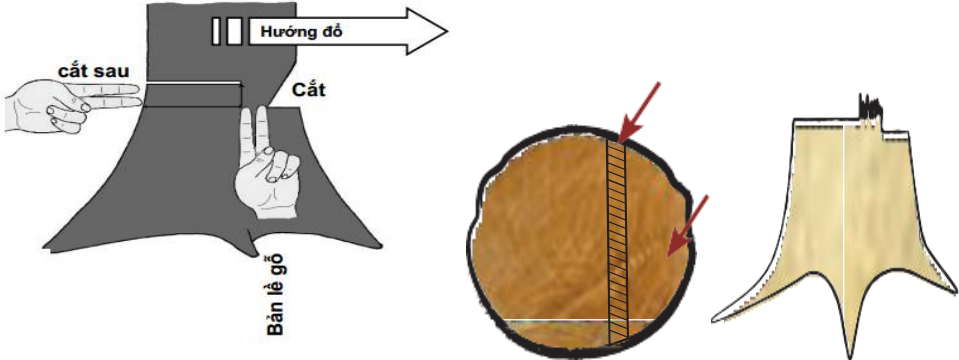
Không trút đổ thuốc dư thừa, chưa dùng hết sang bất kỳ đồ đựng khác (vỏ chai bia, chai nước mắm, ...). Sau khi đã dùng hết thuốc không được dùng bao bì thuốc BVTV (chai thuốc, bịch thuốc BVTV) vào bất kỳ mục đích nào khác. Phải huỷ và chôn những bao bì này.

QTQLR -07. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	- Điều tra trữ lượng rừng trước khai thác - Giám sát tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất rừng trồng hàng năm phục vụ công tác dự báo sản lượng - Lập kế hoạch khai thác rừng lâu dài theo hướng bền vững
Điều tra ngoại nghiệp	<p>- Bước 1: Lập ô đo đếm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Ô hình chữ vuông, diện tích 100 m² (10m ×10m) ○ Ô đo đếm được lập ở giữ khu rừng, không sát với bìa rừng ○ Mỗi ô đại diện theo: mô hình thi công trồng rừng, tuổi cây, loài cây trồng. ○ Các OTC được bố trí ở các vị trí đại diện của từng lô và các ô được bố trí đều ở các loại lập địa tốt, xấu, trung bình, tránh phân bố ở các vị trí đầu lóp. <p>- Bước 2: Điều tra sinh trưởng:</p> <p>Trên ô tiêu chuẩn đo toàn bộ D_{1,3}, H_{vn} và xác định cấp phẩm chất của cây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính (D_{1,3}) được đo bằng thước kẹp hoặc đo chu vi bằng thước dây rồi tính ra đường kính. + Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}) bằng thước đo cao Blumleis hoặc ước tính dựa vào chiều cao người đứng đo chiều cao cây. + Tính thể tích từng cây (V_{TB}) và tổng trữ lượng của ô (M). <p>Ghi chép số liệu chu vi (C_{1,3}, cm) và chiều cao (H, m) vào phiếu điều tra sinh trưởng và trữ lượng rừng (Biểu 9E)</p>
Tính toán nội nghiệp	<p>Trên cơ sở số liệu đã thu thập, tính toán để xác định trữ lượng và lượng tăng trưởng hàng năm của rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với rừng non (dưới 3 tuổi): không tính toán bằng cách lập OTC mà tính toán dựa trên trữ lượng của cây từ 3 tuổi trở lên. - Đối với rừng từ 3 tuổi trở lên: <p>Tính toán thể tích từng cây theo công thức (<i>Theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về điều tra, kiểm kê và Giáo trình mô đun khai thác gỗ keo, bồ đề, bạch đàn của BNNPTNT</i>):</p> $M = G \times H \times f \times N \text{ (m}^3\text{/ha)}$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> • G: Tiết diện ngang cây bình quân tại 1,3m • H: Chiều cao bình quân • f: Hình số thân cây tại vị trí 1,3m, lấy bằng 0,5 • N: mật độ bình quân của rừng <p>* Ghi chú: Diện tích mỗi ô tiêu chuẩn 100m²</p>

QTQLR - 08. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo tính an toàn lao động - Tối ưu hóa chất lượng gỗ do khai thác đúng kỹ thuật - Tận dụng tối đa các sản phẩm khai thác - Áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp nhằm giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường, sinh thái
1. Chuẩn bị trước khai thác	
Hình thức khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác trắng; chừa lại mộ số cây gỗ lớn bản địa, cây tái sinh tự nhiên trên rừng nếu có - Diện tích khai thác của một lô hoặc nhiều lô liền khoảnh không được vượt quá 20 ha trên địa hình dốc (độ dốc >25°).
Đánh giá tác động trước khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi khai thác phải đánh giá tác động môi trường, xã hội và những rủi ro tiềm ẩn của hoạt động khai thác (Biểu 9F và 11A) - Dựa vào các điểm phát hiện được (ví dụ: xói mòn đất, đường vận chuyển...), cán bộ giám sát khai thác phải đề xuất các hoạt động để ngăn ngừa và giảm thiểu các thiệt hại đến môi trường và người lao động do khai thác rừng có thể gây ra. Đề xuất này được đưa vào phương án khai thác rừng, cần được Ban đại diện nhóm CCR xác nhận và đại diện chủ sở hữu phê duyệt.
Đăng ký khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai thác lên các xóm trưởng, trạm trưởng - Lấy mã số đăng ký khai thác do Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương cấp (Mã số khai thác tương ứng với mã ký hiệu lô rừng)
Chẩn bị dụng cụ khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Các dụng cụ khai thác như cưa máy, dao, rìu,... phải đảm bảo an toàn theo quy định của nhà sản xuất - Dụng cụ bảo hộ lao động phải đầy đủ, đảm bảo đúng quy định về an toàn lao động cho hoạt động khai thác gỗ - Phương tiện hỗ trợ vận xuất gỗ (thủ công, vận xuất bằng xuồng, ghe, bằng máy,...) phải được chuẩn bị đầy đủ
Vệ sinh rừng và mở đường vận xuất trước khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Phát dọn thực bì, bụi rậm, dây leo quấn quanh cây trước khai thác. Tránh làm ảnh hưởng đến nơi ở hoặc tổ các loài sinh vật hoang dã, dọn dẹp thực bì lên mặt liếp gọn gàng. - Hệ thống đường vận xuất phải được hoàn thiện trước khi khai thác. - Tận dụng tối đa các đường vận xuất đã có, hạn chế mở đường vận xuất quá dày, dễ gây ảnh hưởng đến môi trường và xã hội - Cắt hạ những cây nằm trên tuyến đường vận xuất trước khi tiến hành khai thác (nếu có).
Lán trại cho công nhân	<p>Đối với lô rừng có vị trí xa khu vực dân cư, nhà thầu thường làm lán trại nghỉ trưa, việc làm lán trại được thực hiện theo quy trình "Quy trình yêu cầu về lán trại, chỗ ở và vệ sinh an toàn thực phẩm" đã được ban hành.</p>
Ký kết hợp đồng mua bán	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất với bên mua về trữ lượng và thỏa thuận giá trị của lô rừng - Ký kết hợp đồng mua bán theo quy trình COC. - Bên mua và bên bán phải thực hiện việc kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) theo quy định - Hợp đồng khai thác và hồ sơ lâm sản (CoC) phải được lưu thành hai bản, bên mua lưu một bản và chủ rừng lưu một bản để đưa vào hồ sơ của hộ gia đình và nộp lại cho hợp tác xã quản lý
2. Khai thác và vận chuyển	

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
<p>Chọn hướng đổ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tùy thuộc và địa hình để xác định hướng đổ của cây, từ đó xác định vị trí bắt đầu khai thác - Trước khi cắt cần xem xét hướng nghiêng của cây để xác định hướng đổ an toàn nhất - Khi khai thác nên bắt đầu từ bìa rừng - Các cây được cắt lần lượt từ ngoài vào, do đó hướng đổ thường hướng ra ngoài khoảng trống nơi đã khai thác - Tránh chặt hạ cây đổ ngang dòng kênh, đường vận xuất, vận chuyển, giảm thiểu hư hại chi các cây bản địa tái sinh tự nhiên - Hướng đổ của cây phải thuận lợi cho công việc tiếp theo như cắt khúc, chặt cành ngọn, tháo bóc vác và vận chuyển từ đường nhánh... - Đảm bảo không có người hoặc động vật nằm trong phạm vi hướng đổ
<p>Kỹ thuật cắt cây</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mở miệng: <ul style="list-style-type: none"> o Miệng được mở theo hướng đổ o Cắt mở miệng ở khoảng cách 5cm hoặc thấp hơn so với mặt đất o Cắt nhát đầu tiên vuông góc với thân cây, sâu 1/3 đường kính thân o Góc cắt mở miệng, chéo từ trên xuống một góc khoảng 45°, gập nhát cắt đầu ở điểm cuối (1/3 thân cây) tạo thành hình chữ “V”. Tùy theo cấp kính của cây có thể mở miệng bằng 1 hoặc 2 mạch cưa: đối với những cây có đường kính $d < 20$ cm không cần cắt mở miệng o Dùng búa hoặc tay để bẩy miếng gỗ hình chữ V nhằm mở miệng  <ul style="list-style-type: none"> - Cắt gáy: <ul style="list-style-type: none"> o Dùng cưa cắt gáy từ phía sau, hướng cắt vuông góc với gốc cây o Vị trí mũi cắt gáy cao hơn vị trí của lát cắt đầu tiên khoảng 2-3 cm (đường kính cây ≤ 30 cm) hoặc 3-5 cm (đường kính cây > 30cm) o Để hạn chế tốc độ đổ của cây gỗ cần để lại một phần lõi gỗ giữa mạch cắt mở miệng và mạch cắt gáy gọi là bản lề có chiều rộng $2 \div 4$ (cm). o Cắt cho đến khi cây bắt đầu đổ thì rút cưa ra và tắt máy o Di chuyển ngay người ra hướng ngược với hướng đổ đã định sẵn để tránh cây bật gốc, đè lên người - Chiều cao gốc chặt: Khoảng cách từ mặt đất đến mặt cắt gáy ($h = 1/3$ đường kính gốc chặt). Nếu quá khó khăn do địa hình mà chiều cao gốc chặt (h) có thể cao hơn nhưng không quá $1/2$ đường kính cây. Chiều cao gốc chặt càng thấp càng tốt vì nó giúp tăng được sản lượng rừng.

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
	<p>- Cắt cành, cắt khúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Sau khi hạ cây, dùng cưa hoặc dao cắt toàn bộ cành nhánh của cây: - Đối với những cây có kích thước nhỏ, khi đổ cây gỗ thường nằm sát mặt đất tiến hành cắt từ gốc đến ngọn. - Đối với những cây gỗ lớn khi đổ thường nằm chênh vênh, cách mặt đất một khoảng rất cao, cần hạ độ cao của tán lá để cho thân gỗ rơi xuống sát đất. Tiến hành cắt từ phía ngoài vào phía trong cành ○ Cắt khúc thân cây theo quy cách sản phẩm đặt hàng ○ Khi cắt không được đứng lên thân cây, hoặc phía căng thớ của cây gỗ. ○ Cây nằm ngang dốc phải kê gỗ chắc chắn mới được tiến hành cắt và khi cắt mạch cuối phải đứng trên dốc. <p>- Bóc vỏ: Khuyến khích bóc vỏ trên rừng trước khi vận xuất gỗ ra ngoài (<u>riêng với gỗ sản xuất viên nén không cần bóc vỏ</u>)</p>
<p>Vận chuyển gỗ ra khỏi rừng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trên địa hình bằng phẳng có thể sử dụng máy để vận chuyển - Nếu địa hình dốc (>20°) nên áp dụng biện pháp vận xuất thủ công để giảm thiểu tác động đến môi trường - Bảo dưỡng đường vận xuất sau khai thác, tránh gây sới mòn đất, tắc nghẽn suối, kênh.
<p>3. Vệ sinh rừng sau khai thác</p>	
<p>Vệ sinh rừng sau khai thác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hữu cơ sau khai thác (cành nhánh, lá cây, vỏ cây,...) nên được chặt ngắn và rải đều trên lô để làm phân cho rừng - Hạn chế đốt thực bì sau khai thác - Nếu buộc phải đốt thực bì thì tuân thủ theo quy trình xử lý thực bì (QTQLR – 01) - Kiểm soát cẩn thận khi đốt để không bị cháy lan sang lô rừng khác - Thu gom toàn bộ cành nhánh trong khu vực hành lang sông suối, ao hồ, ruộng vườn, đường xá xung quanh khu vực khai thác - Có giải pháp tu sửa, bảo vệ hoặc trồng cây khu vực đường vận xuất để giảm thiểu sới mòn sau khai thác

**QTQLR – 09: QUY TRÌNH YÊU CẦU VỀ LÁN TRẠI, CHỖ Ở VÀ
VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM**

1. Mục đích

- Đảm bảo những yêu cầu thiết yếu về điều kiện ăn, ở cho người lao động.
- Giúp cho người lao động có đủ sức khỏe cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ.

2. Yêu cầu

Lán trại phải đảm bảo những điều kiện tối thiểu về nơi ngủ nghỉ, sinh hoạt và dinh dưỡng của người dân, công nhân lâm nghiệp trong quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp như sau:

2.1 Lán trại

- Vị trí

+ Khu xây dựng lán trại phải ở vị trí thoáng mát, cao ráo, đảm bảo không bị ngập nước về mùa mưa, cách xa sông suối ít nhất 30 m.

+ Gần nguồn nước sạch có thể sử dụng cho sinh hoạt cá nhân;

+ Mỗi lều chỉ dành cho tối đa 16 người;

- Khu ngủ nghỉ

+ Mỗi nhóm công nhân được trang bị đầy đủ chiếu, màn chống muỗi, chăn;

+ Có hòm để đồ cá nhân;

+ Không chứa hóa chất, chất gây cháy, nổ, xăng, dầu trong khu lán trại của công nhân.

- Khu tắm giặt, vệ sinh

+ Có khu vệ sinh tắm giặt và vệ sinh

+ Nhà tắm, trang bị dụng cụ tắm giặt (*xà phòng, bột giặt, xô, chậu...*);

+ Nhà vệ sinh cầu phải thỏa mãn điều kiện: cự li không gây ô nhiễm đến lán trại, không gần sông suối, kín đáo, đào sâu xuống đất có mái che.

- Khu bếp

+ Có khu bếp trang bị xoong, nồi, bát, đũa, chậu rửa, lồng bàn, rổ rá cần thiết và phù hợp.

2.2 Nguồn nước phục vụ ăn uống, sinh hoạt

Người dân chủ động vận chuyển nước sạch từ nhà đi đến lán trại phục vụ nhu cầu cá nhân. Nguồn nước sông suối được tích trữ để tắm giặt, sinh hoạt.

2.3. Chế độ dinh dưỡng

- Khẩu phần ăn cho người lao động phải đảm bảo đầy đủ về chất lượng cần thiết thực phẩm giàu protein động vật (đạm động vật), có chất béo và có thực phẩm chứa cacbonhydrat (*nhóm thực phẩm tinh bột*).

- Nguồn thực phẩm phải đảm bảo an toàn vệ sinh, các loại thịt phải qua kiểm dịch, không sử dụng nguồn hàng rong, không rõ nguồn gốc.

2.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Nhân viên cấp dưỡng phục vụ nấu ăn phải được đào tạo và/hoặc cung cấp các tài liệu dinh dưỡng cần thiết và tài liệu về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nguyên tắc quan trọng để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Lựa chọn thực phẩm an toàn:

Thực hiện tốt các quy định về phòng chống sinh vật gây hại, phòng chống lây nhiễm chéo trong quá trình sản xuất chế biến thực phẩm. Không sử dụng hoá chất, phụ gia thực phẩm nằm ngoài danh mục cho phép của Bộ y tế;

- Nấu chín thức ăn, trước khi ăn.

- Không tiếp xúc giữa thức ăn sống và chín.

- Thực hiện tổng vệ sinh tại khu vực nấu bếp, loại bỏ những vật dụng, đồ dùng không cần thiết, có đối sách với nguồn gốc gây bẩn. Yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm được đặt lên hàng đầu.

- Luôn luôn giữ gìn bếp ăn sạch sẽ, gọn gàng, vệ sinh

Quy định trên được áp dụng cho tất cả các hộ thành viên tham gia chứng chỉ rừng tuân theo nguyên tắc FSC. Hoạt động thực hiện chịu sự giám sát của đại diện nhóm chứng chỉ và tuân theo kế hoạch quản lý rừng bền vững đã được xây dựng.

QTQLR - 10. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

1. Quy định chung

- Quy trình áp dụng cho nhóm hộ nhằm xử lý rác thải từ hoạt động sản xuất lâm nghiệp của nhóm và rác thải vớt vào rừng do cộng đồng dân cư xung quanh.
- Các loại rác thải độc hại liên quan đến hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,... phải được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật và phải được thống kê và báo cáo hằng năm.
- Luôn tuân thủ bảo hộ và an toàn lao động khi phân loại và xử lý rác thải

2. Quy trình xử lý rác thải

Loại chất thải	Quy trình xử lý
Chất thải hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm các loại rác thải từ nguồn gốc hữu cơ như rau cỏ, đồ ăn thừa, vỏ hoa quả,... - Các loại rác thải này được xử lý ngay tại rừng bằng cách cuốc hố, gom rác vào hố và lấp đất lại
Chất thải rắn thông thường	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm túi nylon đựng cây, túi bầu, túi bóng đựng đồ ăn, hộp sữa, chai lọ bằng nhựa hoặc thủy tinh đựng đồ uống,... - Thu gom toàn bộ rác thải này, phân loại thành rác tái chế và rác không tái chế. - Rác tái chế có thể chuyển đến các khu thu mua rác thải tái chế - Rác không tái chế thì gom lại đưa ra bãi rác xử lý, hoặc bỏ vào thùng rác thải sinh hoạt gia đình
Chất thải rắn độc hại	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm các loại túi bóng, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chai lọ đựng xăng hoặc dầu nhớt, pin,... - Thu gom toàn bộ các loại rác thải này cho vào thùng phi có nắp đậy và khóa cẩn thận. Khi đủ số lượng thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xử lý rác thải độc hại để thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật; - Tuyệt đối không được vớt rác thải độc hại bừa bãi, không được vớt rác thải độc hại ra bãi rác hoặc khu vực gần sông suối, ao hồ; - Toàn bộ số liệu về rác thải độc hại phải được ghi chép cẩn thận; các thông tin ghi chép gồm: Khối lượng, thời gian xử lý, nơi xử lý, đơn vị thu nhận,... và phải được tổng hợp vào báo cáo hằng năm.
Dầu, mỡ sử dụng cho các loại động cơ phục vụ sản xuất trong rừng.	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu mỡ động cơ là chất khó phân hủy, dễ gây ô nhiễm nguồn nước và đất, phương pháp chủ yếu là phòng ngừa bằng cách: - Hạn chế sử dụng động cơ chạy bằng nhiên liệu xăng dầu mà thay thế sử dụng động cơ điện. - Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc để khi động cơ làm việc dầu, mỡ không rò rỉ ra môi trường - Khi thay dầu mỡ động cơ cần phải thực hiện đúng quy trình của nhà sản xuất. - Quá trình đổ xăng dầu phải được thực hiện trên bề xi măng hoạt lót tấm nilong kèm mùn cưa. Vị trí đổ phải bằng phẳng, cách xa khu vực sông suối, ao hồ. - Quy trình tiếp nhiên liệu cho các loại xe vận chuyển tại rừng như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị gồm: Quặng (phểu), giẻ lau bằng vải, bạc cao su, nhiên liệu, cát hoặc mùn cưa.

Loại chất thải	Quy trình xử lý
	<p>+ Tiếp nhiên liệu: trước khi tiếp nhiên liệu dùng bạc cao su lót dưới sàn xe, rải một lớp mùn cưa lên trên để hứng nhiên liệu đổ ra ngoài, dùng quặng để trên miệng bình dầu xe và tiến hành tiếp nhiên liệu.</p> <p>- Kết thúc: dùng giẻ lau khô nhiên liệu trên miệng bình dầu xe, túm lấy bạc cao su đỡ nhiên liệu (nếu có nhiên liệu đổ xuống) cho vào can nhựa. Đem giẻ lau và nhiên liệu đổ ra về nơi tập kết chứa chất thải độc hại bỏ vào thùng chứa chất thải..</p> <p>- Nếu không may dầu, mỡ chảy ra rừng thì xử lý bằng cách: Đào lấy đất bị thấm dầu, mỡ và đem đốt cho đến khi dầu, mỡ phân hủy hết.</p> <p>- Xử lý đối với dầu mỡ ô nhiễm nước: Ngăn vùng nước bị ô nhiễm và hút hết nước vào một bể chứa sau đó xả nước phía dưới để tách phần dầu nổi lên phía trên.</p>
<p>Rác thải sinh hoạt do người dân địa phương thải vào rừng hoặc tại hiện trường các khu vực khai thác, trồng rừng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể bao gồm tất cả các loại rác thải đã nêu ở trên - Bố trí các túi rác trong rừng, dọc theo các tuyến đường mòn người dân thường qua lại, hoặc gần khu vực hoạt động của công nhân trồng rừng, khai thác, tĩa thưa. - Gom lại và phân loại rác thải theo từng nhóm đã liệt kê ở trên - Xử lý rác thải riêng theo từng loại theo quy trình đã nêu ở trên - Cắm biển cảnh báo cấm vứt rác vào rừng ở những nơi dễ nhìn, nhiều người qua lại - Phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền, vận động người dân địa phương không vứt rác vào rừng - Áp dụng các biện pháp xử phạt để răn đe

QTQLR -11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

MỤC ĐÍCH:

1. Tại sao cần đánh giá tác động môi trường và xã hội?

Đánh giá tác động xã hội và môi trường được thực hiện để xác định các hoạt động quản lý và trồng rừng đã có những ảnh hưởng như thế nào đến môi trường và tác động về xã hội trong khu vực rừng do Nhóm chủ rừng huyện Thanh Chương quản lý từ đó đề ra các hoạt động để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Đánh giá này được BQL CCR huyện Thanh Chương phối hợp với các BQL CCR thành viên (bao gồm xã Thanh Thủy, Thanh Hương, Thanh Hà, Thanh Tùng, Thanh Mai, Thanh Lâm và BQL RPH Thanh Chương) thực hiện định kỳ mỗi năm một lần.

2. Các bước đánh giá bao gồm?

Bước 1: Liệt kê các hoạt động dự kiến để đánh giá

Ví dụ trong trường hợp trồng rừng keo của các xã và BQL RPH Thanh Chương, các nhóm hoạt động cần được đánh giá tác động môi trường và xã hội gồm:

Bước 2: Thảo luận các tác động có thể có với các bên liên quan và người am hiểu ở địa phương

Thảo luận với người am hiểu ở địa phương và các bên liên quan để xác định các tác động về môi trường và xã hội hiện có. Đồng thời cũng cần lập danh sách các bên liên quan

Quản lý rừng	Hoạt động trồng và chăm sóc rừng, bảo vệ chống chặt phá rừng, phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy chữa cháy, quản lý rừng có giá trị bảo tồn cao
Sản xuất và thị trường	Khai thác và thu mua gỗ
Quản lý nhóm CCR	Quản lý các thành viên trong nhóm, đáp ứng các phản hồi, tham gia các hoạt động hội họp, tập huấn...

để có thể tham vấn khi cần thiết.

Bước 3: Thảo luận các tác động tác động tiềm năng với các thành viên nhóm

Dựa vào các thông tin và kinh nghiệm của các thành viên, nhóm đánh giá cùng thảo luận với các thành viên của Ban đại diện cấp xã, BQL RPH và Quản lý nhóm để xác định các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội của các hoạt động đã thực hiện và xác định ở bước 1.

Bước 4: Phát triển các giải pháp để hạn chế các tác động tiêu cực và phát huy các tác động tích cực.

Dựa trên các tác động đã được xác định ở các bước trên, cùng thảo luận với các bên liên quan và các thành viên trong nhóm để phát triển các giải pháp phù hợp nhằm khắc phục các tác động tiêu cực trong quá trình trồng rừng.

QTQLR- 12. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần có quy trình an toàn lao động?

Cần có quy trình an toàn lao động trong nghề rừng nhằm mục đích bảo vệ người lao động (trồng rừng, khai thác, vận chuyển...), giảm thiểu tối đa mọi rủi ro có thể xảy ra có thể là mắc bệnh hoặc tai nạn trong rừng.

1. An toàn lao động là gì?

Tất cả các hoạt động cần phải được thực hiện đảm bảo các điều kiện làm việc an toàn cho tất cả công nhân. Toàn bộ công việc được tiến hành cần phù hợp với pháp luật và quy định của luật an toàn lao động Việt Nam và tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).

2. Công nhân lâm nghiệp cần đảm bảo vấn đề gì?

Công nhân lâm nghiệp cần đảm bảo:

- Thể chất khỏe mạnh và phù hợp với các hoạt động,
- Được đào tạo và có kinh nghiệm trong việc sử dụng và bảo dưỡng máy cưa, chặt hạ và cắt cây
- Không sử dụng ma túy, rượu hoặc các chất kích thích trong quá trình làm việc
- Điều quan trọng là có một người trong nhóm có khả năng hỗ trợ hoặc giúp đỡ trong trường hợp cấp cứu. Không bao giờ làm việc một mình khi chặt hạ cây hoặc sử dụng máy cưa



Không đảm bảo an toàn lao động

Công nhân lâm nghiệp cần được trang bị thiết bị/đồ dùng an toàn đủ tiêu chuẩn theo hình dưới đây:



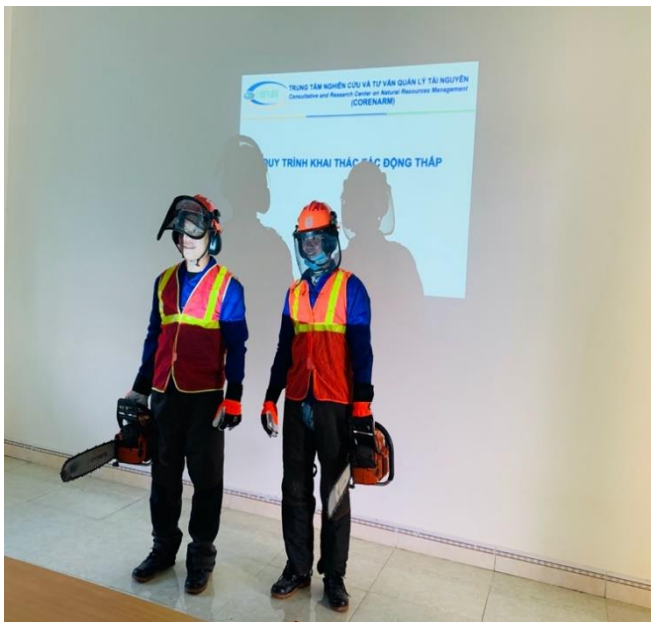
1. **Mũ bảo hộ vỏ cứng:** Cần có vỏ cứng hoặc mũ bảo hiểm xe máy có thể sử dụng
2. **Bảo vệ tai:** Miếng nút bịt tai mềm có thể sử dụng
3. **Mặt nạ:** Mặt nạ mũ bảo hiểm xe máy có thể sử dụng
4. **Áo phản quang:** Áo khoác/áo phản quang của công nhân xây dựng/ công ty vệ sinh môi trường có thể sử dụng
5. **Áo khoác bảo hộ lao động:** Áo dài tay, dày để làm việc có thể sử dụng
6. **Găng tay bảo hộ lao động:** Găng tay vải cotton hay sợi tổng hợp có thể sử dụng
7. **Quần lao động với kháng đỡ vết cắt:** Quần lao động dày có thể sử dụng
8. **Ủng bảo hộ:** giày bộ đội có thể sử dụng trong trường hợp này.



3. Cần làm gì để đạt tiêu chuẩn về an toàn lao động trong chứng chỉ rừng?

Việc tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động được nêu trong điều lệ an toàn lao động sẽ đảm bảo cho việc thực hiện đúng tiêu chí đề ra.

Tham gia các buổi tập huấn về an toàn lao động sẽ góp phần nâng cao năng lực trong quá trình thực hiện



Biểu 23: BIÊN BẢN BÀN GIAO TRANG THIẾT BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Căn cứ kế hoạch hàng năm của Nhóm, Công ty CP BVN Thanh Chương cung cấp các trang thiết bị và bảo hộ lao động cho Tổ khai thác của Nhóm chứng chỉ FSC huyện Thanh Chương, cụ thể theo danh sách dưới đây:

Danh sách ký nhận BHLĐ của Tổ khai thác:

Stt	Họ tên	Công việc	Loại BHLĐ	Số lượng	Ký nhận
1			Mũ bảo hộ		
2					
3					

Ghi chú: Tổ khai thác được trang bị một túi thuốc sơ cứu khi đi làm nhiệm vụ tại hiện trường.

Ngày.....tháng.....năm
Người giao

QTQLR -13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG

I. MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần sơ cứu khi xảy ra tai nạn lao động?

- Trong quá trình sử dụng lao động trong nghề rừng có thể do một yếu tố chủ quan hoặc khách quan nào đó để xảy ra tai nạn đáng tiếc (trồng rừng, khai thác, vận chuyển...).
- Nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại về sức khỏe cũng như có thể đảm bảo tính mạng con người khi tai nạn xảy ra thì bước sơ, cấp cứu ban đầu là vô cùng quan trọng, nó có thể quyết định đến khả năng cấp cứu thành công ngay sau đó.



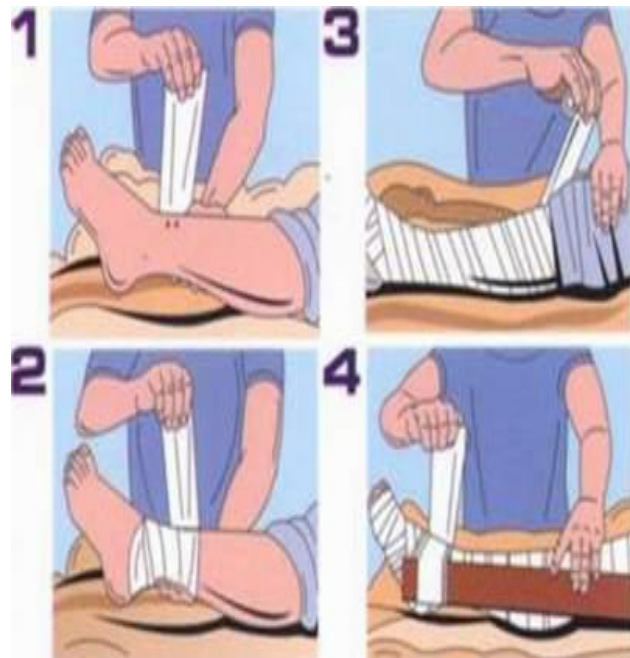
II. NỘI DUNG SƠ CỨU BAO GỒM:

1. Sơ cứu khi xảy ra tai nạn là gì?

Tất cả các hoạt động cần phải được thực hiện đảm bảo rằng nạn nhân không bị mất nhiều máu, nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi tình trạng, khu vực nguy hiểm, kéo dài thời gian trước khi nạn nhân bị đuối sức và đến khi gặp bác sĩ cấp cứu. Toàn bộ công việc được tiến hành một cách phù hợp gọi là sơ cứu.

2. Những nguyên tắc khi tiến hành sơ cứu là gì?

Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.



3. Các bước nên làm khi tiến hành sơ cứu là gì?

- Điều đầu tiên bạn nên làm trong bất cứ trường hợp nào mà cần đến sơ cứu đó là tuân theo quy tắc 3C: Coi và kiểm tra sơ, Cuộc gọi, Chăm sóc.

Coi và kiểm tra sơ bộ

- Để Coi và kiểm tra sơ nạn nhân, trước hết bạn nên khảo sát hiện trường xung quanh để đảm bảo sự an toàn. Bạn cần phải hết sức chú ý đến vị trí của nạn nhân khi bạn đến gần họ.
- Nếu trong quá trình giúp đỡ mà bạn làm cho nạn nhân đau hay có những triệu chứng tồi tệ hơn, thì dừng tiếp tục vì bạn có thể làm nạn nhân tồi tệ hơn.

Cuộc gọi khẩn cấp

- Sau khi kiểm tra nạn nhân, hãy chỉ định một người thực hiện Cuộc gọi cấp cứu. Nếu bạn là người duy nhất ở đó ngoài nạn nhân, thì bạn hãy là người gọi cấp cứu.
- Hãy nói thật rõ vị trí hiện tại của bạn, tình hình hiện tại, và mô tả bệnh nhân. Ngoài ra, nếu được, bạn hãy cung cấp hướng đi đến vị trí hiện tại của bạn một cách nhanh nhất. Trong bước này, việc giữ bình tĩnh là một trong những điều quan trọng nhất.

Chăm sóc nạn nhân nếu có thể

- Sau khi thực hiện Cuộc gọi, hãy Chăm sóc một cách thích hợp cho đến khi trung tâm cấp cứu đến và làm phần việc còn lại. Hãy đặc biệt lưu ý tới các dấu hiệu và triệu chứng sốc của nạn nhân, nếu có.

- Luôn luôn nhớ một nguyên tắc quan trọng rằng: Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.



4. Những tình huống tai nạn lao động nào cần được sơ cứu?

Hầu hết các tai nạn xảy ra trong lao động cần tiến hành sơ cứu ban đầu. Ở đây chúng tôi xin trình bày một số vấn đề chính (tai nạn thường thấy) cần tiến hành sơ cấp cứu kịp thời để đảm bảo tính mạng và hạn chế di tật sau khi tai nạn xảy ra:

4.1. Vết thương bị chảy máu:

Đây là chấn thương thường gặp nhất khi bị tai nạn. Nguyên nhân là do va đập hoặc bị vật sắc nhọn đâm vào da, xương gãy đâm ra ngoài làm rách da, đứt mạch máu, dập chi. Dấu hiệu có thể quan sát bằng mắt như dập nát hoặc rách da, thịt dẫn đến máu chảy. Nếu mất quá nhiều máu sẽ dẫn đến choáng, bất tỉnh, tử vong.



Cần làm gì khi sơ cứu vết thương chảy máu?

Trong trường hợp vết thương có dị vật, **Không rút dị vật ra vì có thể làm cho máu chảy ra nhiều hơn.**

➤ Cần xử trí theo các bước sau:

- Mang găng tay hoặc túi nilon sạch khi sơ cứu để tránh lây bệnh truyền nhiễm từ nạn nhân (nếu có).

- Dùng tay ép chặt mép vết thương. Chèn băng, quanh dị vật cho cố định. Lưu ý không băng trùm dị vật. Chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế.

➤ Với vết thương chảy máu dập nát hay đứt cần:

- Đeo găng tay. Làm garo cầm máu bằng cách cuộn thật chặt ở vị trí trên vết thương 3-5cm. Có thể vải sạch làm garo nếu không có sẵn dụng cụ y tế.

- Xoắn garo từ từ cho đến khi máu hết chảy. Đưa bệnh viện.

4.2. Tai nạn làm gãy xương nạn nhân?



nên

gạc
lên



chi,

quần
dùng

đến

Khi xương bị gãy, dấu hiệu điển hình là đau ở vùng gãy, đau hơn khi sờ ấn hoặc cử động, giảm hoặc không thể cử động chỗ bị thương, kèm theo sưng nề, chảy máu. Trong một số trường hợp da bị bầm tím. Nếu gãy xương hở đầu, xương có thể đâm thủng da.



Việc đầu tiên cần làm là cố định tạm thời bộ phận bị gãy. Tránh làm xương dịch chuyển, không thể xảy ra thêm tổn thương về mạch máu, thần kinh, cơ. Có thể dùng các loại nẹp tự tạo từ gỗ, tre, đòn gánh để cố định vùng xương gãy.

Nếu gãy xương ở gần các khớp, phải cố định cả khớp; chẳng hạn gãy xương đùi cần cố định các khớp háng, khớp gối, khớp cổ chân. Với xương cẳng chân cần cố định khớp gối, khớp cổ chân; Gãy xương cẳng tay cần cố định khớp khuỷu và khớp cổ tay.

- Riêng khi gãy xương hở, không được rửa mà chỉ lau xung quanh vết thương, bôi thuốc sát trùng và băng ép vô khuẩn. Tuyệt đối không ấn đầu xương gãy vào trong.
- Sau đó nhanh chóng đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Có thể dùng xe máy chở nạn nhân gãy xương chi ở tư thế ngồi. Tuy nhiên trong trường hợp gãy xương cột sống hay xương đùi cần vận chuyển trên cáng nằm.

4.3. Tai nạn làm chấn thương sọ não hoặc co giật?

- Khi quan sát thấy nạn nhân bị va đập ở vùng đầu, đừng tự ý di chuyển mà hãy nhờ sự giúp đỡ của những người khác. Nếu nạn nhân hôn mê, không nên cho uống bất kỳ loại nước nào vì dễ bị sặc.
- Nạn nhân chấn thương sọ não có thể bị vỡ sọ, vết thương xuyên thấu, dập não, xuất huyết trong hoặc phù não, co giật. Khi đó, nên đặt nạn nhân nằm ở nơi thoáng khí với tư thế chân kê cao hơn đầu khoảng 20 cm nếu không thấy chảy máu đầu cổ, không bị nhồi máu cơ tim. Cần ủ ấm cho bệnh nhân. Nếu nạn nhân ngưng tim, ngưng thở, nên ưu tiên hô hấp nhân tạo, xoa bóp lồng ngực ở vùng tim.
- Sau khi xử trí tổn thương ban đầu, gọi xe cấp cứu ngay. Nếu nghi ngờ nạn nhân bị tổn thương cột sống, phải thật cẩn trọng khi khiêng cáng ra khỏi hiện trường. Trong quá trình di chuyển, cần cố định nạn nhân bằng cách chèn vải, chặn gối ở phần đầu, cổ và thân.
- Khi nạn nhân co giật: Cần đặt nạn nhân nằm trên vùng đất an toàn, nâng đỡ đầu, nói rộng quần áo, đặc biệt ở vùng cổ. Nếu có nôn ói, hãy xoay nạn nhân nằm nghiêng một bên để

tránh hít chất nôn vào phổi. Sau đó gọi số 115 để được hỗ trợ.

4.4. Tai nạn làm bong gân, trật khớp?

Đối với bong gân: Hạn chế cử động vùng bị tổn thương. Băng, ép nhẹ vùng tổn thương và chườm đá. Nếu thấy các đầu chi có tái nhợt, nên nới băng lỏng.

Trật khớp: Không cử động khớp mà cần cố định khớp ở đúng vị trí sai lệch. Không thoa dầu nóng hay nắn khớp mà chỉ nên chườm lạnh vùng tổn thương.



QTQLR – 14. QUY TRÌNH BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SÚI

I. Mục đích

- Mục đích của việc quản lý, bảo vệ các khu vực ven sông suối là để ngăn chặn tác động tiêu cực của các hoạt động rừng đến sự ổn định dòng chảy của sông, suối, chất lượng nước không bị tác động, năng suất và tính đa dạng của hệ sinh thái nước được ổn định hạn chế thay đổi và để bảo vệ đa dạng các loài động vật hiện đang sinh sống liên quan đến các vùng trong và ven sông suối, hồ, đất ngập nước vv.

- Nhằm giúp hộ nhận khoán, chủ rừng hộ gia đình, công nhân tham gia các hoạt động sản xuất rừng và người dân địa phương xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình khi thực hiện các hoạt động trên diện tích rừng;

- Đảm bảo cho người lao động, hộ gia đình khi tham gia hoạt động lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác rừng, xử lý thực bì tại các diện tích rừng tham gia chứng chỉ nhóm tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý, kiểm soát và theo dõi hành lang ven sông suối theo đúng 10 Nguyên tắc FSC quốc tế và theo hướng dẫn Thông tư 28/TT-BNN&PTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018.

- Đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong sổ tay quản lý Rừng bền vững cập nhật tháng 4 năm 2023 của Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương.

II. KHÁI NIỆM

Các vùng đệm ven sông suối ở dọc các dòng sông, suối và xung quanh hồ và vùng đất ngập nước là: Thảm thực vật bên bờ suối làm ổn định dòng chảy và bảo vệ hai bên bờ suối không bị sới mòn đất và thường là thảm thực vật nhiều loài cây, thảm thực vật cây bản địa có cây ở tầng cao hoặc rất đa dạng các loài động vật cư trú. Chúng tạo nơi ở quan trọng và hành lang di cư của nhiều loài động vật có vú, chim các loại và duy trì được các mối liên kết ngang và dọc quan trọng về mặt sinh thái thông qua cảnh quan rừng.

III. YÊU CẦU

- Phân vùng đệm ven sông suối, hồ, đất ngập nước được yêu cầu cụ thể như sau: Hộ nhận khoán, chủ rừng, nhà thầu khai thác hoặc nhà thầu trồng rừng phải cam kết tuân thủ các yêu cầu đối với khu vực vùng đệm dọc sông suối là diện tích nằm dọc hai bên bờ sông suối và xung quanh các hồ và khu vực đất ngập nước cụ thể như sau:

+ Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;

+ Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;

+ Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;

+ Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào hiện trạng của sông, suối và hành lang ven suối để thiết lập khu vực bảo vệ ven sông, suối và các biện pháp bảo vệ phù hợp.

- Đối với rừng tự nhiên: Mọi hoạt động trên các lô rừng có chứa hành lang bảo vệ ven sông, suối, hồ chứa nước... thì phân thiết kế, tác động phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng của 2 bên hành lang ven suối theo quy định như trên. Nghiêm cấm mọi tác động đến khu vực hành lang bảo vệ ven sông suối trong rừng tự nhiên.

- Thiết kế trồng rừng và thiết kế khai thác rừng hàng năm phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng 2 bên của Hành lang ven suối, tùy vào độ rộng hẹp của lòng suối mà chiều dài vùng đệm hành lang 2 bên được quy định để quản lý vùng đệm hành lang ven sông suối, hồ, đất ngập nước như sau:

- + Không khai thác gỗ, không vận xuất;
- + Được phép làm đường tiếp cận trong thời gian thi công cầu;
- + Phải dọn tất cả các cây bị đổ xuống lòng sông suối;
- + Trồng cây bổ sung ngay nếu có cây bị gãy, đổ do khai thác, mở đường;
- + Trong trường hợp cây đổ bất ngờ vào dòng sông hoặc suối, thì phải chuyển cây đổ đó đi.

+ Các lô rừng đã trồng rừng đến sát mép sông, suối, hồ chứa nước bằng cây trồng kinh tế, tuổi thọ ngắn, dễ bị đổ gãy như Keo lai, Keo tai tượng... thì hộ gia đình trồng rừng phải thay thế bằng các cây bản địa (...,...) hoặc các loài cây có tác dụng phòng hộ khác như tre, luồng...



Không tuân thủ



Tuân thủ

Biểu 24: TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC HÀNH LANG VEN SUỐI (XÓM/TRẠM/XÃ)

BAN ĐẠI DIỆN CCR XÃ/BQL RPH:					
(XÓM/TRẠM:.....)					
Trưởng ban:		SĐT:		Ngày lập: Địa chỉ:	
STT	Họ và tên chủ rừng	Ký hiệu lô rừng	Diện tích lô (ha)	Mô tả hiện trạng (dài, rộng, thực bì, xói mòn, nước chảy hay ao tù/khe cạn)	Kế hoạch quản lý

QTQLR -15. QUY TRÌNH BẢO VỆ CÁC ĐỊA ĐIỂM CÓ Ý NGHĨA VỀ MẶT TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG, LÃNG MỘ

I. Mục đích của quy trình:

- Bảo vệ, giữ gìn và tôn trọng các địa điểm tâm linh, tín ngưỡng của người dân.
- Bảo vệ, giữ gìn và tôn trọng nơi an nghỉ cuối cùng của người dân và người thân của họ.
- Đảm bảo các hoạt động lâm nghiệp như trồng và khai thác rừng được diễn ra thuận tiện, không ảnh hưởng đến các khu lăng mộ trong hoặc gần rừng.
- Nâng cao mối quan hệ giữa chủ rừng, Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương và cộng đồng địa phương.

II. Đối tượng áp dụng:

Toàn bộ các khu vực có phần mộ, miếu thờ cúng, chùa chiền và các khu vực mang tính chất tín ngưỡng, tưởng nhớ của người dân đã có từ trước, hiện tại có trong và liền kề với diện tích rừng trồng của nhóm.

III. Các bước tìm hiểu lưu trữ thông tin

3.1. Tiến hành điền tra nhân dân địa phương

Thu thập thông tin và lập danh sách, tổng hợp số lượng, địa chỉ, tọa độ, ...

3.2. Thành lập hồ sơ có bản đồ miêu tả chi tiết vị trí các khu lăng mộ, bao gồm các lô rừng tiếp giáp. Số liệu có thể tổng hợp theo biểu sau:

Địa điểm	Tiểu khu/ Khoảnh/Lô	Tên chủ hộ	Số lượng	Miêu tả	Ghi chú

Các hướng dẫn cụ thể:

- Khi triển khai các hạng mục công việc có liên quan đến các khu lăng mộ, miếu thờ cúng, chùa chiền, các khu vực có ý nghĩa về tâm linh, tín ngưỡng khác cần đưa thông báo cho các gia đình với kế hoạch các nội dung công việc cụ thể và thời gian dự trừ.
- Đối với công đoạn trồng rừng thì không xử lý thực bì bằng phương pháp đốt với những diện tích liền kề với các khu vực kể trên. Nếu có phải làm vành đai trắng cản lửa hoặc cách xa khu vực mộ từ 15-20m.
- Cuộc trồng rừng phải cách khu vực mộ 5-7m.
- Cần cập nhật, trao đổi thông tin để nắm bắt khi các hộ gia đình viếng thăm mộ và thực hiện các nghi thức thờ cúng, nhằm ngăn chặn khả năng cháy, xả rác bừa bãi.
- Nếu có xảy ra sạt lở, xuống cấp hay bị phá hoại thì cần thông báo với chủ gia đình.
- Sau thiên tai gió bão cần kiểm tra tình hình các hàng cây vành đai và có biện pháp khắc phục nếu có gãy đổ.
- Khi khai thác: mở đường vận chuyển cách xa khu vực lăng mộ, miếu thờ cúng, chùa chiền,tránh tác động. Đảm bảo không gặt ủi, che lấp phần lăng mộ... tránh tối đa sự ảnh hưởng tới tôn nghiêm tín ngưỡng của người dân.

- Không tập kết gỗ sát với khu vực lăng mộ, nên cách xa 10-15m để đảm bảo không tác động.
- Ngoài ra, các thành viên nhóm cần đảm bảo không tụ tập, không xả rác, và không lưu trữ dụng cụ lao động tại các khu vực lăng mộ.
- Luôn thể hiện tinh thần hợp tác, hỗ trợ giữa nhóm hộ và các gia đình thân nhân của phân lăng mộ.
- Nếu có bất cứ tranh chấp nào xảy ra cần báo ngay cho ban đại diện nhóm để có biện pháp giải quyết phù hợp.

IV. Đối với các địa điểm có ý nghĩa về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc hoặc cộng đồng địa phương.

Khu vực quản lý của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương không có các địa điểm có ý nghĩa về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc hoặc cộng đồng người địa phương. Tuy nhiên bất cứ địa điểm nào mới quan sát hay phát hiện có ý nghĩa về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc hoặc cộng đồng người địa phương, Ban quản lý nhóm yêu cầu dừng ngay các hoạt động quản lý trong vùng cho đến khi đạt được các biện pháp bảo vệ với người dân tộc hoặc các biện pháp bảo vệ được thống nhất với cộng đồng người địa phương, theo như quy định bởi địa phương và luật quốc gia.

QTQLR -16. QUY TRÌNH KIỂM SOÁT LOÀI THỰC VẬT NGOẠI LAI, XÂM LẤN

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị định 35/NĐ-CP ngày 18/03/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn chiến đến năm 2030.
- Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.
- Chỉ thị 42/CT-TTg ngày 08/12/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai, xâm hại.
- Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ TN-MT về quy định tiêu chí xác định và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại

2. Định nghĩa

Theo từ điển tiếng Việt (1997), thực vật ngoại lai là loài thực vật từ bên ngoài vào nước ta. Như vậy nếu chỉ dừng ở từ ngoại lai thì có thể hiểu hai mặt tích cực và tiêu cực của nó.

- Xét về mặt tích cực, đó là loài cây trồng, những giống cây trồng đã được nghiên cứu hoặc đang nghiên cứu những đặc tính có lợi được đưa vào nội địa với mục đích nghiên cứu,

làm đa dạng nguồn gen, không ảnh hưởng đến hệ sinh thái bản địa. Gọi đơn giản là cây trồng hoặc giống cây trồng mới.

- Xét về mặt tiêu cực, đó là loài cây trồng chưa được nghiên cứu (cây trồng lạ) được du nhập vào nội địa bằng nhiều hình thức không được phép của cơ quan quản lý nhà nước (nhập lậu) chưa từng có mặt hoặc chưa từng ghi nhận hay công bố ở trong nước.

Theo Công ước Đa dạng sinh học được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Trái Đất năm 1992 tại Rio de Janeiro (Việt Nam tham gia theo quyết định 279/ QĐ-CTN của Chủ tịch nước ngày 17 tháng 10 năm 1994 về việc phê chuẩn Công ước Đa dạng sinh học) thì sinh vật ngoại lai được định nghĩa như sau:

- Sinh vật ngoại lai (Ailen species) là một loài, phân loài hoặc taxon phân loại thấp hơn, kể cả một bộ phận cơ thể bất kỳ (giao tử, trứng, chồi mầm) có khả năng xuất hiện sống sót và sinh sản, bên ngoài vùng phân bố tự nhiên (trước đây hoặc hiện nay) và phạm vi phát tán tự nhiên của chúng.

- Sinh vật ngoại lai xâm lấn (Invasive Ailen species) là một loài sinh vật lạ đã thích nghi, phát triển, tăng nhanh số lượng cá thể trong hệ sinh thái hoặc nơi sống mới và là nguyên nhân gây ra sự thay đổi về cấu trúc quần xã, đe dọa đến đa dạng sinh học bản địa.

Đến cuối năm 2008 thuật ngữ sinh vật ngoại lai xâm hại mới được cụ thể hóa trong văn bản luật của nước ta.

Bộ luật Đa dạng sinh học 20/2008/QH12 đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ tư Quốc hội Khóa XII và chính thức có hiệu lực kể từ 01/07/2009. Theo đó tại khoản 19, điều 3, chương 1 định nghĩa:

+ Loài ngoại lai là loài sinh vật xuất hiện và phát triển ở khu vực vốn không phải là môi trường sống tự nhiên của chúng.

+ Loài ngoại lai xâm hại là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển.

3. Danh mục các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn

Trích một số loài sinh vật ngoại lai xâm lấn theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT có khả năng ảnh hưởng đến loài cây trồng trong khu vực huyện Thanh Chương.

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
A. Vi sinh vật		
1	Nấm gây bệnh thối rễ	<i>Phytophthora cinnamomi</i>
2	Vi khuẩn gây bệnh dịch hạch ở chuột và động vật	<i>Yersinia pestis</i>
E. Thực vật		
1	Bèo tây (bèo Lục bình, bèo Nhật Bản)	<i>Eichhornia crassipes</i>
2	Cây ngũ sắc (bông ổi)	<i>Lantana camara</i>
3	Cỏ lào	<i>Chromolaena odorata</i>

4	Cúc liên chi	<i>Parthenium hysterophorus</i>
5	Trinh nữ móc	<i>Mimosa diplotricha</i>
6	Trinh nữ thân gỗ (mai dương)	<i>Mimosa pigra</i>

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI CÓ NGUY CƠ XÂM HẠI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
A. Động vật không xương sống		
1	Bướm trắng Mỹ	<i>Hyphantria cunea</i>
3	Giáp xác râu ngành pengoi	<i>Cercopagis pengoi</i>
4	Kiến Ac-hen-ti-na	<i>Linepithema humile</i>
5	Kiến đầu to	<i>Pheidole megacephala</i>
6	Kiến lửa đỏ nhập khẩu (kiến lửa đỏ)	<i>Solenopsis invicta</i>
7	Mọt cứng đốt	<i>Trogoderma granarium</i>
8	Mọt đục hạt lớn	<i>Prostephanus truncatus</i>
16	Sên sỏi tía	<i>Euglandina rosea</i>
22	Tuyến trùng hại thông	<i>Bursaphelenchus xylophilus</i>
23	Xén tóc hại gỗ châu Á	<i>Anoplophora glabripennis</i>
C. Lưỡng Cư-Bò sát		
1	Ếch ương beo	<i>Rana catesbeiana</i>
2	Cóc mía	<i>Bufo marinus</i>
3	Ếch Ca-ri-bê	<i>Eleutherodactylus coqui</i>
4	Rắn nâu leo cây	<i>Boiga irregularis</i>
D. Chim - Thú		
1	Chồn ecmin	<i>Mustela erminea</i>
2	Dê hircus (dê)	<i>Capra hircus</i>
3	Sóc nâu, sóc xám	<i>Sciurus carolinensis</i>
4	Thú opôt	<i>Trichosurus vulpecula</i>
Đ. Thực vật		
1	Bèo tai chuột lớn	<i>Salvinia molesta</i>
2	Cây cúc leo	<i>Mikania micrantha</i>
3	Cây cứt lợn (cỏ cứt heo)	<i>Ageratum conyzoides</i>
4	Cây hoa Tulip châu Phi (cây Uất kim hương châu Phi)	<i>Spathodea campanulata</i>
5	Cây chân châu tía	<i>Lythrum salicaria</i>
6	Cây cúc bò (cúc xuyên chi)	<i>Sphagneticola trilobata</i>
7	Cây đương Prosopis	<i>Prosopis glandulosa</i>
8	Cây kim tước	<i>Ulex europaeus</i>
9	Cây Miconia	<i>Miconia calvescens</i>

10	Cây thánh liều	<i>Tamarix ramosissima</i>
11	Cây xương rồng đất	<i>Opuntia stricta</i>
12	Cây keo giậu	<i>Leucaena leucocephala</i>
13	Cây lược vàng	<i>Callisia fragrans</i>
14	Cỏ echin	<i>Cenchrus echinatus</i>
15	Cỏ kê Para	<i>Urochloa mutica</i>
16	Cỏ nước lợ	<i>Paspalum vaginatum</i>
17	Cỏ lào đỏ	<i>Ageratina adenophora</i> (<i>Eupatorium adenophorum</i>)
18	Chút chút nhật	<i>Fallopia japonica</i>
19	Gừng dại (ngải tiên dại)	<i>Hedychium gardnerianum</i>
20	Rong lá ngò	<i>Cabomba caroliniana</i>

4. Tác động tiêu cực của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại

- Đặc điểm chung là sinh sản nhanh chóng; khả năng cạnh tranh nguồn thức ăn, nơi sinh sống rất lớn; biên độ sinh thái của loài ngoại lai rộng, chúng thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của môi trường.

- Chúng cạnh tranh thức ăn, nơi cư trú với các loài sinh vật bản địa; làm giảm tính đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái; cản trở sự tái sinh tự nhiên của những loài bản địa do khả năng sinh trưởng và phát triển nhanh với mật độ dày đặc của loài ngoại lai; lai giống với những loài sinh vật bản địa, làm suy giảm nguồn gen.

- Đối với loài ngoại lai có khả năng thụ tinh chéo, sinh vật ngoại lai làm rối loạn hệ thống gen của sinh vật bản địa và cạnh tranh, tiêu diệt dần loài bản địa, dẫn đến sự thay đổi, suy thoái hoặc tiêu diệt luôn cả hệ sinh thái bản địa. Đặc biệt, sinh vật ngoại lai có thể truyền bệnh và kí sinh trùng.

- Gây thiệt hại lớn về kinh tế: Làm giảm năng suất cây trồng, tăng các chi phí phòng trừ....

5. Quy trình kiểm soát một số loài Thực vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại trong khu vực rừng trồng Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

5.1. Quy trình chung:

Đối với mỗi loài sinh vật ngoại lai xâm hại, biện pháp cụ thể để diệt trừ mỗi loài là khác nhau. Dựa vào dấu hiệu nhận biết sinh vật ngoại lai, có thể sử dụng các biện pháp sau:

- Biện pháp thủ công: Sử dụng sức người và các dụng cụ thô sơ để tiêu diệt, hạn chế sự phát tán và mở rộng quy mô của loài xâm hại. Biện pháp này đơn giản, dễ áp dụng, không làm ô nhiễm ô trường song tốn nhiều công lao động. Các biện pháp thủ công có thể áp dụng:

+ Nhổ và cắt, bắt bằng tay; áp dụng tốt đối với các loài sinh vật lạ chưa đến giai đoạn sinh sản. Chú ý thu thập hết các cơ thể của sinh vật và không để lại bộ phận nào của chúng còn sót lại, đề phòng chúng có thể tái sinh bằng con đường vô tính hoặc hữu tính.

+ Sử dụng các phương tiện cơ giới: máy móc, phương tiện kỹ thuật cao; đào cây, xới đất làm bật rễ, phát đốt, sản ủi, kéo lưới (loài thủy sinh) và nhiều biện pháp khác.

- Biện pháp sinh học: Sử dụng trên các cơ sở đặc điểm sinh và phát triển của loài. Biện pháp này thường dùng loài thiên địch của các loài sinh vật lạ để tiêu diệt chúng. Ưu điểm của biện pháp sinh học và không gây ô nhiễm môi trường nhưng rất bất lợi do khó kiểm soát được sự phát triển của các loài thiên địch sau khi chúng đã tiêu diệt hết các loài sinh vật lạ. Vì vậy, khi áp dụng biện pháp này, cần cẩn trọng và chỉ nhập các loài thiên địch khi đã biết rõ đặc tính sinh học của chúng.

- Biện pháp hóa học: Biện pháp này có lợi thế nhanh, ít tốn nhân công và rẻ tiền nhưng thường gây ô nhiễm môi trường hoặc đôi khi gây độc cho cả cây trồng và những loài sinh vật bản địa khác. Vì vậy, khi áp dụng biện pháp này, cần chú ý sử dụng hợp lý thuốc hóa học bảo vệ thực vật một cách có chọn lọc theo 4 nguyên tắc: đúng chủng loại, đúng liều lượng và nồng độ, đúng thời điểm và đúng kỹ thuật để đem lại hiệu quả cao nhất.

- Biện pháp tổng hợp: Sử dụng phối hợp cả 3 biện pháp thủ công – sinh học – hóa học nhằm phát huy ưu điểm và hạn chế yếu điểm của từng biện pháp riêng lẻ. Thí dụ như đối với việc tiêu diệt cây Mai dương, cần tiến hành nhổ, chặt, cày đất khi cây còn non và mới phát triển; dùng hóa chất khi cây phát triển mạnh và tìm được các loài thiên địch để tiêu diệt hoàn toàn chúng.

- Biện pháp kinh tế: Bao gồm các công cụ kinh tế để gián tiếp kiểm soát và tiêu diệt sinh vật ngoại lai xâm hại:

+ Khuyến khích người dân sử dụng loài ngoại lai làm nguồn thức ăn, làm nguyên liệu cho ngành thủ công nghiệp, làm chất đốt. Ví dụ như sử dụng thân cây mai dương làm củi và làm giá thể trồng nấm, làm thức ăn cho dê. Sử dụng lục bình để làm phân xanh, nấu cồn, làm vật liệu đan thủ công mỹ nghệ.

+ Áp dụng nguyên tắc “Người gây hại phải trả tiền”. Khi một tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhập loài sinh vật lạ, các cơ quan chức năng sử dụng các công cụ pháp luật tiến hành quản lý, xử phạt hoặc yêu cầu ký cam kết đảm bảo. Trong trường hợp loài sinh vật phát tán và gây hại ra môi trường, yêu cầu trả phí khắc phục hậu quả môi trường do loài đó gây nên.

5.2. Quy trình cụ thể cho một số loài

5.2.1. Cây Cỏ Lào:

+ Tác động tiêu cực: Cỏ Lào có thể tạo thành các bụi cây rậm rạp, ngăn cản sự thiết lập quần thể của các loài khác do cạnh tranh về nơi sống. Khi thời tiết khô, cỏ Lào có thể trở thành vật liệu gây cháy. Chúng có thể gây dị ứng da hoặc hen suyễn đối với những người mẫn

cảm. Đây là loài cỏ dại ở các khu bảo tồn, Vườn quốc gia và tác động làm thay đổi các quá trình phát triển tự nhiên của hệ sinh thái.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Áp dụng biện pháp thủ công như cắt, cuốc và phơi khô và đốt;

5.2.2. Cúc liên chi:

+ *Tác động tiêu cực*: Cúc Liên chi có khả năng cạnh tranh với các loài bản địa gây ra thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, rừng tái sinh tự nhiên và là nguồn dễ xảy ra cháy rừng. Cúc Liên chi có thể gây ra dị ứng nghiêm trọng đối với người mẫn cảm.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Áp dụng biện pháp thủ công như cắt, cuốc và phơi khô và đốt; phối hợp nhiều biện pháp như sinh học, hóa học.

5.2.3. Trinh nữ móc:

+ *Tên khác*: Trinh nữ thân vuông, cây xấu hổ thân vuông

+ *Tác động tiêu cực*: Trinh nữ móc là loài cỏ dại nguy hiểm đối với cây trồng nông nghiệp, bao phủ chắn ánh sáng đối với các loài cây lâm nghiệp. Trinh nữ móc mọc thành một tấm màn gai góc che phủ lên thảm thực vật, ngăn cản các loài động vật tới kiếm ăn, hạn chế sự sinh trưởng và phát triển của các loài thực vật khác.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Áp dụng biện pháp cắt, phát cây Trinh nữ móc thường xuyên để ngăn chặn sự phát triển của cây.

Sử dụng thuốc diệt cỏ trước khi cây con mọc. Loài này không bị tác động bởi thuốc diệt cỏ có thời gian tác động ngắn nhưng mẫn cảm với thuốc diệt cỏ có tính thấm thấu như sodium arsenite, fluroxypyr và glyphosate ở liều lượng bình thường

5.2.4. Trinh nữ thân gỗ

+ *Tác động tiêu cực*: Cây Mai dương mọc dày đặc thành các bụi rậm với nhiều gai nhọn xung quanh các thủy vực, đã cản trở hoạt động của các loài động vật xuống uống nước, tiêu diệt hầu hết các loài thực vật, làm mất nơi sinh sống của nhiều loài chim và bò sát, làm giảm diện tích đồng cỏ. Ngoài ra, cây Mai dương còn xâm chiếm đất canh tác gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

+ *Biện pháp phòng ngừa*: Áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp cây Mai dương với các hoạt động chủ yếu như: thường xuyên nhổ bỏ cây non, chặt đốn tận gốc cây lớn và đốt, làm ngập nước khu vực cần diệt trừ cây Mai dương trong một thời gian nhất định tùy theo loại hình khu vực bị xâm kết hợp với việc sử dụng thuốc hóa học thích hợp.

5.2.5. Cây cúc leo (*Mikania micrantha*)

+ *Tác động tiêu cực*: Gây hại hoặc làm chết các loài thực vật khác bằng cách che phủ và chiếm nguồn sáng Mặt Trời. Bên cạnh đó, loài này cũng cạnh tranh với các loài khác nguồn dinh dưỡng, nước và tiết chất ức chế sự phát triển của các loài cây khác ở kế cận; gây hại nghiêm trọng đối với chuối, ca cao, các loại cây trồng lâm nghiệp khác.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Cây Cúc leo là loài cỏ dại khó diệt trừ do loài này có khả năng sinh sản rất mạnh mẽ: sản sinh rất nhiều hạt và khả năng tái sinh cao. Có thể sử dụng các biện pháp diệt Cúc leo bằng các loài côn trùng gây hại như *Liothrips mikaniae*,

Teleonemia sp., *Acalitus* sp. và nấm gây bệnh. Biện pháp thích hợp được sử dụng nhiều là phun thuốc diệt cỏ như Glyphosate.

5.2.6. Cây cút lợn

+ *Tên khác*: Cây hoa cút lợn, Cỏ cút lợn, Cỏ cút heo, cây cỏ hôi, hoa ngũ vị

+ *Tác động tiêu cực*: Cây cút lợn là loài cỏ dại gây hại đối với nhiều loài cây hàng năm, lâu năm, là vật chủ của nhiều tác nhân gây bệnh thực vật như vi-rút xoắn vàng lá cây cà chua (ở Tanzania).

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cây cút lợn là thường xuyên xới, nhổ bỏ tận gốc, đốt bỏ cây.

5.2.7. Ốc sên châu phi

- *Tên khác*: Ốc ma

- *Tác động của loài*:

Trong nông nghiệp: tại vùng nhiệt đới, ốc Sên châu Phi gây ra thiệt hại cho nông nghiệp như làm giảm năng suất cây trồng. Ngoài ra, ốc Sên châu Phi còn là vật truyền các tác nhân gây bệnh cho cây trồng.

Ốc sên châu Phi là loài ăn tạp nên chúng phá hủy thảm thực vật, làm giảm năng suất cây trồng. Ốc sên châu Phi cũng là vật truyền các tác nhân gây bệnh cho cây trồng (như bệnh chùn ngọn chuối); mang một số loài sán ký sinh gây bệnh viêm não trên người nếu ăn phải thịt ốc sên không được chế biến kỹ.

- *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Sử dụng biện pháp thu bắt và diệt bằng tay. Trong trường hợp đặc biệt, có thể sử dụng thuốc trừ nhuyễn thể để tiêu diệt ốc. Thường xuyên vệ sinh vườn tược, tía bỏ những cành già, cành võng, cành bị sâu bệnh; trừ cỏ dại thường xuyên.

- Rải vôi bột trên mặt đất hoặc những khu vực nghi ngờ có ốc sên.

- Phun hóa chất thích hợp diệt trừ ốc sên theo chỉ định.

TQLR -17. QUY TRÌNH SỬ DỤNG MÁY CẮT CỎ

Có nhiều loại máy cắt cỏ khác nhau, bao gồm máy cắt cỏ cầm tay, máy cắt cỏ xe đẩy,... Hiện nay người dân chủ yếu sử dụng máy cắt cỏ cầm tay.

Bước 1: Kiểm tra và pha nhiên liệu theo đúng tỷ lệ

Với máy cắt chạy bằng điện, chỉ cần kết nối với nguồn điện. Với máy cắt chạy bằng pin, chỉ cần sạc đầy pin. Còn với máy cắt cỏ chạy xăng, cần kiểm tra nhiên liệu và pha đúng tỷ lệ.

Dựa vào khuyến cáo của nhà sản xuất máy cắt mà chọn loại xăng và pha tỷ lệ cho phù hợp. Nên chọn dòng xăng chuẩn để máy không bị tắt xăng khi đang làm việc.

Bước 2: Bơm xăng vào máy cắt cỏ

Cách bơm xăng vào bình xăng con như sau: kiểm tra bằng cách ấn ngón tay vào bơm xăng và thả ra. Thực hiện liên tục cho đến khi thấy xăng chảy về ống hồi của bình xăng con thì dừng lại. Đây là thao tác quan trọng trong hướng dẫn sử dụng máy phát cỏ dùng xăng.

Bước 3: Đóng cần gió và đưa cần gar về vị trí

Để máy vận hành, đưa cần gió về vị trí off. Sau đó chuyển cần gar đến vị trí 1/3 cần.



Khởi động máy cắt cỏ

Bước 4: Khởi động máy cắt cỏ chạy xăng

Giật nhẹ bộ khởi động của máy từ 2 đến 3 lần. Sau đó giật mạnh để khởi động máy. Nhớ giữ máy cố định khi khởi động để tránh làm hỏng bộ khởi động của thiết bị.

Bước 5: Điều chỉnh gió và khởi động lại

Sau khi khởi động được máy cắt, gạt cần gió của máy về vị trí ON. Nếu động cơ dừng lại sau khi xoay vài vòng thì chỉnh cần gạt gió mở một nửa (ở khoảng giữa vị trí ON và OFF). Tiếp theo, kéo dây và giật mạnh để máy khởi động lại thêm lần nữa. Sau khi máy đã khởi động được thì để máy chạy 3-5 phút ở tốc độ chậm để máy dần làm quen.

⇒ **Nguyên tắc đảm bảo an toàn khi dùng máy cắt cỏ**

Khi sử dụng máy cắt cỏ cầm tay, cần ghi nhớ một số nguyên tắc đảm bảo an toàn sau:

+ Sử dụng đồ bảo hộ

Dù dùng máy cắt cỏ cầm tay hay máy cắt cỏ xe đẩy thì đều cần trang bị đồ bảo hộ. Bao gồm: khẩu trang, mắt kính, quần áo bảo hộ, giày, ủng bảo hộ,...



Sử dụng đồ bảo hộ khi dùng máy cắt cỏ

+ Chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu

Để tránh trường hợp hết điện, hết xăng khi đang làm việc, bạn cần chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu cho máy. Luôn chọn loại xăng, dầu chất lượng để đảm bảo tuổi thọ cho máy cắt.

Xem thêm: [Cách sử dụng máy cắt sắt cầm tay chi tiết, đúng kỹ thuật](#)

+ Kiểm tra máy cắt trước khi sử dụng

Trước khi vận hành máy, hãy nhớ kiểm tra thật kỹ. Đặc biệt chú ý các bộ phận như lưỡi cắt, vỏ máy, động cơ,.... Nếu lưỡi cắt có dấu hiệu bị mẻ, nứt thì cần thay mới.

+ Chọn địa hình làm việc phù hợp

Chỉ nên dùng máy cắt cỏ ở những nơi có bề mặt bằng phẳng. Nếu dùng máy tại các khu vực có nhiều đá tảng, đá lớn thì dễ làm mẻ lưỡi hoặc làm văng lưỡi cắt rất nguy hiểm.

+ Chú ý đến tư thế làm việc

Để thực hiện cách sử dụng máy cắt cỏ cầm tay đúng kỹ thuật, cần chú ý đến tư thế làm việc. Khi điều khiển máy phải dùng cả hai tay. Ngoài ra cần chú ý tập trung làm việc, tránh gây ra những sự cố nguy hiểm không đáng có.



Chú ý

đến tư thế khi dùng máy cắt cỏ

+ Một số vấn đề khác

Nếu bạn dùng máy mới, nên để máy chạy không tải khoảng vài tiếng. Điều này giúp động cơ của máy được bôi trơn để máy làm việc hiệu quả hơn.

Sau khi máy dùng hết 1 bình xăng thì bạn để cho máy được nghỉ khoảng 10 phút. Tránh để động cơ bị quá nóng.

Thời điểm thay nhớt cho máy cũng cần được chú ý. Với máy mới, bạn thay nhớt sau 9 - 10 tiếng làm việc. Với máy đã sử dụng, bạn thay sau khoảng 30 tiếng làm việc.

⇒ Cách bảo dưỡng máy cắt cỏ cầm tay

Bên cạnh việc hướng dẫn cách sử dụng máy cắt cỏ an toàn, bài viết còn gửi đến bạn cách bảo dưỡng máy cắt cỏ cầm tay. Để máy hoạt động ổn định và bền bỉ, tuổi thọ lâu dài, bạn cần chú ý đến những vấn đề sau:



Cách bảo dưỡng máy cắt cỏ cầm tay

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng máy cắt cỏ trước khi dùng. Bạn cần nắm vững quy trình vận hành máy cũng như biết được các bộ phận của máy.

Thay nhớt cho máy cắt cỏ sau 10 giờ đầu hoạt động. Sau đó thay nhớt định kỳ cho máy. Thời gian thay nhớt định kỳ là cách 50 giờ sử dụng.

Vệ sinh lọc gió định kỳ. Thời gian vệ sinh cũng là sau 50 giờ hoạt động hoặc sau một thời gian dài sử dụng.

Vệ sinh bugi của máy cắt cỏ và buồng đốt thường xuyên. Sau 300 giờ làm việc thì nên thay bugi cho máy.

Kiểm tra bình xăng và vệ sinh cho bình thường xuyên (khoảng sau 100 giờ làm việc). Nếu bình xăng bị đóng cặn thì bạn phải vệ sinh ngay lập tức.

Sau một thời gian dùng, bạn kiểm tra tất cả các bộ phận. Đặc biệt là các vị trí khớp nối, đai ốc, lưỡi cắt cỏ.

QUY TRÌNH 18: XỬ LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁI PHÉP HOẶC BẤT HỢP PHÁP TRÊN LÔ RỪNG

1. MỤC ĐÍCH

- Nhằm ngăn chặn, hạn chế các hoạt động trái phép hoặc bất hợp pháp xảy ra trên lô rừng theo Điều 9 của Luật Lâm nghiệp.

- Bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn nguồn gen động thực vật quý hiếm.

- Hạn chế những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa các thành viên cũng như cộng đồng địa phương.

2. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

- Khi có xảy ra các hoạt động trái phép, các thành viên, thành viên đại diện báo với BDD nhóm để kịp thời phối hợp với chính quyền và cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Về phía Ban đại diện nhóm, phân công cụ thể như sau:

Ông Lê Đình Thanh (Trưởng ban đại diện)	SĐT	+84 987167676
Ông Nguyễn Quốc Anh (Phó ban đại diện)	SĐT	+84 913564112
Ông Phan Văn Hoàng (Hạt trưởng hạt kiểm lâm – thành viên)	SĐT	+84 987379068
Ông Nguyễn Ngọc Khánh – Trưởng ban FSC Cty CP BVN Thanh Chương	SĐT	+84 868044953
Ông Nguyễn Thế Giáp (PCT xã – Trưởng phân nhóm xã Thanh Hương)	SĐT	+84 972385447
Ông Nguyễn Văn Sáng (PCT xã – Trưởng PN xã Thanh Thủy)	SĐT	+84 973288114

Ông Võ Hữu Hà (Phó ban – Trưởng PN BQLRPH)	SĐT	+84 982623368
Ông Hoàng Văn Thúc (PCT xã – Trưởng PN xã Thanh Hà)	SĐT	+84 342 590 287
Ông Trần Văn Trọng (PCT xã – Trưởng ban PN xã Thanh Tùng)	SĐT	+84 967 770 391
Ông Bùi Văn Hoan (PCT xã – Trưởng ban PN xã Thanh Mai)	SĐT	+84 986 793 513
Ông Nguyễn Xuân Kỳ (PCT xã – Trưởng ban PN xã Thanh Lâm)	SĐT	+84 962 894 399

3. QUY TRÌNH PHỐI HỢP VÀ XỬ LÝ:

- Khi phát hiện hoạt động trái phép xảy ra trên các lô rừng tham gia nhóm thì các thành viên hoặc trưởng thôn/xóm báo cho BDD nhóm biết.

- Khi có thông tin thì Ban đại diện nhóm sẽ phân loại các vi phạm, các hoạt động trái phép hoặc bất hợp pháp.

a. Nếu các vi phạm, các hoạt động trái phép trên các lô rừng thuộc thẩm quyền xử lý của Ban đại diện nhóm (*Những vi phạm liên quan đến tuân thủ quy chế nhóm, tiêu chuẩn của FSC...*) thì nhóm sẽ lập biên bản và đưa ra các hình thức xử lý vi phạm như:

- Nhắc nhở
- Cảnh cáo
- Khai trừ ra khỏi nhóm (*nếu người vi phạm là thành viên của nhóm, tuân thủ theo quy trình kết nạp và loại trừ thành viên của nhóm*).

b. Nếu các vi phạm, các hoạt động trái phép trên các lô rừng vượt thẩm quyền xử lý của BDD nhóm (*Những vi phạm về thông tư, quy định pháp luật hiện hành...*) thì nhóm sẽ liên hệ để phối hợp với chính quyền cấp xã và Hạt Kiểm lâm của huyện (*theo công văn phối hợp giữa nhóm và chính quyền địa phương*) để lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Các hình thức xử lý:

- Xử phạt hành chính
- Thu giữ phương tiện và tang vật.
- Xử phạt lao động công ích
- Truy tố trách nhiệm hình sự.

Các hoạt động trái phép diễn ra trên lô rừng khi được phát hiện sẽ được lập biên bản theo các mẫu sau:

